

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC -
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢNG CÁO
CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
(Theo tiêu chuẩn Đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)**









Nghệ An, tháng 12/2022

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC -
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢNG CÁO
CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
Theo tiêu chuẩn Đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(*Giai đoạn đánh giá: 2017 - 2022*)**

Nghệ An, tháng 12/2022

DANH SÁCH
CÁC THÀNH VIÊN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI

TT	Họ và tên, cơ quan công tác	Trách nhiệm được giao	Chữ ký
1	PGS.TS. Bùi Duy Cam Nguyên Hiệu trưởng, Trường ĐH KHTN – ĐHQGHN	Trưởng đoàn	
2	TS. Trần Đình Quang Giám đốc Trung tâm KĐCLGD - Trường ĐH Vinh	Thành viên thường trực	
3	TS. Phan Hùng Thư Trung tâm KĐCLGD - Trường ĐH Vinh	Thư ký	
4	TS. Trần Ái Cẩm Hiệu trưởng Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	Thành viên	
5	PGS.TS. Nguyễn Thị Nhị Phó trưởng khoa Vật lí – Trường Sư phạm, Trường ĐH Vinh	Thành viên	
6	TS. Nguyễn Thị Thu Hà Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương	Thành viên	
7	TS. Đào Hải Phó Hiệu trưởng Trường ĐH Hòa Bình	Thành viên	
8	ThS. Nguyễn Thị Minh Trung tâm KĐCLGD - Trường ĐH Vinh	Giám sát	

© Bản quyền và sở hữu thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh. Mọi thông tin trong Báo cáo được bảo vệ theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm mọi hình thức sao chép, công bố bất cứ nội dung nào của Báo cáo này trái với các quy định liên quan trong pháp luật hiện hành.

MỤC LỤC

Danh mục các chữ viết tắt	iv
Phần I. TỔNG QUAN	1
1. Giới thiệu chung	1
2. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài	1
3. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài	3
3.1. Tóm tắt những điểm mạnh của chương trình đào tạo	3
3.2. Tóm tắt những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo	6
3.3. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài	10
Phần II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN	12
I. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo	12
<i>Tiêu chí 1.1</i>	12
<i>Tiêu chí 1.2</i>	13
<i>Tiêu chí 1.3</i>	15
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1	16
II. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo	16
<i>Tiêu chí 2.1</i>	17
<i>Tiêu chí 2.2</i>	19
<i>Tiêu chí 2.3</i>	20
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2	21
III. Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	22
<i>Tiêu chí 3.1</i>	22
<i>Tiêu chí 3.2</i>	24
<i>Tiêu chí 3.3</i>	25
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3	27
IV. Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	28
<i>Tiêu chí 4.1</i>	28
<i>Tiêu chí 4.2</i>	30
<i>Tiêu chí 4.3</i>	31
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4	32
V. Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	33
<i>Tiêu chí 5.1</i>	33
<i>Tiêu chí 5.2</i>	35
<i>Tiêu chí 5.3</i>	37
<i>Tiêu chí 5.4</i>	38
<i>Tiêu chí 5.5</i>	40
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5	41

VI. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	42
<i>Tiêu chí 6.1</i>	42
<i>Tiêu chí 6.2</i>	44
<i>Tiêu chí 6.3</i>	45
<i>Tiêu chí 6.4</i>	46
<i>Tiêu chí 6.5</i>	47
<i>Tiêu chí 6.6</i>	48
<i>Tiêu chí 6.7</i>	49
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6	51
VII. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên	54
<i>Tiêu chí 7.1</i>	54
<i>Tiêu chí 7.2</i>	55
<i>Tiêu chí 7.3</i>	56
<i>Tiêu chí 7.4</i>	58
<i>Tiêu chí 7.5</i>	59
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7	60
VIII. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	62
<i>Tiêu chí 8.1</i>	62
<i>Tiêu chí 8.2</i>	63
<i>Tiêu chí 8.3</i>	64
<i>Tiêu chí 8.4</i>	65
<i>Tiêu chí 8.5</i>	66
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8	68
IX. Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị	68
<i>Tiêu chí 9.1</i>	68
<i>Tiêu chí 9.2</i>	69
<i>Tiêu chí 9.3</i>	70
<i>Tiêu chí 9.4</i>	72
<i>Tiêu chí 9.5</i>	74
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9	75
X. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng	76
<i>Tiêu chí 10.1</i>	76
<i>Tiêu chí 10.2</i>	77
<i>Tiêu chí 10.3</i>	79
<i>Tiêu chí 10.4</i>	80
<i>Tiêu chí 10.5</i>	81
<i>Tiêu chí 10.6</i>	82

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10	82
XI. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra	83
<i>Tiêu chí 11.1</i>	83
<i>Tiêu chí 11.2</i>	85
<i>Tiêu chí 11.3</i>	86
<i>Tiêu chí 11.4</i>	88
<i>Tiêu chí 11.5</i>	90
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11	91
Phần III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ	80
Phần IV. PHỤ LỤC	vi

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	VIẾT TẮT	CỤM TỪ ĐẦY ĐỦ
1.	BLQ	Bên liên quan
2.	CB	Cán bộ
3.	CĐR	Chuẩn đầu ra
4.	CNTT	Công nghệ thông tin
5.	CSVC	Cơ sở vật chất
6.	CTDH	Chương trình dạy học
7.	CTĐT	Chương trình đào tạo
8.	CVHT	Cổ vấn học tập
9.	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
10.	ĐCCT	Đề cương chi tiết
11.	ĐCHP	Đề cương học phần
12.	ĐGN	Đánh giá ngoài
13.	ĐH	Đại học
14.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
15.	GS	Giáo sư
16.	GV	Giảng viên
17.	KQHT	Kết quả học tập
18.	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
19.	HVBC&TT	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
20.	HVCTQGHCM	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
21.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
22.	NH	Người học
23.	NTD	Nhà tuyển dụng
24.	NV	Nhân viên
25.	PPDH	Phương pháp dạy học
26.	PPGD	Phương pháp giảng dạy
27.	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
28.	QC	Quảng cáo
29.	QHCC&QC	Quan hệ công chúng và quảng cáo
30.	QLĐT	Quản lý đào tạo
31.	SV	Sinh viên
32.	SVTN	Sinh viên tốt nghiệp
33.	TCCB	Tổ chức - Cán bộ
34.	TĐG	Tự đánh giá

35.	ThS	Thạc sĩ
36.	TS	Tiến sĩ

PHẦN I. TỔNG QUAN

1. Giới thiệu chung

Đoàn chuyên gia Đánh giá ngoài (ĐGN) thực hiện đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Quảng cáo (QC) của Học viện báo chí và Tuyên truyền (HVBC&TT) được thành lập theo Quyết định số 516/QĐ-KĐCLV ngày 25/8/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh (Trung tâm) và Quyết định số 526/QĐ-KĐCLV ngày 30/9/2022 về việc điều chỉnh danh sách Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài 03 chương trình đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Đoàn gồm có 07 chuyên gia ĐGN và 01 cán bộ (CB) giám sát, do PGS.TS. Bùi Duy Cam (số thẻ KĐV: 2017.01.244) làm Trưởng đoàn. Đoàn đã tổ chức các hoạt động ĐGN đúng theo quy định hiện hành.

Bản báo cáo này khái quát quá trình ĐGN, các kết quả đạt được, những kiến nghị đối với CTĐT ngành QC của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Báo cáo có các phụ lục:

- Phụ lục 1: Giới thiệu Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng Cáo (QHCC&QC);
- Phụ lục 2: Tóm tắt kết quả tự đánh giá (TĐG) CTĐT ngành QC;
- Phụ lục 3: Quyết định thành lập đoàn ĐGN;
- Phụ lục 4: Lịch trình ĐGN;
- Phụ lục 5: Công văn của Học viện Báo chí và Tuyên truyền phản hồi Dự thảo Báo cáo ĐGN;

Các nhận định, kết luận, đánh giá trong Báo cáo ĐGN này căn cứ trên các minh chứng, dữ liệu được Học viện cung cấp tính đến thời điểm ngày 25/10/2022, từ thực trạng của Học viện cùng các thông tin phản hồi và kết quả khảo sát, phỏng vấn các bên liên quan (BLQ) trong quá trình đánh giá.

2. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài

Công cụ mà Đoàn ĐGN sử dụng là Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT được ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), gồm 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí, mức đánh giá mỗi tiêu chí theo thang đánh giá 7 mức.

Các phương pháp đánh giá đã được Đoàn ĐGN sử dụng:

- + Nghiên cứu Hồ sơ TĐG do Học viện và Trung tâm cung cấp để xác định những vấn đề cần làm rõ trong các hoạt động của Nhà trường, đối chiếu với các yêu cầu của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;
- + Nghiên cứu, kiểm tra hồ sơ, minh chứng tại thực địa để đánh giá độ tin cậy và tính xác thực của các thông tin mà Học viện đã thể hiện trong Báo cáo TĐG;

+ Khảo sát, điều tra tại chỗ để xác thực tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp (SVTN) và lấy ý kiến đánh giá, góp ý cho Học viện từ các BLQ;

+ Phòng vấn, thảo luận với các đối tượng liên quan; quan sát, kiểm tra cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị và các hoạt động của Trường để xác thực các thông tin và nhận định, đánh giá về thực trạng của Trường.

Đoàn đã triển khai ĐGN theo các bước cụ thể như sau:

(1) *Nghiên cứu Hồ sơ TĐG*: Từ ngày 01 - 09/9/2022

Đoàn ĐGN và Trung tâm trao đổi, thống nhất nguyên tắc, phương pháp, tiêu chí đánh giá; lập kế hoạch ĐGN và phân công trách nhiệm phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí cho các thành viên trong Đoàn. Các thành viên Đoàn nghiên cứu, nhận xét hồ sơ TĐG và đánh giá sơ bộ về những vấn đề đã rõ/chưa rõ; xác định các thông tin, minh chứng còn thiếu đối với các tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công.

(2) *Họp Đoàn*: ngày 09/9/2022

Đoàn ĐGN và Trung tâm đã họp online từ 20h - 22h30 để thảo luận về các vấn đề đã rõ/chưa rõ khi nghiên cứu hồ sơ TĐG; trao đổi, thống nhất về các hồ sơ, tài liệu, minh chứng yêu cầu Học viện bổ sung; các CSVC cần quan sát, kiểm tra; các đối tượng và thành phần cần phỏng vấn; những công tác hậu cần mà Nhà trường, Trung tâm và Đoàn ĐGN cần chuẩn bị. Đồng thời, thống nhất nội dung làm việc trong đợt khảo sát sơ bộ và dự kiến lịch trình khảo sát chính thức.

(3) *Khảo sát sơ bộ*: ngày 13/9/2022

Trưởng đoàn ĐGN, Giám đốc Trung tâm, Thư ký đã tiến hành khảo sát sơ bộ tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Các đại diện Đoàn ĐGN đã làm việc với Lãnh đạo Trường, Hội đồng TĐG và các phòng, trung tâm, khoa, bộ môn của Trường. Đoàn đã báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ TĐG và trao đổi, thống nhất về lịch trình và công tác hậu cần chuẩn bị cho khảo sát chính thức của Đoàn tại Trường. Đoàn đã thảo luận với Học viện và thống nhất về các tài liệu, minh chứng yêu cầu Học viện bổ sung; các CSVC cần quan sát, kiểm tra tại cơ sở của Trường; số lượng và thành phần các đối tượng cần phỏng vấn...

Kết thúc đợt khảo sát sơ bộ, Trưởng đoàn ĐGN cùng Giám đốc Học viện đã ký Biên bản ghi nhớ.

(4) *Khảo sát chính thức*: từ ngày 21 – 25/10/2022

Đoàn đã thực hiện các hoạt động: kiểm tra hồ sơ, minh chứng, phỏng vấn trực tiếp với nhóm CB phụ trách các mảng: Đào tạo, Khảo thí; Công tác sinh viên (SV), Đảm bảo chất lượng (ĐBCL), Thanh tra giáo dục; Nghiên cứu khoa học (NCKH), Tài chính, Tuyển sinh, Quan hệ doanh nghiệp, Hợp tác quốc tế, Quản trị, Thư viện, Công nghệ thông tin (CNTT), ... thảo luận và phỏng vấn chính thức, đồng thời lấy ý kiến đánh giá, góp ý của 06 nhóm đối tượng gồm tất cả các BLQ (94 người); gặp gỡ và phỏng vấn

không chính thức với SV tại nhà ăn SV, ký túc xá, thư viện, phòng thực hành; thực hiện quan sát hoạt động của thư viện, kiểm tra ngẫu nhiên nhiều đầu sách/giáo trình của các học phần (HP) của CTĐT ngành QC; kiểm tra CSVC, trang thiết bị và quan sát hoạt động lên lớp của một số lớp học; khảo sát về tình hình việc làm (qua điện thoại) đối với 15 SVTN đại học hệ chính quy tốt nghiệp năm 2020 và 2021; Trong đó, tỉ lệ SVTN có việc làm trong vòng 6 tháng là 76,9% (kết quả khảo sát năm 2021); tỉ lệ SVTN làm đúng chuyên môn được đào tạo là 80,8% (kết quả khảo sát năm 2021).

Đoàn cũng đã thu được từ các BLQ đến tham dự phỏng vấn 94 phiếu góp ý, tổng cộng có 156 ý kiến của CB, giảng viên (GV), SV, cựu SV và Nhà tuyển dụng (NTD) về các hoạt động của Nhà trường.

Sau mỗi ngày làm việc, Đoàn tập trung thảo luận, tổng kết các vấn đề và thống nhất các nội dung đánh giá. Đồng thời, Đoàn dành thời gian để tiếp CB, GV và SV có nhu cầu gặp và trao đổi với Đoàn.

(4) *Viết dự thảo Báo cáo ĐGN*: Từ 26/10/2022 đến ngày 05/11/2022, Đoàn tiếp tục thảo luận, thống nhất và viết dự thảo Báo cáo ĐGN. Dự thảo báo cáo ĐGN được toàn bộ thành viên trong Đoàn và CB giám sát của Trung tâm KĐCLGD-Trường ĐH Vinh thông qua và được gửi để lấy ý kiến phản hồi của Học viện vào ngày 05/12/2022.

(5) *Hoàn thiện Báo cáo ĐGN*: sau khi nhận được văn bản phản hồi đồng ý hoàn toàn với Dự thảo báo cáo ĐGN CTĐT ngành QC của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (ngày 07/12/2022), Đoàn ĐGN đã rà soát và hoàn thiện Báo cáo ĐGN. Báo cáo ĐGN chính thức đã được tất cả các thành viên của Đoàn ĐGN nhất trí thông qua ngày 08/12/2022. Đoàn đã gửi lại Báo cáo ĐGN chính thức cho Học viện (qua Trung tâm KĐCLGD-ĐHV) theo đúng quy định.

3. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài

Đoàn ĐGN đã triển khai khảo sát chính thức tại HVBC&TT từ ngày 21 - 25/10/2022 theo đúng kế hoạch, quy trình, đảm bảo tính khách quan, trung thực, độc lập và dựa trên minh chứng. Các phát hiện chính như sau:

3.1. Tóm tắt những điểm mạnh của chương trình đào tạo

(1) Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu và CĐR của CTĐT cử nhân ngành QC đã xác định tương đối rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Học viện, phù hợp với mục tiêu của giáo dục ĐH và Khung trình độ Quốc gia. CĐR của CTĐT được xác định với các nội dung về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm, thể hiện được mục tiêu của CTĐT; được định kỳ rà soát và chỉnh sửa bổ sung, phản ánh được yêu cầu các BLQ; được công bố công khai.

(2) Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT ngành QC có đầy đủ các nội dung và thông tin theo quy định, định kỳ được cập nhật, phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và xu hướng phát triển của ngành QC. Các đề cương học phần (ĐCHP) của ngành QC thể hiện đầy đủ các thông tin theo quy định, về cơ bản thể hiện rõ các mức độ giảng dạy tương ứng với các trình độ năng lực mà người học (NH) cần đạt được sau khi học; được rà soát, đánh giá và điều chỉnh định kỳ hàng năm. Bản mô tả CTĐT và ĐCHP ngành QC được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho các BLQ dễ dàng tiếp cận và sử dụng.

(3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Chương trình dạy học (CTDH) của ngành QC được thiết kế với các khối kiến thức, các HP phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT, đảm bảo sự cân đối giữa các HP. Mỗi HP trong CTDH đã thể hiện được sự đóng góp trong việc đạt được CĐR của CTĐT. CTDH có cấu trúc tương đối hợp lý, thể hiện tính tích hợp giữa các HP; đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các HP đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. CTDH được rà soát, cập nhật, điều chỉnh định kỳ, phù hợp với yêu cầu chung và yêu cầu CĐR của CTĐT.

(4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mục tiêu chiến lược, mục tiêu đào tạo, triết lý giáo dục được Học viện tuyên bố và phổ biến đến các BLQ. Các hoạt động dạy - học được thiết kế tương đối phù hợp nhằm đạt được CĐR; thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu/kỹ năng mềm nhằm nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH và hướng đến việc đạt được CĐR của HP và CĐR của CTĐT.

(5) Đánh giá kết quả học tập của người học

Việc đánh giá KQHT của NH được Học viện thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Các quy định về đánh giá KQHT của NH được xác định rõ ràng về hình thức, phương pháp đánh giá đa dạng, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá KQHT của NH. NH được phổ biến các quy định về kiểm tra đánh giá (KTĐG) KQHT, được phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT. Việc khiếu nại về KQHT được xử lý, giải quyết kịp thời.

(6) Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Học viện có ban hành Chiến lược phát triển của Học viện/Khoa và các văn bản quy hoạch CB lãnh đạo, quản lý, đánh giá kết quả triển khai và đạt chỉ tiêu đề ra. Tỷ lệ GV/NH đáp ứng theo quy định. Có xác định rõ mức chuẩn và quy đổi khối lượng công việc giảng dạy, định mức NCKH theo từng chức danh. Có ban hành văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng và lựa chọn GV, thông tin tuyển dụng được công khai trên trang thông tin điện tử. Công tác đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ dựa trên nhu cầu đăng ký vào đầu năm học, thực hiện hàng năm và giám sát bởi Ban Tổ

chức – Cán bộ (TCCB). Việc đánh giá, phân loại GV dựa trên kết quả thống kê định kỳ mức độ hoàn thành nhiệm vụ đăng ký vào đầu năm học, và kết quả phản hồi của NH. Công tác xét danh hiệu thi đua khen thưởng được thực hiện công khai, minh bạch, và công bố chính thức kết quả hàng năm.

(7) Đội ngũ nhân viên

Học viện đã rà soát, phân tích trên tình hình thực tế, bàn bạc dân chủ rộng rãi tại các đơn vị trước khi ban hành và công bố công khai quy định về tuyển dụng và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm. Hệ thống các văn bản quy định về khối lượng và nghĩa vụ lao động cho NH được hướng dẫn, triển khai theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên (NV) hằng năm và là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xem xét danh hiệu thi đua, xét nâng lương và đề nghị các cấp khen thưởng. Đội ngũ NV hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Học viện và các cấp có thẩm quyền.

(8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Học viện có đề án tuyển sinh bao gồm các chính sách và quy định cụ thể đối với từng ngành đào tạo, Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng, theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, được cập nhật hằng năm và được công khai trên các phương tiện thông tin; có bộ phận chuyên trách và các quy trình/quy định giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH và cảnh báo học vụ, tư vấn việc làm và tư vấn hỗ trợ NH trong học tập, NCKH; có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ và thôi học của NH; hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua, và nhiều dịch vụ hỗ trợ khác đã khuyến khích SV phấn đấu học tập, NCKH cũng như tu dưỡng, rèn luyện để đạt được những thành tích tốt trong học tập, NCKH; ngoài ra SV còn được học tập, nghiên cứu, rèn luyện và phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần trong một môi trường cảnh quan, xã hội và tâm lý thuận lợi.

(9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Khuôn viên rộng rãi, thoáng mát, an ninh, an toàn tốt, cây xanh nhiều, thiết kế đẹp, thân thiện. Có khu Kí túc xá riêng (373 phòng) bố trí trong một khu vực liên hợp cả khu thể thao, căng-tin, y tế rất tiện lợi cho sinh hoạt của NH. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng phong phú (6,7m²/NH), có đủ trang thiết bị phù hợp phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng (PVCĐ). Hệ thống CNTT, thư viện, thiết bị thực hành phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ: Có đủ học liệu, không gian tự học; có 06 phòng thực hành tin học, 03 phòng lab học tiếng, 10 phòng thực hành chuyên dụng dùng chung; công tác tin học hoá việc quản lí trường học và an toàn dữ liệu bước đầu được chú trọng.

(10) Nâng cao chất lượng

Học viện có hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện lấy ý kiến của các BLQ trong quá trình thiết kế và phát triển CTDH; có quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT; có các bước thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và phản hồi từ các BLQ; có các quy định về quản lý quá trình dạy và học, đánh giá KQHT của NH đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR; có hệ thống các đơn vị thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ nhằm đáp ứng việc thu thập đầy đủ thông tin. Khoa QHCC và QC có đề tài NCKH được vận dụng trong hoạt động và giảng dạy. Các đơn vị của Học viện có sự phối hợp triển khai các đợt khảo sát và có báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng của các hoạt động hỗ trợ dịch vụ và tiện ích đối với NH.

(11) Kết quả đầu ra

Tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV được giám sát, xác lập, cập nhật và đối sánh giữa các CTĐT của Học viện. Tỉ lệ SV thôi học thấp và tỉ lệ SVTN có việc làm và làm việc phù hợp với ngành đào tạo cao. Công tác NCKH của SV được quản lý, tổ chức tương đối chặt chẽ và có chính sách tạo động lực khuyến khích SV tham gia và GV nhiệt tình hướng dẫn. Công tác khảo sát sự hài lòng của các BLQ được thực hiện định kỳ, đa dạng về phương thức khảo sát và kết quả khảo sát đã được sử dụng tương đối hiệu quả để cải tiến chất lượng.

3.2. Tóm tắt những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo

(1) Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Trong quá trình rà soát điều chỉnh CTĐT, Học viện cần hoàn chỉnh mục tiêu của CTĐT theo hướng bổ sung năng lực tự học và tự nghiên cứu, năng lực hướng dẫn truyền bá và phổ biến kiến thức của NH vào mục tiêu cụ thể của CTĐT. Cần rà soát và cập nhật CĐR của CTĐT, lưu ý sử dụng các động từ phù hợp để có thể đánh giá, đo lường mức độ đạt được của các CĐR. Cần thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ đầy đủ và thường xuyên hơn.

(2) Bản mô tả chương trình đào tạo

Học viện cần tổ chức rà soát, điều chỉnh Bản mô tả CTĐT đảm bảo đầy đủ nội dung nhằm thu hút các BLQ tiếp cận với Bản mô tả CTĐT; đồng thời có hướng dẫn sử dụng hiệu quả Bản mô tả CTĐT cho các BLQ, đặc biệt là GV và NH. ĐCHP cần được rà soát và thống nhất về cấu trúc; bổ sung nội dung hỗ trợ NH tự học và có phương pháp KTĐG việc tự học của NH; cần thay thế các tài liệu tham khảo đã quá cũ. Cần có chiến lược quảng bá để công bố công khai rộng rãi Bản mô tả CTĐT và ĐCHP ngành QC, giúp các BLQ dễ dàng tiếp cận hơn.

(3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Học viện/Khoa cần bổ sung sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các học phần trong khung CTĐT; rà soát lại CĐR của một số HP để xác định lại CĐR cho phù hợp, dễ đo lường, đánh giá. Cần rà soát lại phương pháp dạy học (PPDH) của một số HP để bổ sung

hoặc điều chỉnh PPDH phù hợp với nội dung của HP. Cần có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cựu SV và NTD thường xuyên hơn, với số lượng phù hợp hơn để đảm bảo độ tin cậy của các kết quả khảo sát; cần thiết kể câu hỏi khoa học hơn và bao phủ hết được các vấn đề liên quan đến CTDH, ĐCHP để có thể thu thập được nhiều thông tin hữu ích hơn cho việc đổi mới nội dung học phần trong CTDH, đáp ứng CĐR.

(4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Học viện cần có kế hoạch phổ biến, giới thiệu triết lý giáo dục/mục tiêu giáo dục tới các BLQ với các hình thức đa dạng hơn. Nên có hướng dẫn cụ thể để giải thích đầy đủ nội hàm của triết lý giáo dục tới CB, GV, NH, ... và đơn vị, cá nhân ngoài Học viện. Cần rà soát bổ sung thêm một số PPDH hướng tới tính thực tiễn cao phù hợp với nội dung của HP. Quan tâm hơn nữa đến hoạt động đổi mới PPDH của GV và đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học (học tập trải nghiệm - Learning service). Cần bổ sung vào ĐCHP hoạt động giám sát, hỗ trợ giúp SV tự học và có phương pháp KTĐG kết quả tự học của SV; đồng thời cần có các nghiên cứu đánh giá tác động của các PPDH đến hoạt động tự học của SV để cải tiến phương pháp dạy cách học và tự học cho SV.

(5) Đánh giá kết quả học tập của người học

Học viện/Khoa cần rà soát việc thiết kế các phương pháp KTĐG để đo lường mức độ đạt được CĐR của các HP, nhất là đối với chuẩn về kỹ năng và chuẩn về mức độ tự chủ, trách nhiệm. Cần có hướng dẫn đầy đủ về việc phân tích, đánh giá phương pháp KTĐG và sử dụng kết quả phân tích, đánh giá để cải tiến phương pháp KTĐG cho phù hợp đảm bảo đánh giá đúng năng lực của NH. Định kì cần phân tích KQHT của SV để có sự đối sánh đánh giá mức độ chính xác và độ tin cậy của đề thi và phương pháp KTĐG. Nên cử GV tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng về khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục để có thể định lượng đánh giá các đề thi bằng các phần mềm chuyên dụng. Quy định về phúc khảo bài thi cần được mô tả rõ ràng hơn về quy trình chấm phúc khảo. Nên có quy định về khiếu nại kết quả điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm tiểu luận.

(6) Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Khoa cần chi tiết hóa lộ trình triển khai kế hoạch chiến lược, nhóm giải pháp thực hiện trong từng giai đoạn. Bổ sung quy định về hoạt động PVCĐ của GV và quy đổi giờ bình quân hàng năm. Ban hành văn bản riêng phù hợp với quy định hiện hành và bối cảnh thực tế về việc lựa chọn đội ngũ để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển. Rà soát quy định đánh giá năng lực của đội ngũ GV bao hàm các tiêu chí về giảng dạy, NCKH và PVCĐ. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Ban TCCB và các khoa/đơn vị trong việc lựa chọn các nội dung/khóa tập huấn bám sát với năng lực hỗ trợ hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ. Cần chủ động xây dựng các hướng nghiên cứu, thành lập các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh hợp tác NCKH với các cơ sở nghiên cứu

trong và ngoài nước, tích cực tìm hiểu thị trường KHCN trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án các cấp nhằm tăng số lượng và chất lượng nghiên cứu.

(7) Đội ngũ nhân viên

Học viện cần tiếp tục rà soát lại tính phù hợp của các vị trí công việc, điều chuyển, bổ sung, phân bổ hợp lý đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Nên rà soát, điều chỉnh Quy định về việc tuyển dụng công chức viên chức, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển gắn với Đề án vị trí việc làm và Nghị định 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó cần quan tâm đến các chính sách thu hút đội ngũ NV có năng lực cao. Học viện cần tiến hành tổng kết về tính hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV sau khi đã thực hiện để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng; cần chú trọng hơn các khóa tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ của từng lĩnh vực hỗ trợ cho đội ngũ NV, chẳng hạn chuyển đổi số cho các lĩnh vực cụ thể, phát triển CTĐT.

(8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Học viện và Khoa Quan hệ công chúng và QC (QHCC&QC) cần phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực ngành QC sát với đối tượng mà Khoa đang đào tạo để có những điều chỉnh trong đề án tuyển sinh hằng năm; Cần triển khai lấy ý kiến đóng góp từ BLQ về phương pháp xét tuyển và tiêu chí tuyển sinh của Học viện nói chung, chuyên ngành nói riêng; Học viện cần tuyển thêm GV chuyên Ngành để việc tuyển sinh sẽ phù hợp chỉ tiêu đề ra; Học viện và Khoa cần có kế hoạch định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả của đội ngũ cố vấn học tập (CVHT); Học viện cần tạo thêm không gian tổ chức cho các hoạt động CLB, sinh hoạt đội nhóm cho SV; Học viện cần bố trí thêm không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa CVHT và SV.

(9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Tăng số lượng phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại (smart classroom). Tăng cường việc kết nối nguồn học liệu số với các trường ĐH khác; tăng số máy khử từ. ĐBCL học liệu thông qua thúc đẩy việc xuất bản tài liệu lưu hành nội bộ và cập nhật tài liệu học tập thường xuyên hơn. Tăng cường kỹ năng khai thác, sử dụng các trang thiết bị thực hành cho GV. Đẩy mạnh công tác ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục: Đầu tư phần mềm quản lý tương tác giữa GV và NH trong dạy-học trực tuyến, tăng cường sản xuất học liệu e-learning; đầu tư thêm chức năng thống kê số lượng tài liệu theo ngành, theo năm cho Phần mềm quản lý thư viện Kipos phục vụ công tác thống kê, quản lý; phát triển/đầu tư phần mềm quản lý minh chứng phục vụ công tác ĐBCL và KDCLGD.

(10) Nâng cao chất lượng

Học viện/Khoa cần có kế hoạch thu thập ý kiến phản hồi từ các BLQ đối với các hoạt động riêng với mẫu phiếu khảo sát đầy đủ thông tin chuyên sâu; cần phân tích

những điểm tồn tại trong báo cáo khảo sát cho từng hoạt động và đề xuất kế hoạch cải tiến cụ thể; cần mở rộng đối tượng khảo sát là NTD khi góp ý về CTDH nhằm thu thập dữ liệu một cách có hệ thống, đa dạng phục vụ tốt hơn cho việc thiết kế và phát triển CTDH. Học viện/Khoa cần có quy định, quy trình làm rõ việc phân tích các phổ điểm sau mỗi đợt thi kết thúc học phần; cần nghiên cứu để từng bước cải tiến, áp dụng các hình thức KTĐG tiên tiến hơn, đảm bảo đánh giá tốt hơn năng lực NH.

(11) Kết quả đầu ra

Học viện cần ban hành quy định chi tiết về công tác giám sát, thống kê, phân tích đối sánh tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và tính thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khóa đào tạo và hoàn thiện phần mềm quản lí đào tạo (QLĐT) để thuận lợi cho các đơn vị triển khai thực hiện. Khoa cần đặc biệt quan tâm đến các giải pháp để tăng số SVTN đúng hạn và tăng cường chất lượng NCKH của SV. Nâng cao hiệu quả của hoạt động đối sánh trong việc cải tiến chất lượng và khảo sát chất lượng SVTN.

3.3. Bảng tổng hợp kết quả Tự đánh giá và Đánh giá ngoài

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	TĐG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1								
Tiêu chí 1.1	5	4	4,66	3	100	4,00	3	100
Tiêu chí 1.2	4	4						
Tiêu chí 1.3	5	4						
Tiêu chuẩn 2								
Tiêu chí 2.1	5	3	4,66	3	100	3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.2	5	4						
Tiêu chí 2.3	5	4						
Tiêu chuẩn 3								
Tiêu chí 3.1	4	4	5,00	3	100	3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.2	4	3						
Tiêu chí 3.3	5	4						
Tiêu chuẩn 4								
Tiêu chí 4.1	5	4	5,00	3	100	4,00	3	100
Tiêu chí 4.2	5	4						
Tiêu chí 4.3	4	4						
Tiêu chuẩn 5								
Tiêu chí 5.1	5	4	5,00	5	100	3,80	4	80,00
Tiêu chí 5.2	5	4						
Tiêu chí 5.3	5	3						
Tiêu chí 5.4	5	4						
Tiêu chí 5.5	5	4						
Tiêu chuẩn 6								
Tiêu chí 6.1	5	4	5,00	7	100	3,86	6	85,71
Tiêu chí 6.2	5	4						
Tiêu chí 6.3	5	4						
Tiêu chí 6.4	5	3						
Tiêu chí 6.5	5	4						
Tiêu chí 6.6	5	4						
Tiêu chí 6.7	5	4						
Tiêu chuẩn 7								
Tiêu chí 7.1	5	4	4,80	5	100	4,00	5	100
Tiêu chí 7.2	5	4						

Tiêu chí 7.3	4	4						
Tiêu chí 7.4	5	4						
Tiêu chí 7.5	5	4						
<i>Tiêu chuẩn 8</i>								
Tiêu chí 8.1	5	4	4,80	5	100	4,20	5	100
Tiêu chí 8.2	4	4						
Tiêu chí 8.3	5	4						
Tiêu chí 8.4	5	4						
Tiêu chí 8.5	5	5						
<i>Tiêu chuẩn 9</i>								
Tiêu chí 9.1	5	5	5,00	5	100	4,40	5	100
Tiêu chí 9.2	5	4						
Tiêu chí 9.3	5	4						
Tiêu chí 9.4	5	4						
Tiêu chí 9.5	5	5						
<i>Tiêu chuẩn 10</i>								
Tiêu chí 10.1	5	4	5,00	6	100	3,67	4	66,67
Tiêu chí 10.2	5	4						
Tiêu chí 10.3	5	3						
Tiêu chí 10.4	5	4						
Tiêu chí 10.5	5	4						
Tiêu chí 10.6	5	3						
<i>Tiêu chuẩn 11</i>								
Tiêu chí 11.1	5	4	5,00	5	100	3,80	5	80
Tiêu chí 11.2	5	4						
Tiêu chí 11.3	5	3						
Tiêu chí 11.4	5	4						
Tiêu chí 11.5	5	4						
Đánh giá chung CTĐT	4,93		4,93	50	100	3,94	44	88

Phần II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN

I. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo

1. Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Điểm mạnh

Ngành QC được Bộ GD&ĐT giao HVBC&TT đào tạo từ năm học 2006 - 2007 (Số 7269/QĐ/BGD&ĐT ngày 20/12/2005). Năm 2014, CTĐT ngành QC được tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ theo Quyết định số 3332/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 15/9/2014. Từ đó đến nay, CTĐT ngành QC đã được rà soát, cập nhật vào các năm 2016, 2018 và 2020 (Số 754/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 22/02/2016; số 4972/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 26/10/2018; số 3916/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 20/9/2020 và triển khai rà soát, đánh giá, cải tiến CTĐT trình độ ĐH theo kế hoạch số 5790/KH-HVBC&TT-ĐT ngày 22/11/2021; Số 6318/KH-HVBC&TT-ĐT ngày 20/12/2021). Trong đó, mục tiêu của CTĐT đã được xác định rõ ràng, đó là: *“Đào tạo, bồi dưỡng cử nhân ngành QC hàng đầu có năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong lĩnh vực truyền thông và QC; có kiến thức chuyên môn sâu, rộng; có kỹ năng nghiệp vụ, có tư duy sáng tạo, phản biện, có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, làm việc trong môi trường công nghệ cao và hội nhập quốc tế; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng HCM, yêu nước, trung thành với mục tiêu và lý tưởng của Đảng; có năng lực tự chủ và khả năng học tập suốt đời”*. Mục tiêu chung (năm 2020) được cụ thể hóa thành 12 mục tiêu cụ thể (PO1-PO12). Mục tiêu của CTĐT về cơ bản phù hợp với sứ mạng của HVBC&TT: *“Là trường Đảng, trường ĐH trọng điểm quốc gia, HVBC&TT thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (HVCTQG HCM) có sứ mệnh NCKH, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác”*; phù hợp với mục tiêu đào tạo con người Việt Nam tại điều 2 Luật Giáo dục 2005 và mục tiêu của giáo dục ĐH được quy định tại Điều 5, Luật GDĐH 2012, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật GDĐH số 34/2018/QH14; phù hợp với Thông tư 07 năm 2015, Quyết định 1982 về Khung trình độ quốc gia Việt Nam năm 2016; Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông; Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam...

Năm 2018, triển khai xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT ngành QC Học viện đã ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT, Kế hoạch điều chỉnh CTĐT theo hệ thống tín chỉ và Hướng dẫn đổi mới và hoàn thiện CTĐT ĐH (Số 2244/QĐ-HVBC&TT ngày 23/5/2018; số 2588/QĐ-HVBC&TT ngày 08/07/2020; số 2782/KH-

HVBCTT-ĐT ngày 15/6/2018; số 3094/HD-HVBCTT-ĐT 18/6/2018; số 2645/HD-HVBCTT-ĐT, ngày 29/4/2020; số 3056/KH-HVBCTT ngày 15/5/2020). Khoa QHCC&QC cũng đã tiến hành tham khảo các CTĐT và mục tiêu của các CTĐT cùng khối ngành ở trường khác để so sánh đánh giá và đưa ra các mục tiêu phù hợp (CTĐT ngành QC của Trường ĐH Middlesex, Vương quốc Anh; CTĐT Cử nhân ngành QC của Trường ĐH Kinh tế Tài chính TP HCM). Mục tiêu của CTĐT ngành QC được xây dựng, chỉnh sửa, thông qua các cuộc họp thảo luận chuyên môn của Bộ môn, của Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa QHCC&QC cũng như của Hội đồng khoa học Học viện (Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2018, 2020).

Ngoài ra, trong mỗi lần rà soát chỉnh sửa CTĐT Học viện/Khoa đều tổ chức khảo sát lấy ý kiến đánh giá của các BLQ về chất lượng đào tạo ngành QC (Số 5159/KH-HVBCTT ngày 08/11/2018; số 2675/KH/HVBCTT ngày 10/7/2020), kết quả khảo sát năm 2020 cho thấy: 85% NTD cho rằng SV ngành QC đáp ứng được yêu cầu công việc, không phải đào tạo lại và 79,90% cựu NH hài lòng về CTĐT ngành QC.

2. Điểm tồn tại

Mục tiêu của CTĐT ngành QC chưa thể hiện năng lực tự học, tự nghiên cứu của NH. Việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về mục tiêu của CTĐT còn hạn hẹp, số lượng chưa nhiều nên hiệu quả tham khảo còn hạn chế.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trong quá trình rà soát điều chỉnh CTĐT, học viện cần hoàn chỉnh mục tiêu của CTĐT theo hướng bổ sung năng lực tự học và tự nghiên cứu, năng lực hướng dẫn truyền bá và phổ biến kiến thức của NH vào mục tiêu cụ thể của CTĐT. Cần nâng cao chất lượng và hiệu quả việc tổ chức lấy ý kiến góp ý của các BLQ về mục tiêu CTĐT.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

2. Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Điểm mạnh

CĐR ngành QC được xây dựng lần đầu vào năm 2018 (Số 4971/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 26/10/2018), được rà soát, cập nhật vào năm 2020 (Số 3909/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020), trong đó về cơ bản phản ánh được các yêu cầu tối thiểu của NH về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp. CĐR về ngoại ngữ, tin học ban hành năm 2016 (Số 435/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 22/02/2016) và điều chỉnh năm 2018, phù hợp với yêu cầu của Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông

tin và truyền thông. Theo đó, Nhà trường quy định tất cả SV từ khóa 34 khi tốt nghiệp phải đạt trình độ bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. CĐR này cũng xác định vị trí việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập nâng cao trình độ. Đến năm 2020, CĐR tiếp tục được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, trong đó CĐR của CTĐT ngành QC (17 CĐR), về cơ bản đã bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT ngành QC của HVBC&TT. Cụ thể, để tốt nghiệp ngành QC NH cần phải hoàn thành 130 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh). Trong đó, phần kiến thức cũng chỉ rõ các chuẩn kiến thức chung của Học viện (PLO 01; PLO 02), các chuẩn kiến thức về cơ sở ngành (PLO 03; PLO 04; PLO 05) và có các yêu cầu chuyên biệt là các kiến thức chuyên ngành (PLO 06; PLO 07). Trong CĐR về kỹ năng cũng thể hiện kỹ năng chung (PLO 08; PLO 09; PLO 10; PLO 11) và kỹ năng chuyên ngành (PLO 12; PLO 13; PLO 14) theo hướng chuyên sâu về lĩnh vực QC. CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm cũng được cụ thể hóa thành các năng lực thành phần (PLO 15; PLO 16 và PLO 17), trong đó chú trọng năng lực tự chủ và trách nhiệm thuộc lĩnh vực QC và truyền thông. Có thể nói, các CĐR về cơ bản đã gắn với mục tiêu của CTĐT, điều này được thể hiện sự đóng góp của các HP trong ma trận CĐR của CTĐT (Ma trận đáp ứng mục tiêu các CĐR của CTĐT năm 2020).

Việc xây dựng CĐR ngành QC được dựa theo các văn bản hướng dẫn, quy định của cấp trên và Học viện (Số 2645/HD-HVBC&TT-ĐT ngày 29/4/2020), đồng thời được thực hiện theo quy trình 12 bước và có sự tham khảo CĐR của một số trường ĐH khác (CTĐT Cử nhân ngành QC của ĐH Kinh tế Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh; CTĐT cử nhân QC, truyền thông và thương hiệu, Trường ĐH Middlesex, Anh), cũng như so sánh CĐR của CTĐT và CĐR của các ngành khác trong Học viện (2020). Ngoài ra, việc xác định CĐR của CTĐT còn được tham khảo ý kiến đóng góp của các BLQ. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của các BLQ năm 2020 cho thấy: Có 90% NTD, 72,2% NH tốt nghiệp, 87% SV cuối khóa hài lòng về CĐR của CTĐT. Năm 2021: Có 91,2% NH tốt nghiệp và 94,6% SV cuối khóa hài lòng về CĐR của CTĐT.

2. Điểm tồn tại

CĐR (năm 2020) đã được rà soát, cập nhật và xác định tương đối rõ ràng, tuy nhiên còn một vài CĐR sử dụng động từ mô tả chưa chuẩn xác và trong cùng một CĐR lại có 2 động từ với cấp độ khác nhau dẫn đến khó đo lường và đánh giá. Một vài CĐR về kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm còn khó đo lường và định lượng. Việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ còn chưa được đầy đủ.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần rà soát và cập nhật CDR của CTĐT và chú ý sử dụng các động từ phù hợp để có thể đánh giá, đo lường mức độ đạt được của các CDR. Cần thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ đầy đủ và thường xuyên hơn.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có
5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

3. Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Điểm mạnh

Học viện đã tiến hành xây dựng và điều chỉnh CTĐT theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT (Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ban hành ngày 16/4/2015) và Khung độ Quốc gia (Số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016); các quy định CDR ngoại ngữ, tin học cho SV ĐH chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ (Số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông ngày 11/3/2014; Số 01/2014/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ngày 24/01/2014) và thực hiện theo các văn bản hướng dẫn, quy định của Học viện đối với CDR ngành đào tạo (Số 2645/HD-HVBCTT-ĐT ngày 29/4/2020), đồng thời tham khảo CDR của một số Trường ĐH khác và so sánh CDR của CTĐT QC với CDR của CTĐT các ngành khác của Học viện (2020). Trong giai đoạn đánh giá, CDR của CTĐT đã được rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện 02 năm/lần theo kế hoạch của Nhà trường, cụ thể quá trình rà soát từ CDR (thực chất là mục tiêu) của CTĐT năm 2016 được chỉnh sửa năm 2018 (Số 2244/QĐ-HVBCTT ngày 23/5/2018; số 3094/HD-HVBCTT-ĐT ngày 18/6/2018; số 2782/KH-HVBCTT-ĐT ngày 15/6/2018; số 4108/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 17/9/2018; Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2018; ...) và năm 2020 (Số 2643/QĐ-HVBCTT ngày 29/4/2020; số 3056/KH-HVBCTT ngày 15/5/2020; số 2645/HD-HVBCTT-ĐT ngày 31/5/2020; Hồ sơ rà soát, cập nhật CTĐT năm 2020). Năm 2022 đã có Kế hoạch rà soát, đánh giá, cải tiến CTĐT trình độ ĐH (Số 5790/KH-HVBCTT-ĐT ngày 22/11/2021; số 6318-KH/HVBCTT-ĐT ngày 20/12/2021).

Trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT và CDR, Trường/Khoa đã tổ chức khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT (Tổng hợp kết quả khảo sát nhu cầu của thị trường lao động ngành QC ngày 03 tháng 5 năm 2020) và lấy ý kiến góp ý của các BLQ trong đó có NTD (Biên bản họp ngày 29/6/2018; Biên bản họp ngày 08/12/2019) và tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ, kết quả cho thấy: có 90% ý kiến của các NTD hài lòng về tổng thể CTĐT ngành QC và 85% cho rằng SVTN ngành QC hoàn toàn có thể đáp ứng được yêu cầu công việc, không phải đào tạo lại. Với NH tốt nghiệp có 79,90% (năm 2020), 91,2% năm (2021) hài lòng về CTĐT ngành QC.

Đối sánh hai phiên bản CĐR của CTĐT ngành QC nhận thấy, nếu như phiên bản CĐR năm 2018 với 33 CĐR thì CĐR năm 2020 được xây dựng với 17 CĐR. CĐR chương trình năm 2020 đã được xây dựng với 3 nội dung cơ bản: Chuẩn về kiến thức, Chuẩn về kỹ năng, Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm. Trong chuẩn về kiến thức, CĐR năm 2020 đã nêu cụ thể 3 khối kiến thức gồm kiến thức chung, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành. Trong chuẩn về kỹ năng, CĐR năm 2020 đã nêu rõ kỹ năng chung và kỹ năng chuyên ngành gắn với vị trí việc làm của NH sau khi tốt nghiệp. Có thể nói, CĐR của năm 2020 được xác định rõ ràng hơn, dễ đo lường đánh giá hơn (Bảng đối sánh mục tiêu - CĐR và nhu cầu các BLQ năm 2020).

Qua những lần chỉnh sửa hoàn thiện CTĐT và CĐR ngành QC đều được Học viện/Khoa ban hành và công bố rộng rãi, công khai tới các CB GV và NH, NTD và xã hội thông qua website của Học viện/Khoa và sổ tay SV, cũng như các buổi giới thiệu CTĐT hay các ngày hội Open-day hàng năm.

2. Điểm tồn tại

Việc khảo sát các BLQ về CĐR chưa được thực hiện rộng rãi. Số lượng phiếu còn ít, nội dung phiếu khảo sát chưa bao phủ được nhiều thông tin hữu ích giúp cho việc xây dựng, điều chỉnh CĐR và CTĐT nên hiệu quả của việc tham khảo ý kiến của các BLQ trong quá trình rà soát, cập nhật CĐR chưa cao.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần huy động tốt hơn sự tham gia của các BLQ vào việc xây dựng CĐR, nhất là việc khảo sát nhu cầu của thị trường lao động, chiến lược phát triển ngành của Chính phủ cũng như của các địa phương có liên quan. Cần rà soát lại quy định về công tác khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ để bổ sung nội dung khảo sát vào bộ phiếu hỏi, đảm bảo bao phủ đầy đủ thông tin cụ thể, hữu ích từ mỗi đối tượng, giúp cho việc xây dựng, điều chỉnh CĐR và CTĐT hiệu quả hơn; bổ sung thêm quy định sử dụng kết quả phản hồi của các BLQ để cải tiến mục tiêu, CĐR và CTĐT của ngành QC.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có) Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1:

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT

Mục tiêu và CĐR của CTĐT cử nhân ngành QC đã xác định tương đối rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Học viện, phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại Luật GDDH và bao quát được các yêu cầu mà NH cần đạt được sau tốt nghiệp.

CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu cơ bản của các BLQ, đã được định kỳ rà soát và chỉnh sửa bổ sung, được công bố công khai.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Mục tiêu của CTĐT ngành QC chưa thể hiện năng lực tự học, tự nghiên cứu của NH. Việc lấy ý kiến nhận xét của các BLQ về mục tiêu của CTĐT còn hạn hẹp, số lượng chưa nhiều nên hiệu quả tham khảo còn hạn chế.

CĐR (năm 2020) đã được rà soát, cập nhật và xác định tương đối rõ ràng, tuy nhiên còn một vài CĐR sử dụng động từ mô tả chưa được chuẩn xác và trong cùng một CĐR lại có 2 động từ với cấp độ khác nhau dẫn đến khó đo lường và đánh giá. Một vài CĐR về kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm còn khó đo lường và định lượng. Việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ còn chưa được đầy đủ.

Việc khảo sát các BLQ về CĐR chưa được thực hiện rộng rãi. Số lượng phiếu còn ít, nội dung phiếu khảo sát chưa bao phủ được nhiều thông tin hữu ích giúp cho việc xây dựng, điều chỉnh CĐR và CTĐT nên hiệu quả của việc tham khảo ý kiến của các BLQ trong quá trình rà soát, cập nhật CĐR chưa cao.

- Khuyến nghị đối với CTĐT

Trong quá trình rà soát điều chỉnh CTĐT thời gian tới, Học viện cần hoàn chỉnh mục tiêu của CTĐT theo hướng bổ sung năng lực tự học và tự nghiên cứu, năng lực hướng dẫn truyền bá và phổ biến kiến thức của NH vào mục tiêu cụ thể của CTĐT; đồng thời cần nâng cao chất lượng và hiệu quả việc tổ chức lấy ý kiến góp ý của các BLQ về mục tiêu CTĐT.

Học viện/Khoa cần rà soát và cập nhật CĐR của CTĐT và chú ý sử dụng các động từ phù hợp để có thể đánh giá, đo lường mức độ đạt được của các CĐR. Cần thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ đầy đủ và thường xuyên hơn.

Học viện cần huy động tốt hơn sự tham gia của các BLQ vào việc xây dựng CĐR, nhất là việc khảo sát nhu cầu của thị trường lao động, chiến lược phát triển ngành của Chính phủ cũng như của các địa phương có liên quan. Cần rà soát lại quy định về công tác khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ để bổ sung nội dung khảo sát vào bộ phiếu hỏi, đảm bảo bao phủ đầy đủ thông tin cụ thể, hữu ích từ mỗi đối tượng, giúp cho việc xây dựng, điều chỉnh CĐR và CTĐT hiệu quả hơn; bổ sung thêm quy định sử dụng kết quả phản hồi của các BLQ để cải tiến mục tiêu, CĐR và CTĐT của ngành QC.

II. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

1. Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành QC đã được Học viện thực hiện lần đầu tiên vào năm 2018 và được cập nhật vào năm 2020 (Số 4972/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 28/10/2018; số 3909/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020; số 3916/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020). Trong quá trình cập nhật, điều chỉnh bản mô tả CTĐT, Học viện/Khoa đã thực hiện theo: Quyết định số 754/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 22/02/2016 về Điều chỉnh các CTĐT ĐH

theo hệ thống tín chỉ; Quyết định số 2244/QĐ-HVBC&TT ngày 23/5/2018; Quyết định số 2643/QĐ-HVBC&TT ngày 29/4/2020 về ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT tại HVBC&TT; Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT trình độ ĐH số 3056/KH-HVBC&TT ngày 15/5/2020; Số 2645/HD-HVBC&TT-ĐT ngày 31/5/2020 và Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình khung đào tạo ĐH theo hệ thống tín chỉ ngành QC số 4068/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 10/9/2018; Số 2588/QĐ-HVBC&TT ngày 08/07/2020; ... Các Bản mô tả CTĐT ngành QC đã cung cấp các nội dung, như: Tên chương trình, văn bằng, trình độ đào tạo, mã số, ... và cấu trúc Bản mô tả CTĐT bao gồm: (1). Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Học viện và Khoa QHCC&QC; (2). CTĐT (Mục tiêu của CTĐT (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể); CĐR của CTĐT; Vị trí công tác sau tốt nghiệp); (3). Tiêu chí tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp; (4). Hình thức, PPDH; (5). Cách thức đánh giá (Hình thức, phương pháp KTĐG; Hệ thống tính điểm); (6). Cấu trúc CTDH; (7). Các ma trận (Ma trận đáp ứng giữa CĐR CTĐT; Ma trận mục tiêu và CĐR của CTĐT; Ma trận đáp ứng khối kiến thức và CĐR của CTĐT; Ma trận đáp ứng giữa PPDH và CĐR của CTĐT; Ma trận đáp ứng KTĐG và CĐR của CTĐT); (8). Mô tả các HP; (9). Hướng dẫn thực hiện (Kế hoạch đào tạo dự kiến; Các điều kiện đảm bảo thực hiện CTĐT; Kế hoạch điều chỉnh chương trình). Bản mô tả CTĐT năm 2020 so với bản Mô tả CTĐT năm 2018 đã cập nhật được những vấn đề cơ bản theo quy định tại Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ GD&ĐT và điều chỉnh các chuẩn đầu ra của CTĐT ngành QC phù hợp với quy định đối với bậc 6 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam tại Quyết định số 1982/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/10/2016.

Năm 2018, 2020 và 2021, HVBC&TT đã tiến hành khảo sát các BLQ về CTĐT ngành QC của Học viện, kết quả khảo sát NTD năm 2020 cho thấy: có 85% ý kiến phản hồi hài lòng về nội dung CTĐT và 95% hài lòng về cấu trúc CTĐT. Năm 2021, kết quả khảo sát NH tốt nghiệp cho thấy: có 91,2% hài lòng về CTĐT.

2. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT ngành QC của Học viện về cơ bản đã có các thông tin đáp ứng quy định, tuy nhiên chưa đáp ứng đầy đủ các nội dung theo hướng dẫn tại Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 và Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (chưa phân biệt rõ nội hàm và sự khác biệt cơ bản giữa Bản mô tả CTĐT và CTĐT); chưa có hướng dẫn cụ thể việc sử dụng hiệu quả Bản mô tả CTĐT cho các BLQ, đặc biệt là GV và NH.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần rà soát làm rõ nội hàm của Bản mô tả CTĐT, CTDH và CTĐT, từ đó điều chỉnh bổ sung nội dung Bản mô tả CTĐT và phê duyệt để công bố chính thức

giúp các BLQ dễ dàng tiếp cận với Bản mô tả CTĐT. Cần có hướng dẫn sử dụng hiệu quả Bản mô tả CTĐT cho các BLQ, đặc biệt là GV và NH.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3)

2. Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Điểm mạnh

HVBC&TT đã ban hành các quyết định, kế hoạch rà soát, cập nhật, ban hành CTĐT ngành QC (Số 754/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 22/02/2016; số 2244/QĐ-HVBC&TT ngày 23/5/2018; số 2643/QĐ-HVBC&TT ngày 29/4/2020; số 3056/KH-HVBC&TT ngày 15/5/2020; số 2645/HD-HVBC&TT-ĐT ngày 31/5/2020; số 2588/QĐ-HVBC&TT ngày 08/7/2020; số 3916/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 20/9/2020). Theo các văn bản chỉ đạo, Khoa QHCC&QC, bộ môn QC chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng, cập nhật đề cương chi tiết (ĐCCT) HP. ĐCCT các HP CTĐT QC được chỉnh sửa, bổ sung vào năm 2018, 2020. So với ĐCCT HP năm 2018 (có các mục cơ bản như: Thông tin về GV; Thông tin chung về học phần; Mục tiêu của học phần; CĐR; Tóm tắt nội dung học phần; Nội dung chi tiết học phần; Học liệu; Phương pháp và hình thức kiểm tra - đánh giá; Hệ thống câu hỏi ôn tập), thì ĐCCT HP năm 2020 có 100% các đề cương cơ bản đã theo đúng quy định, bao gồm: Thông tin về GV; Thông tin chung về học phần (tên học phần bằng tiếng Anh, mã học phần, số tín chỉ; học phần tiên quyết, loại học phần, yêu cầu khác, phân bổ tín chỉ: lý thuyết, thực hành và giờ tự học, khoa/bộ môn phụ trách học phần); Mục tiêu của học phần; CĐR; Tóm tắt nội dung học phần; Phương pháp giảng dạy (PPGD); Nội dung chi tiết học phần và kế hoạch giảng dạy; Học liệu; Phương pháp và hình thức KTĐG; Chính sách môn học; Cấp phê duyệt; Ngày phê duyệt.

ĐCHP sau khi nghiệm thu được chuẩn hóa, thống nhất trong toàn bộ CTĐT ngành QC. NH và các BLQ có thể tiếp cận ĐCHP tại Khoa và trên website của Học viện. Ngoài ra, trong quá trình học, SV đều được GV cung cấp ĐCCT HP và hướng dẫn chuẩn bị bài.

ĐCHP của chương trình QC đã được rà soát và cập nhật, cụ thể: Căn cứ Kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT của Học viện, Khoa tổ chức triển khai rà soát, chỉnh sửa, bổ sung ĐCHP sau khi cập nhật CĐR và chương trình khung của CTĐT ngành QC, cũng như dựa trên kết quả khảo sát ý kiến các BLQ. GV phụ trách HP thực hiện rà soát, cập nhật ĐCHP, sau đó, tổ bộ môn tổ chức họp góp ý về việc điều chỉnh, cập nhật ĐCHP trình Khoa (các biên bản họp Tổ bộ môn QC về việc rà soát, sửa đổi đề cương CTHP vào tháng 6 và tháng 7/2020); Dựa trên ý kiến đề nghị chỉnh sửa ĐCHP của tổ bộ môn, Khoa tổ chức họp hội đồng khoa học Khoa thẩm định và nghiệm thu (Biên bản họp

Khoa QHCC&QC về sửa đổi CTĐT và ĐCHP ngành QC năm 2020). Học viện công bố ĐCHP trên Cổng thông tin SV và GV giới thiệu ĐCHP trong mỗi

Trong các năm (2017 – 2021), Học viện/Khoa đều tổ chức lấy ý kiến góp ý của NH cuối khóa về nội dung, chất lượng của các môn học/học phần. Kết quả năm 2020 cho thấy: 69,6% hài lòng về sự gắn kết của các môn học/HP và 78,3% hài lòng về sự phù hợp của các môn học/HP. Kết quả năm 2021, có 83,8% hài lòng về sự gắn kết của các môn học/HP và 100% hài lòng về sự phù hợp của các môn học/HP.

2. Điểm tồn tại

Mặc dù 100% học phần đã có đề cương đầy đủ theo quy định, tuy nhiên vẫn chưa có sự thống nhất về bố cục của ĐCHP. Một số ĐCHP chưa thể hiện rõ các hoạt động giám sát, hỗ trợ của GV giúp NH thực hiện việc tự học và chưa có phương pháp KTĐG việc tự học của NH. Còn có một số ĐCHP sử dụng tài liệu tham khảo đã quá cũ (đầu năm 2000).

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Khoa/Bộ môn cần rà soát và thống nhất cấu trúc của ĐCHP khoa học (theo hướng dẫn tại Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng). Cần bổ sung nội dung hỗ trợ NH tự học và có phương pháp KTĐG việc tự học của NH. Thay thế các tài liệu tham khảo đã quá cũ. Cần tổ chức lấy ý kiến góp ý của các BLQ về nội dung, chất lượng của các HP rộng rãi và đầy đủ hơn.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

3. Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT của ngành QC được công bố công khai kèm theo theo quyết định phê duyệt của Giám đốc Học viện (Số 754/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 22/02/2016; số 4972/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 28/10/2018; số 3909/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020). Tại thời điểm ĐGN, bản mô tả CTĐT và ĐCHP ngành QC được Học viện/Khoa công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Học viện (<https://ajc.hcma.vn/daotao/pages/chuong-trinh-dao-tao-he-chinh-quy-tap-trung>) và trang thông tin điện tử của Khoa. Đồng thời, Khoa dùng Bản mô tả CTĐT để giới thiệu về CTĐT đến từng CB, GV trong các buổi họp Khoa và gửi tới hộp thư điện tử của CB, GV Khoa, cũng như các bộ môn giảng dạy cho ngành QC; triển khai CTĐT đến SV qua nhiều kênh thông tin công khai khác như: Sổ tay SV, giới thiệu tại tuần Giáo dục công dân đầu khóa học của SV; ngày hội tuyển sinh AJC Open day; CVHT giới thiệu CTĐT và tư vấn, hỗ trợ SV trong quá trình lựa chọn HP và xây dựng kế hoạch học tập. Ngoài

ra, Bản mô tả CTĐT được lưu giữ tại Ban QLĐT, Văn phòng Khoa để GV, SV dễ dàng tiếp cận.

2. Điểm tồn tại

Mặc dù bản mô tả CTĐT và ĐCHP được công khai để các BLQ có thể tiếp cận dễ dàng nhưng chưa rộng rãi và đa dạng, một số đối tượng có thể khó tiếp cận như học sinh, phụ huynh học sinh trung học phổ thông. Hình thức thu thập ý kiến phản hồi đối với các chuyên gia, các nhà quản lý, NTD, cựu NH về bản mô tả CTDH và ĐCHP cũng chưa đa dạng và phạm vi còn hạn hẹp.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần có chiến lược quảng bá để công bố công khai rộng rãi, đa dạng Bản mô tả CTĐT và ĐCHP ngành QC, giúp các BLQ được tiếp cận dễ dàng hơn.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2:

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT

Bản mô tả CTĐT ngành QC ban hành năm 2020 về cơ bản có các nội dung và thông tin theo quy định, được cập nhật theo định kỳ, phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và xu hướng phát triển của ngành QC.

ĐCHP của ngành QC (năm 2020) thể hiện đầy đủ các thông tin theo quy định, cơ bản thể hiện rõ các mức độ giảng dạy tương ứng với các trình độ năng lực mà NH cần đạt được sau khi học; được rà soát, đánh giá và điều chỉnh định kỳ hàng năm.

Bản mô tả CTĐT và ĐCHP ngành QC được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau (công bố công khai trên Website, trong buổi gặp mặt SV đầu khóa học, tờ rơi, trên trang thông tin điện tử của Học viện/Khoa, ...), tạo điều kiện thuận lợi cho các BLQ dễ dàng tiếp cận và sử dụng.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Bản mô tả CTĐT ngành QC của Học viện về cơ bản đã có các thông tin đáp ứng quy định, tuy nhiên chưa đầy đủ. Học viện chưa có hướng dẫn cụ thể việc sử dụng hiệu quả Bản mô tả CTĐT cho các BLQ, đặc biệt là GV và NH.

Mặc dù 100% HP đã có đề cương đầy đủ theo quy định, nhưng vẫn chưa có sự thống nhất về bố cục của ĐCHP. Một số ĐCHP chưa thể hiện rõ các hoạt động giám sát, hỗ trợ của GV giúp NH thực hiện việc tự học và chưa có phương pháp KTĐG việc tự học của NH. Còn có một số ĐCHP sử dụng tài liệu tham khảo đã quá cũ (đầu năm 2000).

Bản mô tả CTĐT và ĐCHP được công khai để các BLQ có thể tiếp cận dễ dàng nhưng chưa rộng rãi và đa dạng, một số đối tượng có thể khó tiếp cận như học sinh, phụ

huynh học sinh trung học phổ thông. Hình thức thu thập ý kiến phản hồi đối với các chuyên gia, các nhà quản lý, NTD, cựu NH về bản mô tả CTDH và ĐCHP cũng chưa đa dạng và phạm vi còn hạn hẹp.

- Khuyến nghị đối với CTĐT

Học viện cần rà soát, điều chỉnh Bản mô tả CTĐT khoa học và đầy đủ hơn nhằm thu hút các BLQ tiếp cận với Bản mô tả CTĐT; đồng thời có hướng dẫn sử dụng hiệu quả Bản mô tả CTĐT cho các BLQ, đặc biệt là GV và NH.

Khoa/Bộ môn cần rà soát và thống nhất cấu trúc của ĐCHP khoa học (theo hướng dẫn tại Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng). Cần bổ sung nội dung hỗ trợ NH tự học và có phương pháp KTĐG việc tự học của NH. Thay thế các tài liệu tham khảo đã quá cũ. Cần tổ chức lấy ý kiến góp ý của các BLQ về nội dung, chất lượng của các HP rộng rãi và đầy đủ hơn.

Học viện cần có chiến lược quảng bá để công bố công khai rộng rãi Bản mô tả CTĐT và ĐCHP ngành QC đa dạng hơn, giúp các BLQ dễ dàng được tiếp cận.

III. Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

1. Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Điểm mạnh

CTDH của ngành QC được thể hiện tại Quyết định số 4972-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26/10/2018 và Quyết định số 3916-QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020. Được xây dựng trên cơ sở CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, cũng như trên cơ sở ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các học phần với CĐR của CTĐT. CĐR của ngành QC được kí hiệu từ PLO1 đến PLO17. Trong đó, CĐR về kiến thức từ PLO1 đến PLO7; CĐR về kỹ năng từ PLO8 đến PLO14; CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm là từ PLO15 đến PLO17, về cơ bản đáp ứng được các mục tiêu của CTĐT. Để đạt được CĐR, nội dung CTDH toàn khóa ban hành năm 2020 được thiết kế gồm 130 tín chỉ (không tính tín chỉ Giáo dục thể chất và tín chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh). Trong đó có 106 tín chỉ bắt buộc (chiếm 82%) và 24 tín chỉ tự chọn (chiếm 18%), được kết cấu thành các khối kiến thức khác nhau từ giáo dục đại cương đến thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp (khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 44 tín chỉ chiếm 34%; khối kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức bổ trợ gồm 56 tín chỉ chiếm 43%; khối kiến thức chuyên ngành gồm 30 tín chỉ chiếm 23%). Các khối kiến thức góp phần đạt được những CĐR nhất định về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm (Bảng Ma trận đáp ứng mục tiêu các CĐR của CTĐT 2020).

CTDH có ma trận kỹ năng kết nối từng nội dung HP với CĐR của HP, mục tiêu và CĐR của CTĐT, giữa CĐR các HP với CĐR của CTĐT; mối liên hệ giữa các PPDH và phương pháp KTĐG với CĐR của CTĐT. ĐCCT HP đều có CĐR, các nội dung của

từng HP đều đã được phân nhiệm đáp ứng CĐR ra của HP; nội dung của từng HP đã thể hiện sự liên kết với CĐR của CTĐT (Bảng Ma trận quan hệ giữa các khối kiến thức và CĐR của CTĐT- PLOs trong CTDH). Kế hoạch đào tạo toàn khóa được thiết kế tương đối phù hợp, logic trong 8 học kỳ.

Toàn bộ HP trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp vào CĐR của chương trình. Các ĐCCT HP có nêu rõ CĐR tương ứng đạt được của CTĐT trong mỗi CĐR của môn học (ĐCCT HP năm 2020).

CTDH ngành QC thiết kế tổ hợp PPGD, phương pháp học tập tương đối phù hợp với đặc thù của từng HP. Các PPDH được áp dụng bao gồm các chiến lược dạy học và các phương pháp: Chiến lược dạy học tương tác (PPDH tương tác; phương pháp thảo luận, hoạt động nhóm); Chiến lược dạy học gián tiếp (Phương pháp giải quyết vấn đề; phương pháp nghiên cứu trường hợp; phương pháp nhập vai, mô phỏng); Chiến lược dạy học trải nghiệm (Thực hành/thí nghiệm; Dự án (Sản phẩm); Thực tế/thực tập; SV thuyết trình).

Qua kiểm tra cho thấy, Học viện/Khoa sử dụng nhiều PPĐG KQHT khác nhau và được áp dụng theo đặc thù của từng học phần (Kiểm tra trắc nghiệm; Kiểm tra viết tự luận; Kiểm tra vấn đáp; Kiểm tra thuyết trình; Tiểu luận; Bài tập lớn; Sản phẩm và báo cáo thực tế, thực tập; Khóa luận tốt nghiệp). Về cơ bản, mỗi học phần được đánh giá dựa trên 3 hệ số A, B, C theo công thức: Điểm (HP) = 0,1A + 0,3B + 0,6C, Trong đó: A: Đánh giá ý thức; B: Điểm đánh giá định kỳ; C: Điểm đánh giá kết thúc học phần. Điểm A, B là điểm được GV phụ trách môn học xác định, căn cứ vào quy định chung của Học viện và căn cứ vào PPGD đã áp dụng đối với từng học phần. Điểm A, B được thể hiện bằng kết quả trong hồ sơ giảng dạy của từng GV. Điểm đánh giá định kỳ và đánh giá kết thúc học phần chủ yếu đánh giá mức độ đạt CĐR liên quan đến kiến thức và kỹ năng, trong khi điểm đánh giá ý thức chủ yếu hướng đến các CĐR về thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Các phương pháp KTĐG đã hỗ trợ việc đo lường mức độ đạt được CĐR của SV đối với CTDH. Các PPGD, phương pháp KTĐG về cơ bản phù hợp với các CĐR thể hiện trong ĐCCT học phần (thể hiện tại hồ sơ giảng dạy các học phần trong CTDH của các GV).

Kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ về CTDH cho thấy: SV đang theo học bằng lòng về nội dung các môn học/HP trong CTDH có 82,14% (Học kì 1) và 91,93% (Học kì 2) khảo sát năm 2020; và 91,89% (Học kì 1) khảo sát năm 2021; có 56,2% (Khảo sát năm 2020) và 73% (Khảo sát năm 2021) NH cuối khóa hài lòng về cấu trúc của CTDH; có 78,3% (Khảo sát năm 2020), 97,3% (Khảo sát năm 2021) NH cuối khóa hài lòng về sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành; Có 88,2% GV (Khảo sát năm 2020) và 76,9% GV (Khảo sát năm 2021) hài lòng về PPGD đã thực hiện; Có 90% NTD (Khảo sát năm 2020) hài lòng về CĐR và tổng thể CTĐT.

2. Điểm tồn tại

Việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về CTDH còn chưa được rộng rãi, số lượng khảo sát còn ít. Trong bản mô tả CTDH chưa có sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các HP trong khung CTĐT.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cựu SV và NTD thường xuyên hơn, với số lượng phù hợp hơn để đảm bảo độ tin cậy của kết quả khảo sát. Khoa/Bộ môn cần bổ sung sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các HP trong khung CTĐT.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

2. Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Điểm mạnh

CTDH ngành QC ban hành năm 2020 (Số 3916-QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 20/9/2020) được thiết kế gồm 130 tín chỉ (không tính tín chỉ Giáo dục thể chất và tín chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh). Trong đó, kiến thức giáo dục đại cương: 44 tín chỉ; kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 86 tín chỉ (kiến thức cơ sở ngành 18; kiến thức ngành 26; kiến thức bổ trợ: 12; kiến thức chuyên ngành là 30); Có 106 tín chỉ bắt buộc (chiếm 82%) và 24 tín chỉ tự chọn (chiếm 18%), được kết cấu thành các khối kiến thức từ giáo dục đại cương đến thực tập nghiệp vụ và khóa luận tốt nghiệp.

Tất cả các HP đều có ĐCCT và được xây dựng theo quy định của Học viện, trong đó có mô tả CĐR của HP. Nội dung của các HP về cơ bản thể hiện được sự đóng góp vào thực hiện CĐR của CTĐT. Ma trận CĐR của các HP trong CTDH cơ bản cũng đã thể hiện được sự tương thích về nội dung và mức độ đóng góp của mỗi HP đối với các CĐR của CTĐT. Mức độ đóng góp của từng HP vào CĐR của CTĐT được xem xét ở ba cấp độ: Thấp (L), trung bình (M), cao (H) (Các HP thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở ngành, mức độ đạt được CĐR đa phần ở mức Low (thấp) so với yêu cầu chung CĐR của ngành; mức độ đạt được CĐR dần tăng lên ở mức Medium (trung bình) và High (Cao) với các HP thuộc khối ngành/chuyên ngành.

Các HP trong CTĐT được bố trí giảng dạy tương đối hợp lý theo trình tự khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành/chuyên ngành. Logic này được chuyển tải qua mối quan hệ ràng buộc giữa HP với các HP tiên quyết/song hành được quy định trong ĐCCT từng môn học. ĐCHP đều xác định rõ tổ hợp các PPGD, phương pháp học tập và các phương pháp KTĐG; phần lớn các tổ hợp này là phù hợp, tương thích giúp NH đạt được CĐR, ...

Sau những lần chỉnh sửa và đưa vào tổ chức giảng dạy, Học viện đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các BLQ. Kết quả cho thấy có 69,6% (khảo sát năm 2020) và 83,8% (khảo sát năm 2021) NH cuối khóa hài lòng về “Các môn học trong CTĐT có sự gắn kết, liên hệ chặt chẽ với nhau”; 78,3% (khảo sát năm 2020) và 100% (khảo sát năm 2021) NH cuối khóa cho rằng nội dung môn học “phù hợp với xu hướng”; có 88,2% GV (khảo sát năm 2020) và 76,9% GV (khảo sát năm 2021) hài lòng về PPGD.

2. Điểm tồn tại

CĐR của một số HP còn xác định chưa được rõ ràng và phù hợp với nội dung HP và khó đo lường. Việc xác định tổ hợp các PPDH của một số HP còn chưa đầy đủ, chưa phù hợp với nội dung của HP và chưa hướng tới tính thực tiễn cao. Việc xác định phương pháp KTĐG của một số HP chưa thực sự phù hợp với nội dung HP và khó đáp ứng CĐR của HP và CĐR của CTĐT. Các phiếu khảo sát còn chưa bao phủ hết được các vấn đề liên quan đến CTDH, ĐCHP và sự phù hợp của PPDH, KTĐG. Các kết luận rút ra từ việc lấy ý kiến phản hồi chưa thể hiện rõ nét việc đóng góp nhiều cho việc đổi mới nội dung HP hướng tới đạt được CĐR ở mức độ cao hơn.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần rà soát lại CĐR của một số HP để xác định lại CĐR để có thể đo lường đánh giá một cách dễ dàng; xác định rõ ràng, chính xác hơn mức độ đóng góp của nội dung/CĐR của HP đạt CĐR của CTĐT. Cần rà soát lại các PPDH của một số HP để bổ sung hoặc điều chỉnh PPDH cho phù hợp với nội dung của HP. Nên nghiên cứu, đổi mới việc khảo sát với đa dạng đối tượng và số lượng KS lớn hơn, thiết kế câu hỏi khoa học hơn và bao phủ hết được các vấn đề liên quan đến CTDH, ĐCHP để có thể thu thập được nhiều thông tin hữu ích hơn cho việc đổi mới nội dung HP trong CTDH đáp ứng CĐR.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3)

3. Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Điểm mạnh

CTDH năm 2020 được thiết kế với 130 tín chỉ (Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 44 tín chỉ chiếm tỉ lệ 34%; Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 86 tín chỉ chiếm 66% (trong đó kiến thức cơ sở ngành có 18 tín chỉ, kiến thức bổ trợ 12 tín chỉ, kiến thức ngành chiếm 26 tín chỉ, khối kiến thức chuyên ngành 30 tín chỉ); Trong tổng số tín chỉ có 106 tín chỉ bắt buộc chiếm 82%, còn lại 24 tín chỉ tự chọn chiếm 18%; Số tín chỉ dành cho thực tập và khóa luận/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp là 10 tín chỉ chiếm 33,3% khối kiến thức chuyên ngành. Với cấu trúc như trên có thể thấy: Tỉ

lệ các khối kiến thức trong CTDH được thiết kế tương đối cân đối và hợp lý. Số tín chỉ dành cho môn học chuyên ngành, kiến tập và thực tập nghiệp vụ nhiều hơn thể hiện sự tập trung cho việc đạt CDR của SV dưới góc độ nâng cao cả về kiến thức chuyên ngành và kỹ năng làm việc.

Các học phần trong CTĐT được kết cấu thành các khối kiến thức khác nhau từ giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành cùng với kiến tập, thực tập nghiệp vụ góp phần hình thành năng lực cho NH. Các học phần trong CTDH đảm bảo sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, tạo thành một chương trình có tính thống nhất thể hiện ở kế hoạch học tập của SV được cụ thể hóa từng học kì trong khung CTĐT. Trong ĐCCT học phần đều có mục học phần tiên quyết, học phần học trước giúp cho NH chủ động xây dựng được kế hoạch học tập hợp lý cho bản thân.

Trong chu kì đánh giá, CTDH đã được rà soát, điều chỉnh, bổ sung cập nhật vào các năm 2018, 2020 và năm 2022 (Số 5790/KH-HVBCTT-ĐT ngày 22/11/2021; Số 6318/KH-HVBCTT-ĐT ngày 20/12/2021). Các lần rà soát đó, Học viện đều có ban hành các quy định, hướng dẫn điều chỉnh sửa đổi CTĐT (Số 2643/QĐ-HVBCTT ngày 29/4/2020; số 3056/KH-HVBCTT ngày 15/5/2020; số 2645/HD-HVBCTT-ĐT ngày 31/5/2020; số 2588-QĐ/HVBCTT Ngày 08/07/2020). Quy trình rà soát, cập nhật CTDH được Học viện thực hiện: *Bước 1.* Theo định kỳ 2 năm/lần Học viện ban hành kế hoạch rà soát, cập nhật CTĐT. Trung tâm KT&KĐCLĐT tổ chức hướng dẫn triển khai rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT; *Bước 2.* Khoa đào tạo tổ chức họp rà soát, đánh giá lại và đề xuất cập nhật cấu trúc và nội dung CTĐT, dựa trên kết quả khảo sát các BLQ; *Bước 3.* Trình Hội đồng KH&ĐT thông qua các nội dung đề xuất, điều chỉnh. Tổ chức hội đồng thẩm định CTĐT độc lập, lấy ý kiến đóng góp của các BLQ; đối sánh với CTĐT cùng ngành trong nước và quốc tế; *Bước 4.* Tiếp thu và hoàn thiện CTĐT theo các góp ý của Hội đồng KH&ĐT và Hội đồng thẩm định độc lập. Cập nhật các nội dung cần điều chỉnh vào CTĐT; *Bước 5.* Trình Giám đốc ra quyết định ban hành. CTĐT sau khi được nghiệm thu sẽ được cập nhật trên hệ thống QLĐT, công khai cho các BLQ và đưa vào sử dụng; CTĐT được lưu trữ bằng bản cứng tại Khoa, Ban QLĐT và bản mềm trong cơ sở dữ liệu của Học viện. Với Quy trình đó, so với CTĐT năm 2016, CTĐT năm 2018 đã điều chỉnh tăng 8 tín chỉ khối kiến thức giáo dục đại cương (mỗi học phần tăng 1 tín chỉ); số tín chỉ Ngoại ngữ tăng từ 10 tín chỉ lên 15 tín chỉ (SV có thể chọn học tiếng Anh hoặc tiếng Trung), nhằm đáp ứng nhu cầu nâng cao kỹ năng ngoại ngữ cho NH; đồng thời CTĐT năm 2018 đã có cập nhật ở CDR và kết cấu các khối kiến thức sắp xếp lại để phù hợp hơn. Tỷ trọng kiến thức đại cương giảm từ 42% xuống còn 34%; tăng tỉ trọng các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp từ 58% lên 66%, nhằm đáp ứng kỳ vọng của NH và NTD về việc tăng tỷ trọng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Chương trình cũng tăng

số tín chỉ các học phần mang tính thực tế như kiến tập, thực tập tạo điều kiện cho SV có thêm cơ hội trải nghiệm thực tiễn ngành nghề và xã hội. So với năm 2018, CTĐT năm 2020 không có thay đổi nhiều về cấu trúc kiến thức đào tạo. Tuy nhiên, CTĐT năm 2020 đã được điều chỉnh về mục tiêu chung, các mục tiêu cụ thể và các CĐR của CTĐT do yêu cầu chung của Bộ GD&ĐT và từ nhu cầu thực tiễn của quá trình đào tạo và ĐBCL đào tạo; CTĐT cũng được điều chỉnh, cập nhật ma trận CĐR của CTĐT.

2. Điểm tồn tại

CTDH năm 2020 đã có sự điều chỉnh và cập nhật cả về cấu trúc và nội dung, tuy nhiên việc tích hợp các nội dung và thứ tự sắp xếp các học phần trong CTĐT chưa thể hiện được tính logic cao. CTDH chưa tham khảo được nhiều chương trình các nước trong khu vực và trên thế giới.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trong thời gian tới khi rà soát điều chỉnh CTDH, cần rà soát và tích hợp các nội dung, thứ tự sắp xếp các HP để đảm bảo tính logic của CTDH. Cần cải tiến công tác khảo sát ý kiến của các BLQ và tham khảo thêm CTĐT tiên tiến của các trường ĐH nước ngoài nhằm nâng cao chất lượng CTDH, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của NH.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3:

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

CTDH của ngành QC được thiết kế với các khối kiến thức, các HP phù hợp với mục tiêu và CĐR của CTĐT, đảm bảo sự cân đối giữa các HP.

Mỗi HP trong CTDH đã thể hiện được sự đóng góp trong việc đạt được CĐR của CTĐT.

CTDH của ngành QC có cấu trúc tương đối hợp lý, thể hiện tính tích hợp giữa các HP; các HP được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. CTDH được rà soát, cập nhật, điều chỉnh thường xuyên, phù hợp với yêu cầu chung, yêu cầu CĐR của CTĐT và đảm bảo tính linh hoạt.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về CTDH còn chưa được rộng rãi, số lượng khảo sát còn ít. Trong bản mô tả CTDH chưa có sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các HP trong khung CTĐT.

CĐR của một số HP còn xác định chưa được rõ ràng và phù hợp với nội dung HP và khó đo lường. Việc xác định tổ hợp các PPDH của một số HP còn chưa đầy đủ, chưa phù hợp với nội dung của HP và chưa hướng tới tính thực tiễn cao. Việc xác định phương pháp KTĐG của một số HP chưa thực sự phù hợp với nội dung HP và khó đáp ứng CĐR

của HP và CĐR của CTĐT. Các phiếu khảo sát còn chưa bao phủ hết được các vấn đề liên quan đến CTDH, ĐCHP và sự phù hợp của PPDH, KTĐG. Các kết luận rút ra từ việc lấy ý kiến phản hồi chưa thể hiện rõ nét việc đóng góp nhiều cho việc đổi mới nội dung HP hướng tới đạt được CĐR ở mức độ cao hơn.

- Khuyến nghị đối với CTĐT

Học viện/Khoa cần có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cựu SV và NTD thường xuyên hơn, với số lượng phù hợp hơn để đảm bảo độ tin cậy của kết quả khảo sát. Khoa/Bộ môn cần bổ sung sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các HP trong khung CTĐT.

Học viện/Khoa cần rà soát lại CĐR của một số HP để xác định lại CĐR để có thể đo lường đánh giá một cách dễ dàng; xác định rõ ràng, chính xác hơn mức độ đóng góp của nội dung/CĐR của HP đạt CĐR của CTĐT. Cần rà soát lại các PPDH của một số HP để bổ sung hoặc điều chỉnh PPDH cho phù hợp với nội dung của HP. Nên nghiên cứu, đổi mới việc khảo sát với đa dạng đối tượng và số lượng KS lớn hơn, thiết kế câu hỏi khoa học hơn và bao phủ hết được các vấn đề liên quan đến CTDH, ĐCHP để có thể thu thập được nhiều thông tin hữu ích hơn cho việc đổi mới nội dung HP trong CTDH, đáp ứng CĐR.

IV. Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

1. Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Điểm mạnh

HVBC&TT đã tuyên bố mục tiêu chiến lược trong “Chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050” (Số 770/QĐ-HVBC&TT ngày 20/2/2017) và “Quyết định về việc bổ sung, điều chỉnh và ban hành chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050” (Số 6528-QĐ/HVBC&TT ngày 31/12/2018), đó là: “HVBC&TT phấn đấu trở thành trường ĐH hàng đầu, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực lý luận chính trị tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông tại Việt Nam đến năm 2025; trung tâm nghiên cứu uy tín về báo chí và truyền thông tại khu vực Đông Nam Á đến năm 2035 và trường ĐH được xếp hạng khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đến năm 2050”. Theo đó, mục tiêu về Đào tạo, bồi dưỡng (trong Chiến lược) cũng được xác định: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có phẩm chất, kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp giỏi, tư duy phản biện và năng lực thích ứng và tìm kiếm việc làm trong môi trường xã hội không ngừng thay đổi; Xây dựng môi trường học tập thân thiện, khuyến khích phát triển năng lực và thúc đẩy trải nghiệm tích cực của NH, lấy sự hài lòng và thành công của NH làm thước đo chất lượng của Nhà trường; Phát triển hệ sinh thái các chương trình đào tạo, chú trọng phương pháp

nghiên cứu đối với các chương trình lý luận và kỹ năng thực hành đối với các chương trình nghiệp vụ; Đổi mới mô hình đào tạo theo hướng lấy chất lượng làm trọng tâm, giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa chất lượng và số lượng, giữa quy mô và trọng điểm, giữa đại trà và chất lượng cao; Thúc đẩy xây dựng văn hóa ĐBCL, mọi hoạt động của Nhà trường tuân thủ các nguyên tắc, quy trình và đảm bảo chất lượng”. Tại Quyết định số 6900/QĐ-HVBC&TT ngày 31/12/2021, Học viện đã ban hành Triết lý giáo dục của HVBC&TT, đó là: “Học để làm việc, làm người, làm CB; học để phụng sự Đoàn thể, phụng sự giai cấp và nhân dân, phụng sự Tổ Quốc và nhân loại”. Giá trị cốt lõi của Học viện cũng được xác định là: “Đoàn kết, Dân chủ, Đổi mới, Chất lượng, Công hiến” và giá trị cốt lõi của Khoa QHCC&QC cũng được xác định là: “Sáng tạo, Đoàn kết, Tự chủ, Nhiệt huyết, Tận Tâm”.

Đối với CTĐT ngành QC, mục tiêu đào tạo của ngành cũng được Khoa xác định là: *"Đào tạo, bồi dưỡng cử nhân ngành QC hàng đầu có năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong lĩnh vực truyền thông và QC; có kiến thức chuyên môn sâu, rộng; có kỹ năng nghiệp vụ, có tư duy sáng tạo, phản biện, có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, làm việc trong môi trường công nghệ cao và hội nhập quốc tế; có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, trung thành với mục tiêu và lý tưởng của Đảng; có năng lực tự chủ và khả năng học tập suốt đời."* (Chiến lược phát triển Khoa QHCC&QC năm 2020)

Triết lý giáo dục/mục tiêu chiến lược, mục tiêu đào tạo của HVBC&TT, cũng như của Khoa được phổ biến rộng rãi đến các BLQ qua các hình thức: Quán triệt, phổ biến đến tất cả CB, GV, NH trong toàn Học viện để hiểu rõ và thực hiện; công bố công khai trong trường và công bố rộng rãi trên Cổng thông tin điện tử của Học viện, trên fanpage của Khoa QHCC&QC.

Học viện/Khoa đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến của các BLQ năm 2020, kết quả cho thấy: 100% NTD; 80% GV và 79,2% SV cuối khóa hài lòng về mục tiêu đào tạo của Học viện và Khoa.

2. Điểm tồn tại

Chưa có kết quả khảo sát lấy ý kiến của các BLQ về triết lý giáo dục. Hình thức giới thiệu, phổ biến về Triết lý giáo dục, mục tiêu chiến lược, mục tiêu đào tạo bồi dưỡng của Học viện đến các BLQ chưa đa dạng.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần có kế hoạch phổ biến, giới thiệu Triết lý giáo dục/mục tiêu giáo dục với các hình thức đa dạng hơn. Nên có hướng dẫn cụ thể để giải thích đầy đủ nội hàm của Triết lý giáo dục tới CB, GV, NH, ... và các đơn vị, cá nhân ngoài Học viện. Thường xuyên khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về Triết lý giáo dục.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

2. Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Điểm mạnh

Từ mục tiêu giáo dục và CĐR của CTĐT, từ quy định, hướng dẫn (Số 2663/HD-HVBCTT ngày 09/7/2020) của Học viện/ Khoa/Bộ môn đã hướng dẫn GV/NH lựa chọn các hoạt động giảng dạy và học tập thích hợp với đặc thù của từng HP, đảm bảo vai trò của HP được xác định trong ma trận, thể hiện sự đóng góp của HP vào thực hiện CĐR của CTĐT. PPGD được mô tả tương đối rõ ràng trong các ĐCCT học phần (ĐCCT học phần năm 2020). Khảo sát thực tế cho thấy, PPGD mà Khoa đã và đang thực hiện là tương đối đa dạng, tương đối phù hợp với đặc thù môn học (PPDH tương tác; phương pháp thảo luận, hoạt động nhóm; phương pháp giải quyết vấn đề; phương pháp nghiên cứu trường hợp; phương pháp nhập vai, mô phỏng; Thực hành/thí nghiệm; Thực tế/thực hành, thực tập; ...) và điều kiện thực tế của Học viện.

Trong giai đoạn đánh giá, GV trong Học viện nói chung và Khoa nói riêng được đào tạo, bồi dưỡng về các PPGD, về cách thiết kế và tổ chức hoạt động học tập đa dạng. Kết quả phỏng vấn cho thấy, GV luôn linh hoạt phối hợp các PPGD khác nhau phù hợp số tín chỉ và tính chất của từng HP cũng như tùy đối tượng SV, hướng đến giúp SV đạt CĐR. Song song với thay đổi cách thức giảng dạy, GV cũng đã tích cực ứng dụng CNTT như sử dụng bài giảng điện tử, bài giảng E-learning, ... và tận tình hướng dẫn SV đổi mới phương pháp học tập để tương thích với PPGD của GV. Ngoài ra, GV còn thường xuyên hướng dẫn nội dung tự học cho SV.

Ngoài hoạt động dạy/học, việc chủ động học tập, tìm tòi NCKH của SV cũng luôn được khuyến khích thông qua các hoạt động đa dạng như: Các cuộc thi sáng tạo khởi nghiệp, các phong trào NCKH trong SV được tổ chức thường niên, ... Đặc biệt, với nguồn cơ sở dữ liệu trực tuyến đa dạng và phong phú tại thư viện của Học viện, GV và SV có nhiều điều kiện rất thuận lợi trong việc tìm kiếm tài liệu phục vụ cho giảng dạy và học tập.

Năm 2020, Học viện đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về sự phù hợp của các hoạt động dạy - học. Kết quả khảo sát cho thấy có 82,33% SV đang theo học và 74,6% SVTN hài lòng về PPGD của GV.

2. Điểm tồn tại

Một số HP còn chưa áp dụng PPDH hướng tới tính thực tiễn cao. Cơ sở hạ tầng của một vài phòng học chưa thuận lợi cho việc áp dụng các PPGD mới, phát huy tính chủ động của NH. Qua phỏng vấn SV đang theo học tại Học viện cho thấy: có một số

phòng học máy chiếu mờ, đường truyền Internet kém gây ảnh hưởng tới việc áp dụng các PPGD tích cực của GV.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Nhà trường/Khoa cần rà soát bổ sung thêm một số PPDH hướng tới tính thực tiễn cao phù hợp với nội dung của HP. Cần quan tâm hơn nữa đến hoạt động đổi mới PPDH của GV và đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học (học tập trải nghiệm - Learning service). Khắc phục tình trạng thiết bị phục vụ đào tạo chất lượng thấp, tạo điều kiện thuận lợi cho GV và SV trong quá trình dạy - học.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

3. Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Điểm mạnh

Kiểm tra hồ sơ minh chứng cho thấy ĐCHP của CTĐT ngành QC các năm 2018, 2020 đều mô tả rõ việc sử dụng tổ hợp các PPGD/học tập nhằm tích lũy kiến thức và rèn luyện các kỹ năng thiết yếu hướng đến việc đạt được CĐR của HP và CĐR của CTĐT. Hầu hết ĐCCT các HP ngành QC đều nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học. Đề cương mỗi HP đều có phần hướng dẫn tự học cho SV. Mỗi HP đều mô tả chi tiết các kiến thức và kỹ năng SV cần đạt khi kết thúc học phần. Đặc biệt trong HP thực tập hoặc tốt nghiệp chuyên ngành QC đều có các nội dung mở, hướng cho SV áp dụng các kiến thức đã được trang bị để tự lựa chọn các chuyên đề thực tập tốt nghiệp phù hợp, thông qua đó hướng tới việc tự chủ học hỏi, nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Trong quá trình dạy học, GV đã sử dụng đa dạng các chiến lược dạy học, kết hợp giữa PPDH truyền thống và PPDH hiện đại để phát huy tính tự giác, chủ động, sáng tạo của SV (như dạy trực tiếp, dạy gián tiếp, dạy học tương tác, hướng dẫn tự học, ...) và sử dụng đa dạng PPDH. Bên cạnh đó, GV còn chú trọng dạy cho SV phương pháp tự học, cách hợp tác, vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn; khích lệ SV tham gia NCKH (cùng với SV tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, ...), hướng dẫn SV thực hiện khóa luận tốt nghiệp. Nhiều hoạt động ngoại khóa do các CLB của Khoa/Học viện tổ chức cũng góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu của SV ngành QC. Hàng năm, Học viện đều tổ chức các lớp học bồi dưỡng kỹ năng mềm cho SV của Khoa/Học viện nhằm rèn luyện các kỹ năng tự học, làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình. Các cuộc thi sáng tạo, NCKH SV được tổ chức nhằm tăng cơ hội học hỏi cho NH, cọ sát với các tình huống thực tế cũng như rèn luyện kỹ năng viết và tổ chức báo cáo. Trong giai đoạn đánh giá có 17 SV ngành QC tham gia NCKH.

Hàng năm, Học viện đã thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về hiệu quả, chất lượng dạy - học. Kết quả khảo sát NTD năm 2020 cho thấy 95% NTD hài lòng với chất lượng NH tốt nghiệp ngành QC.

2. Điểm tồn tại

Có một số ĐCHP chưa thể hiện các hoạt động giám sát, hỗ trợ của GV giúp SV thực hiện việc tự học. Học viện/Khoa chưa có các nghiên cứu đánh giá tác động của các PPDH đến việc tự học của SV. Chưa có các hoạt động tổng kết, đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các PPDH để thúc đẩy SV rèn luyện các kỹ năng thiết yếu và kỹ năng mềm. Nhiệm vụ tự học của SV được hướng dẫn trong ĐCHP chưa đa dạng, chủ yếu vẫn là đọc trước tài liệu có liên quan đến nội dung bài giảng.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần bổ sung vào ĐCHP hoạt động giám sát, hỗ trợ của GV giúp SV thực hiện việc tự học để có cơ sở đánh giá kết quả tự học của SV. Học viện/Khoa cần định kỳ tổng kết, đánh giá các PPDH được GV sử dụng để đổi mới, thúc đẩy SV rèn luyện các kỹ năng thiết yếu và kỹ năng mềm. Đồng thời cần có các nghiên cứu đánh giá tác động của các PPDH đến hoạt động tự học của SV để cải tiến phương pháp dạy cách học và tự học cho SV.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4:

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Mục tiêu chiến lược, mục tiêu đào tạo, triết lý giáo dục được Học viện tuyên bố và phổ biến đến các BLQ.

Các hoạt động dạy - học được thiết kế tương đối phù hợp nhằm đạt được CDR.

Các hoạt động dạy và học đã thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu/kỹ năng mềm hướng đến việc đạt được CDR của HP và CDR của CTĐT, cũng như nhằm nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Chưa có kết quả khảo sát lấy ý kiến của các BLQ về Triết lý giáo dục. Hình thức giới thiệu, phổ biến về Triết lý giáo dục, mục tiêu chiến lược, mục tiêu đào tạo của Học viện đến các BLQ còn chưa đa dạng.

Một số HP còn chưa áp dụng PPDH hướng tới tính thực tiễn cao. Cơ sở hạ tầng của một vài phòng học chưa thuận lợi cho việc áp dụng các PPGD mới, phát huy tính chủ động của NH. Qua phỏng vấn SV đang theo học tại Học viện cho thấy: Có một số phòng học máy chiếu mờ, đường truyền Internet kém gây ảnh hưởng tới việc áp dụng các PPDH tích cực của GV.

Có một số ĐCHP chưa thể hiện các hoạt động giám sát, hỗ trợ của GV giúp SV thực hiện việc tự học; chưa có các nghiên cứu đánh giá tác động của các PPDH đến việc tự học của SV. Chưa có các hoạt động tổng kết, đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các PPDH để thúc đẩy SV rèn luyện các kỹ năng thiết yếu và kỹ năng mềm. Nhiệm vụ tự học của SV được hướng dẫn trong ĐCHP chưa đa dạng, chủ yếu vẫn là đọc trước tài liệu có liên quan đến nội dung bài giảng.

- Khuyến nghị đối với CTĐT

Học viện cần có kế hoạch phổ biến, giới thiệu Triết lý giáo dục/mục tiêu giáo dục tới các BLQ với các hình thức đa dạng hơn. Nên có hướng dẫn cụ thể để giải thích đầy đủ nội hàm của Triết lý giáo dục tới CB, GV, NH, ... và đơn vị, cá nhân ngoài học viện. Thường xuyên khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về Triết lý giáo dục.

Học viện/Khoa cần rà soát bổ sung thêm một số PPDH hướng tới tính thực tiễn cao phù hợp với nội dung của HP. Nên quan tâm hơn nữa đến hoạt động đổi mới PPDH của GV và đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học (học tập trải nghiệm - Learning service). Khắc phục tình trạng thiết bị phục vụ đào tạo chất lượng thấp (theo phản ánh của NH), tạo điều kiện thuận lợi cho GV và SV trong quá trình dạy - học.

Cần bổ sung vào ĐCHP hoạt động giám sát, hỗ trợ của GV giúp SV thực hiện việc tự học để có cơ sở đánh giá kết quả tự học của SV. Học viện/Khoa cần định kỳ tổng kết, đánh giá các PPDH được GV sử dụng để đổi mới, thúc đẩy SV rèn luyện các kỹ năng thiết yếu và kỹ năng mềm. Đồng thời cần có các nghiên cứu đánh giá tác động của các PPDH đến hoạt động tự học của SV để cải tiến phương pháp dạy cách học và tự học cho SV.

V. Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

1. Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Điểm mạnh

HVBC&TT thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ từ năm 2014 và được cập nhật vào năm 2017 (Số 3777/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 18/10/2017). Trong đó, qui định rõ việc đánh giá KQHT của NH (qui định về đánh giá học phần, tổ chức kỳ thi kết thúc học phần, quy trình đánh giá, ...). Các quy định về số lượng các đầu điểm, tỷ trọng các điểm thành phần của học phần được quy định cụ thể trong ĐCCT học phần (ĐCCT học phần 2018, 2020).

Việc lựa chọn các phương pháp, hình thức KTĐG KQHT của NH ngành QC được xác định theo Hướng dẫn thiết kế phương pháp KTĐG đáp ứng CĐR (Số 2647/HD-HVBC&TT ngày 09/7/2020); Quy định về công tác tổ chức kỳ thi học phần hệ ĐH chính quy tập trung (Số 1909/QĐ-HVBC&TT ngày 19/4/2021); Quy định tạm thời về công tác

tổ chức kỳ thi học phần theo hình thức trực tuyến dành cho SV hệ ĐH chính quy tập trung (số 4565/QĐ-HVBCTT ngày 09/9/2021). Theo đó, xuất phát từ CĐR của CTĐT, Khoa lựa chọn các phương pháp KTĐG KQHT của NH phù hợp để có thể đo lường mức độ đạt được CĐR (Ma trận hình thức KTĐG - CĐR năm 2020). Hồ sơ minh chứng cho thấy, các học phần thuộc kiến thức chung sử dụng hình thức thi viết tự luận để kiểm tra, đánh giá cuối kỳ chiếm tỷ lệ khoảng 60%; các học phần thuộc kiến thức chuyên ngành sử dụng hình thức viết tiểu luận, thuyết trình nhóm, bài tập lớn (nghiên cứu trường hợp, sản phẩm, dự án, thảo luận) nhiều hơn, nhiều học phần sử dụng tới 60% (Bảng thống kê phương pháp KTĐG trong CTĐT).

Từ năm 2015, Học viện đã ban hành Quy định Xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi; ban hành Quy trình xây dựng, rà soát và cập nhật ngân hàng đề thi năm 2020 (Số 2648/QĐ-HVBCTT ngày 09/7/2020). Trên cơ sở đó, các bộ môn chủ động thiết kế ngân hàng đề thi gồm các nhóm câu hỏi dễ, trung bình và khó tương ứng với 6 cấp bậc tư duy trong thang cấp độ, tư duy của Bloom (Nhớ, hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo). Với cách thức này, công tác thi, KTĐG được thiết kế nhằm đáp ứng CĐR của CTĐT. Hàng năm, Trung tâm KT&KĐCLĐT có các báo cáo tổng kết rút kinh nghiệm về công tác ra đề thi và tổ chức KTĐG (Báo cáo 2017 - 2021).

Theo quy định, SV đủ điều kiện được giao thực hiện khóa luận tốt nghiệp khi tích lũy đủ số tín chỉ trong CTĐT và đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy chế đào tạo ĐH theo học chế tín chỉ (được nêu rõ Quy chế và thông báo trong cuốn Sổ tay SV). Việc giao đề tài và hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp cho SV đủ điều kiện được thể hiện trong các biên bản họp Khoa và danh sách phân công GV hướng dẫn (Biên bản họp Khoa về việc cử GV hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp 2017 - 2021). Khóa luận tốt nghiệp được đánh giá thông qua điểm chấm khóa luận tốt nghiệp của Hội đồng, có cân nhắc đến nhận xét về quá trình SV làm khóa luận của GV hướng dẫn (Hồ sơ chấm khóa luận tốt nghiệp 2017 - 2021).

Hàng năm, Học viện có kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của các BLQ về phương pháp, hình thức KTĐG CTĐT (Số 2965/KH-HVBCTT ngày 26/8/2016; số 2870/KH-HVBCTT ngày 29/8/2017; số 2197/KH-HVBCTT ngày 10/5/2019; số 2674/KH-HVBCTT ngày 10/7/2020). Kết quả khảo sát SV cuối khóa ngành QC cho thấy năm 2020 có 87%, năm 2021 có 94,6% SV được khảo sát hài lòng với tiêu chí “Các hình thức và nội dung KTĐG đa dạng, đánh giá được kiến thức và kỹ năng ...”

2. Điểm tồn tại

Việc phân tích, đánh giá phương pháp KTĐG, đánh giá các đề thi tự luận, trắc nghiệm đã được thực hiện nhưng chưa thường xuyên; chưa có tổng kết phương thức ra đề thi, đối sánh phương pháp ra đề tự luận truyền thống với ra đề tự luận trắc nghiệm,

hoặc giao làm tiểu luận, bài tập lớn, ... để có điều chỉnh kịp thời (khảo sát thực tế cho thấy, SV có điểm làm tiểu luận, bài tập lớn cao hơn nhiều so với điểm thi viết).

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần rà soát việc thiết kế các phương pháp KTĐG để đo lường mức độ đạt được CĐR của các học phần, nhất là đối với chuẩn về kỹ năng và chuẩn về mức độ tự chủ, trách nhiệm. Cần có hướng dẫn đầy đủ về việc phân tích, đánh giá phương pháp KTĐG, đánh giá các đề thi tự luận, trắc nghiệm, làm tiểu luận, bài tập lớn, ... và sử dụng kết quả phân tích, đánh giá để cải tiến phương pháp KTĐG cho phù hợp với mục đích/mục tiêu đánh giá, đảm bảo đánh giá đúng năng lực của NH. Định kì cần phân tích KQHT của SV để có sự đối sánh đánh giá mức độ chính xác và độ tin cậy của đề thi và phương pháp KTĐG.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

2. Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Điểm mạnh

HVBC&TT đã ban hành các quy định về đánh giá KQHT của NH tương đối rõ ràng (Số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017; số 2989/QĐ-HVBCTT-KT ngày 01/9/2017; ĐCCT học phần các năm 2016, 2018, 2020...). Tất cả các quy định về thời gian thi tuyển sinh đầu vào, thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp, ... đều được đăng tải trên website của Học viện và được gửi về cho các Khoa. Các thông báo này cũng được gửi đến SV thông qua công thông tin điện tử dành cho SV. Từ năm 2016, Học viện ban hành CĐR ngoại ngữ đối với tất cả các ngành học, đồng thời việc phân loại SV theo trình độ ngoại ngữ ngay từ đầu vào đã được triển khai từ năm học 2016-2017 (số 435/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 22/02/2016).

Đối với các học phần, điểm tổng hợp đánh giá được tính cụ thể: (A) Điểm đánh giá ý thức học tập: 0,10; (B) Điểm kiểm tra giữa học phần: 0,30; (C) Điểm thi kết thúc học phần: 0,60 (điểm được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ). Tất cả ĐCCT các học phần đều nêu rõ hình thức KTĐG (thi viết, thi vấn đáp, ...) và được GV giảng dạy học phần đó cung cấp đầy đủ cho SV.

Đề thi được quy định đảm bảo sát nội dung kiến thức đã học (Số 2647/ HD-HVBCTT ngày 09/7/2020; Quy định Xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi ngày 30/11/2015; số 2468/QĐ-HVBCTT ngày 09/7/2020). Đối với các học phần kiến tập, thực tập, việc đánh giá KQHT của NH được căn cứ vào kết quả đánh giá của cơ quan, tổ chức tiếp nhận SV kiến tập/ thực tập (dựa trên mức độ tuân thủ nội quy, khả

năng làm việc, tác phong làm việc, khả năng giao tiếp, tính chuyên nghiệp... của SV); đánh giá của GV hướng dẫn SV kiến tập/thực tập về tinh thần, thái độ, kết quả kiến tập, thực tập của SV; đánh giá của Khoa chủ quản về chất lượng bài thu hoạch và các sản phẩm SV thực hiện được trong quá trình kiến tập/thực tập (Báo cáo kiến tập, thực tập của SV). Toàn bộ hoạt động thi, đánh giá KQHT đối với các học phần của toàn Học viện do Trung tâm KT&ĐBCLĐT theo dõi và thường xuyên có các báo cáo tổng kết công tác ra đề, tổ chức KTĐG (Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ 2017 - 2021).

Đối với SV năm cuối, trong học kỳ cuối khóa, Học viện công bố danh sách SV đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp. Các SV còn lại sẽ học các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp được quy định trong chương trình khung đào tạo của ngành QC. Nếu SV nằm trong danh sách được làm khóa luận nhưng không muốn thực hiện khóa luận, SV cũng có thể làm đơn xin học các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp. Sau khi hoàn thành khóa luận tốt nghiệp, được sự thông qua của giáo viên hướng dẫn, khóa luận sẽ được hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp đánh giá dựa trên 9 tiêu chí cụ thể được quy định trong phiếu chấm khóa luận tốt nghiệp của ủy viên hội đồng, thư ký hội đồng và thành viên hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp. Điểm chấm khóa luận của từng thành viên tổ chấm theo thang điểm 10, chấm điểm lẻ đến một chữ số thập phân. Điểm đánh giá khóa luận tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm của các thành viên hội đồng, làm tròn đến một chữ số thập phân, quy về thang điểm chữ theo quy định (Hồ sơ chấm khóa luận tốt nghiệp 2017 - 2021). Bên cạnh đó, GV hướng dẫn cũng gửi nhận xét về quá trình thực hiện khóa luận của SV để Hội đồng có thêm cơ sở đánh giá. Điểm khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học. SV không hoàn thành khóa luận tốt nghiệp, hoặc có kết quả chấm khóa luận tốt nghiệp bị điểm F phải lùi thời gian tốt nghiệp làm lại khóa luận tốt nghiệp hoặc phải học và thi các tín chỉ thay thế khóa luận tốt nghiệp theo quy định.

Các quy định về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và KQHT của NH được Học viện công bố công khai tới NH trước mỗi khóa học, mỗi kỳ học và học phần: được nêu trong “Sổ tay SV”, “Thông tin đào tạo” và phổ biến cho SV trong “Tuần sinh hoạt công dân” đầu mỗi năm học; công bố trên Website của Học viện, của Trung tâm Khảo thí & ĐBCL đào tạo, phần mềm QLĐT...; được Trợ lý đào tạo và CVHT của Khoa phổ biến trực tiếp cho SV. Kế hoạch và nội dung KTĐG của mỗi học phần còn được GV phổ biến và cung cấp cho SV vào buổi học đầu tiên của HP. SV có kiến nghị về KQHT được Học viện giải quyết theo đúng thủ tục quy định, đảm bảo quyền lợi của SV. Kết quả phúc khảo được công bố trên cổng thông tin dành cho SV và được thông báo tới Khoa chủ quản và Ban QLĐT.

2. Điểm tồn tại

Việc khảo sát, lấy ý kiến các BLQ về mức độ hiểu và nắm rõ đầy đủ các qui định về KTĐG còn chưa toàn diện. Khoa/Bộ môn chưa có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá các nội dung tự học của SV, mặc dù trong ĐCHP có giao nhiệm vụ cho SV tự học.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần rà soát và hoàn thiện hơn bộ câu hỏi khảo sát để đảm bảo các thông tin thu thập được bao phủ toàn diện những vấn đề cần khảo sát và có nhiều thông tin hữu ích. Cần có hướng dẫn và quy định về KTĐG nội dung tự học của SV.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

3. Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Điểm mạnh

HVBC&TT đã quy định tương đối rõ ràng về đánh giá KQHT của NH (Số 3777/QĐ - HVBC&TT-ĐT ngày 18/10/2017; số 2989/QĐ-HVBC&TT-KT ngày 01/9/2017; ĐCCT học phần các năm 2018, 2020; Quy định tạm thời về công tác tổ chức kỳ thi học phần theo hình thức trực tuyến dành cho SV hệ ĐH chính quy tập trung của HVBC&TT ngày 09/9/2021; Quy định về kiểm tra, đánh giá trực tuyến số 4565/QĐ-HVBC&TT; Quy định về đào tạo trình độ ĐH theo tín chỉ số 1111-QĐ/HVBC&TT-ĐT ngày 12/5/2022). Theo đó, phương pháp KTĐG của CTĐT được Khoa, GV sử dụng đa dạng, bao gồm kiểm tra khách quan (gồm trắc nghiệm khách quan, câu hỏi ngắn), thi viết tự luận, tiểu luận, vấn đáp, bài tập lớn (nghiên cứu trường hợp, sản phẩm, dự án) theo nhóm hoặc cá nhân, ... Sự đa dạng này được thể hiện rõ trong thống kê các hình thức dạy học và KTĐG, trong các ĐCHP chi tiết và trong các bài thi, sản phẩm, báo cáo của SV (Bảng thống kê các hình thức KTĐG: Mẫu đề thi, KTĐG trong CTĐT - các loại hình KTĐG; mẫu bài thi, sản phẩm - theo các loại hình KTĐG).

Hiện tại, ngành QC đã tuân thủ quy định về phương pháp và quy trình KTĐG của Học viện. Các hình thức kiểm tra, đánh giá chủ yếu mà Khoa/ngành đang thực hiện bao gồm: Thi viết luận, bài tập lớn, tiểu luận. Hình thức thi kết thúc học phần được đề cập trong ĐCCT các học phần và được áp dụng tổ hợp các phương pháp kiểm tra, đánh giá tương ứng với CĐR của từng học phần (ĐCCT học phần 2018, 2020).

Việc thiết kế đề thi các học phần trong CTĐT ngành QC được thực hiện theo Kế hoạch, tài liệu hướng dẫn thiết kế câu hỏi và ngân hàng đề thi do Học viện ban hành. Theo đó, các GV phụ trách HP sẽ thảo luận về chuyên môn để xây dựng ngân hàng câu hỏi theo cấu trúc quy định, sau đó, lấy ý kiến góp ý trong cuộc họp chuyên môn của bộ môn và tiến hành điều chỉnh. Sau khi được sự nhất trí của bộ môn, của Khoa ngân hàng câu hỏi và đề thi được chuyển tới Trung tâm KT&KĐCLĐT quản lý, lựa chọn ngẫu

nhiên, quản lý, sao in đề thi. Sau khi thi, thực hiện chấm thi theo quy định. Toàn bộ điểm bài thi được tổng hợp và cập nhật trên hệ thống phần mềm quản lý, đồng thời in 01 bản gốc tại Ban QLĐT và 02 bản photo để lưu tại Trung tâm KT&KĐCLĐT và Văn phòng khoa. Trong thời gian 15 ngày sau khi thi, NH đăng nhập tài khoản cá nhân để biết kết quả đánh giá. Sau khi nhận được kết quả thi, nếu NH có yêu cầu phúc khảo kết quả đánh giá học phần sẽ liên hệ với Trung tâm KT&KĐCLĐT để làm đơn đề nghị và Trung tâm KT-KĐCLĐT thông báo với các Khoa quản lý học phần tổ chức chấm phúc khảo. Kết quả chấm phúc khảo được thông báo tới NH tương tự như trong quy trình công bố điểm lần đầu tiên. Định kỳ, Học viện giao cho các Khoa và tổ bộ môn tổ chức rà soát đánh giá và bổ sung/ cập nhật/ sửa đổi cơ sở dữ liệu ngân hàng đề thi của các học phần (Số 2648/QĐ-HVBCTT ngày 09/7/2020; số 1183/TB-HVBCTT ngày 07/4/2020).

Kết quả thống kê mức độ hài lòng của SV cuối khóa ngành QC về KTĐG năm 2020 có 87% và năm 2021 có 86,5% hài lòng về kết quả KTĐG.

2. Điểm tồn tại

Mặc dù Học viện/Khoa đã ban hành các văn bản quy định về KTĐG và đã triển khai thực hiện đánh giá về công tác KTĐG, tuy nhiên chưa có phân tích kết quả thi của SV với tất cả các HP để đánh giá mức độ phù hợp và độ tin cậy của phương pháp KTĐG và của đề thi đã sử dụng; chưa có kết quả phân tích đánh giá về phương pháp đánh giá cho điểm đối với nhóm SV thực hiện làm bài tập lớn. Việc thực hiện phân tích, đối sánh điểm quá trình với điểm thi kết thúc học phần của lớp học phần nhằm phát hiện sự tương quan để điều chỉnh kịp thời chưa được thực hiện thường xuyên... nên chưa có minh chứng cụ thể, rõ ràng khẳng định PPKTĐG đã đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện nên bổ sung module phân tích kết quả thi trong phần mềm QLĐT để GV có thể phân tích được KQHT của lớp SV do mình phụ trách. Cuối mỗi học kỳ, Khoa/Bộ môn và các đơn vị liên quan cần phân tích KQHT của SV, có đối sánh với các hình thức KTĐG khác nhau để có minh chứng đảm bảo độ tin cậy và khách quan của phương pháp KTĐG và của đề thi kiểm tra. Nên cử GV tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng về khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục để có thể định lượng đánh giá các đề thi bằng các phần mềm chuyên dụng.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3)

4. Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Điểm mạnh

Việc công bố kết quả KTĐG SV được thực hiện theo các quy định về công tác đào tạo và khảo thí của Học viện (Số 2989/QĐ-HVBCTT-KT ngày 01/9/2017; số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017; số 1111/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 12/5/2022). Theo đó, trong vòng 3 ngày kể từ khi kết thúc giảng dạy HP, GV phụ trách học phần nhập điểm đánh giá ý thức học tập, điểm kiểm tra định kỳ lên hệ thống phần mềm QLĐT. SV đăng nhập cổng thông tin SV để xem điểm, có thể khiếu nại trực tiếp với GV phụ trách. Với điểm kết thúc học phần, thì tùy mỗi loại hình và khối kiến thức học phần có quy định cụ thể: HP thi trắc nghiệm kết quả được công bố sau ngày thi 02 ngày; HP đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, việc chấm thi cần hoàn thành trong vòng 14 ngày và sau 02 ngày hoàn thiện bảng điểm, phải công bố điểm thi cho SV; HP thi vấn đáp, kết quả đánh giá được thông báo trực tiếp với NH ngay khi kết thúc buổi chấm thi. NH sử dụng tài khoản cá nhân để truy cập vào Cổng tin SV và dễ dàng tra cứu KQHT của mình (Cổng thông tin của Học viện). SV có thể nộp đơn đề nghị kiểm tra lại quy trình chấm thi học phần cho Trung tâm KT&KĐCLĐT trong thời gian 15 ngày kể từ ngày thông báo điểm trên mạng. Thời gian chấm phúc tra và công bố điểm cho SV là 2 tuần kể từ khi nhận được đơn đề nghị của SV. Việc công nhận kết quả tốt nghiệp cho SV năm cuối cũng được thực hiện một cách nghiêm túc theo Điều 27 quy định đào tạo ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 và số 1111/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 12/5/2022).

KQHT của NH được Học viện tổ chức quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống sổ sách lưu trữ ở các đơn vị QLĐT, Khoa chuyên ngành và lưu trữ trên phần mềm QLĐT của Học viện.

Kết thúc mỗi học kỳ Học viện đều bố trí các buổi họp giữa CVHT với lớp để tổng kết hoạt động học tập. Trong những buổi họp này, CVHT có thể ghi nhận thêm những ý kiến của NH liên quan đến việc phản hồi KQHT (Biên bản họp CVHT với lớp 2017 - 2021). Sau khi họp lớp, Khoa và Học viện tổ chức buổi tiếp xúc đối thoại giữa SV, CVHT với các đơn vị liên quan để ghi nhận thêm ý kiến phản hồi của SV về KQHT (Kế hoạch và báo cáo tổng hợp ý kiến đối thoại giữa Ban Giám đốc Học viện với SV 2017 - 2021).

Theo kết quả khảo sát về KQHT của SV được phản hồi kịp thời có 65,2% SV cuối khóa hài lòng và 82% SV đang theo học hài lòng về “KQHT được phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh KQHT”.

2. Điểm tồn tại

Theo phản ánh của SV, trong một số thời điểm, do hạn chế về hạ tầng mạng nên việc truy cập xem điểm trên phần mềm QLĐT của NH còn gặp khó khăn. Việc khảo sát lấy ý kiến NH về cách thức, thời gian phản hồi KQHT chưa được thực hiện thường xuyên.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần tăng cường giám sát để việc phản hồi KQHT cho SV được kịp thời hơn. Nên thực hiện khảo sát lấy ý kiến NH về cách thức, thời gian phản hồi KQHT bài bản và thường xuyên hơn.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

5. Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Điểm mạnh

Học viện có quy định về việc NH được quyền khiếu nại về KQHT của mình. Việc giải quyết khiếu nại của NH về KQHT được thực hiện theo Quy định khảo thí của Học viện (Số 2989/QĐ-HVBCCTT-KT ngày 01/9/2017) và Quyết định về việc ban hành Quy định phúc khảo bài thi học phần của Học viện (Số 1117/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 09/3/2018). Nội dung này cũng được CVHT, GV trực tiếp giảng dạy các học phần phổ biến đến SV trong tuần giáo dục công dân đầu năm học hoặc khi bắt đầu các học kỳ; đồng thời được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Học viện. Trong đó quy định nếu SV có thắc mắc về điểm số, SV có thể làm đơn phúc khảo gửi lên Trung tâm KT&KĐCLĐT. Mẫu đơn xin phúc khảo được công bố trên website Học viện và Sổ tay SV. Trung tâm KT&KĐCLĐT tiếp nhận đơn của SV, thành lập Ban phúc khảo bài thi. Sau đó, Trung tâm KT&KĐCLĐT tổng hợp danh sách và gửi danh sách tới Khoa có môn thi phải phúc khảo. Việc tổ chức phúc khảo do Trưởng khoa/Tổ trưởng bộ môn và hai CB chấm thi thực hiện. Trung tâm KT&KĐCLĐT tổng hợp điểm thông báo cho SV, đưa lên website của Học viện sau 15 ngày kể từ ngày nhận đơn và gửi về Ban QLĐT để sửa điểm trên phần mềm QLĐT. Theo báo cáo thống kê cho thấy trong giai đoạn đánh giá ngành QC có 8 bài đề nghị phúc khảo và cả 8 bài đều được giải quyết chấm phúc khảo, tuy nhiên chỉ có 5 bài được thay đổi điểm.

Kết quả phỏng vấn, SV và cựu SV cho thấy 100% được hỏi đều hài lòng đối với việc giải quyết khiếu nại về điểm thi của Khoa và Học viện.

2. Điểm tồn tại

Mặc dù việc giải quyết khiếu nại về KQHT được các đơn vị trong Học viện thực hiện tương đối tốt, nhưng chưa có quy định cụ thể, chi tiết về quy trình xử lý, cách tổ chức chấm phúc khảo, điều kiện được công nhận thay đổi điểm sau khi có kết quả chấm phúc khảo; chưa có quy định về khiếu nại kết quả điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm tiểu luận, ...

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Quy định về phúc khảo bài thi cần được mô tả rõ ràng hơn về quy trình chấm phúc khảo. Nên có quy định về khiếu nại kết quả điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm tiểu luận, ...

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5:

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Học viện có các quy định rõ ràng về việc đánh giá KQHT của NH, phù hợp với mục đích, mục tiêu cần đánh giá.

Các hoạt động/phương pháp KTĐG KQHT của NH được thiết kế tương đối phù hợp. Có xác định rõ ràng về hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và KQHT của NH; đồng thời được công khai tới NH trước mỗi khóa học/học kỳ/học phần.

NH được phổ biến các quy định về kiểm tra/đánh giá KQHT, được phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần. Việc khiếu nại về KQHT được xử lý, giải quyết kịp thời.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Việc phân tích, đánh giá phương pháp KTĐG, đánh giá các đề thi tự luận, trắc nghiệm đã được thực hiện nhưng chưa thường xuyên; chưa có tổng kết phương thức ra đề thi, đối sánh phương pháp ra đề tự luận truyền thống với ra đề tự luận trắc nghiệm, hoặc giao làm tiểu luận, bài tập lớn, ... để có điều chỉnh kịp thời (khảo sát thực tế cho thấy, SV có điểm làm tiểu luận, bài tập lớn cao hơn nhiều so với điểm thi viết).

Việc khảo sát, lấy ý kiến các BLQ về mức độ hiểu và nắm rõ đầy đủ các qui định về KTĐG còn chưa toàn diện. Khoa/Bộ môn chưa có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá các nội dung tự học của SV, mặc dù trong ĐCHP có giao nhiệm vụ cho SV tự học.

Mặc dù Học viện/Khoa đã ban hành các văn bản quy định về KTĐG và đã triển khai thực hiện đánh giá về công tác KTĐG, tuy nhiên chưa có phân tích kết quả thi của SV với tất cả các học phần để đánh giá mức độ phù hợp và độ tin cậy của phương pháp KTĐG và của đề thi đã sử dụng; chưa có kết quả phân tích đánh giá về phương pháp đánh giá cho điểm đối với nhóm SV thực hiện làm bài tập lớn. Việc thực hiện phân tích, đối sánh điểm quá trình với điểm thi kết thúc học phần của lớp học phần nhằm phát hiện sự tương quan để điều chỉnh kịp thời chưa được thực hiện thường xuyên nên chưa có minh chứng cụ thể, rõ ràng khẳng định phương pháp KTĐG đã đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

Theo phản ánh của SV, trong một số thời điểm, do hạn chế về hạ tầng mạng nên việc truy cập xem điểm trên phần mềm QLĐT của NH còn gặp khó khăn. Việc khảo sát

lấy ý kiến NH về cách thức, thời gian phản hồi KQHT chưa được thực hiện thường xuyên.

Mặc dù việc giải quyết khiếu nại về KQHT được các đơn vị trong Học viện thực hiện tương đối tốt, nhưng chưa có quy định cụ thể, chi tiết về quy trình xử lý, cách tổ chức chấm phúc khảo, điều kiện được công nhận thay đổi điểm sau khi có kết quả chấm phúc khảo; chưa có quy định về khiếu nại kết quả điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm tiểu luận, ...

3. Khuyến nghị đối với CTĐT

Học viện/Khoa cần rà soát việc thiết kế các phương pháp KTĐG để đo lường mức độ đạt được CĐR của các học phần, nhất là đối với chuẩn về kỹ năng và chuẩn về mức độ tự chủ, trách nhiệm. Cần có hướng dẫn đầy đủ về việc phân tích, đánh giá phương pháp KTĐG; đánh giá các đề thi tự luận, trắc nghiệm, làm tiểu luận, bài tập lớn... và sử dụng kết quả phân tích, đánh giá để cải tiến phương pháp KTĐG cho phù hợp với mục đích/mục tiêu đánh giá, đảm bảo đánh giá đúng năng lực của NH. Định kì cần phân tích KQHT của SV để có sự đối sánh đánh giá mức độ chính xác và độ tin cậy của đề thi và phương pháp KTĐG.

Học viện/Khoa cần rà soát và hoàn thiện hơn bộ câu hỏi khảo sát để đảm bảo các thông tin thu thập được bao phủ toàn diện những vấn đề cần khảo sát và có nhiều thông tin hữu ích. Cần có hướng dẫn và quy định về KTĐG nội dung tự học của SV.

Học viện nên bổ sung module phân tích kết quả thi trong phần mềm QLĐT để GV có thể phân tích được KQHT của lớp SV do mình phụ trách. Cuối mỗi học kỳ, Khoa/Bộ môn và các đơn vị liên quan cần phân tích KQHT của SV, có đối sánh với các hình thức KTĐG khác nhau để có minh chứng đảm bảo độ tin cậy và khách quan của phương pháp KTĐG và của đề thi kiểm tra. Nên cử GV tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng về khoa học đo lường và đánh giá trong giáo dục để có thể định lượng đánh giá các đề thi bằng các phần mềm chuyên dụng.

Học viện/Khoa cần tăng cường giám sát để việc phản hồi KQHT cho SV được kịp thời hơn. Nên thực hiện khảo sát lấy ý kiến NH về cách thức, thời gian phản hồi KQHT bài bản và thường xuyên hơn.

Quy định về phúc khảo bài thi cần được mô tả rõ ràng hơn về quy trình chấm phúc khảo. Nên có quy định về khiếu nại kết quả điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm tiểu luận, ...

VI. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

1. Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được

thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh

Trong chu kỳ đánh giá, Học viện có ban hành Chiến lược phát triển Học viện BC&TT gồm phiên bản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Số 2418/QĐ-HVBCTT ngày 08/7/2014), phiên bản đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (số 770/QĐ-HVBCTT ngày 20/02/2017; số 6528/QĐ-HVBCTT ngày 31/12/2018). Chiến lược phát triển đánh giá thực trạng đội ngũ, xác định mục tiêu và các giải pháp nhằm tuyển dụng, thu hút, và phát triển nguồn nhân lực. Căn cứ trên văn bản kế hoạch xây dựng Quy hoạch CB lãnh đạo, quản lý của HVCTQG HCM giai đoạn 2016-2020 (Số 15/KH-HVCTQG ngày 27/01/2016), HVBC&TT có thực hiện đánh giá thực trạng và nhu cầu đội ngũ lãnh đạo, quản lý để xây dựng và ban hành kế hoạch xây dựng Quy hoạch CB lãnh đạo, quản lý HVBC&TT giai đoạn 2017-2021 (Số 404/KH-HVBCTT ngày 17/02/2016), rà soát bổ sung quy hoạch chức danh CB lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2017-2021 (Số 5949/KH-HVBCTT ngày 21/12/2018); ban hành Kế hoạch xây dựng quy hoạch CB, lãnh đạo quản lý giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026-2031 (Số 2150/KH-HVBCTT ngày 17/5/2022).

Tổng số GV của ngành QC gồm có 09 GV, trong đó 03 tiến sĩ (TS) và 06 thạc sĩ (ThS). Mục tiêu phát triển nguồn nhân lực là xây dựng vững chắc đội ngũ GV quan hệ công chúng, QC và marketing đạt chuẩn chuyên môn cao theo hướng ĐH nghiên cứu, đáp ứng nhu cầu đổi mới đất nước, hội nhập khu vực và quốc tế. Đến năm 2030, 50% những GV có học vị TS, đến năm 2035 những GV công tác ở khoa từ năm 2025 trở về trước đạt học vị TS.

Kế hoạch tuyển dụng và phát triển đội ngũ GV gồm nâng cao trình độ chuyên môn trong và ngoài nước, đào tạo ngắn hạn được tổ chức định kỳ hàng năm, trình Hiệu trưởng phê duyệt. Việc tuyển dụng tuân thủ theo quy định cập nhật của Nghị định của chính phủ và quy định của HVCTQG HCM. Đề án vị trí việc làm (Số 6079/ĐA-HVBCTT ngày 31/12/2020) có xác định rõ quy hoạch các vị trí việc làm của CB, GV, NV thuộc nhóm công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành. Học viện sử dụng Quy chế đào tạo bồi dưỡng CB, công chức, viên chức (Số 367/QĐ-HVCTQG ngày 17/01/2018) để xác định nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của đội ngũ GV, NV để xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm.

Học viện có phê duyệt bổ sung quy hoạch CB lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2020 (số 182-QĐ/HVBCTT ngày 14/01/2019). Việc bổ nhiệm, điều chuyển được thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm CB lãnh đạo, quản lý của HVCTQG HCM. Trong chu kỳ đánh giá, Học viện đã thực

hiện bổ nhiệm 01 vị trí Phó Trưởng khoa vào năm 2019, 01 vị trí Trưởng khoa và 01 vị trí Phó Trưởng khoa vào năm 2021 theo đúng quy định.

2. Điểm tồn tại

Mục tiêu chiến lược và các nhóm giải pháp phát triển nguồn nhân lực tại Chiến lược phát triển của Khoa/ngành xây dựng vẫn mang tính tổng quát, chưa đặc trưng của nhóm ngành/ngành và chưa có các chỉ số định lượng cụ thể và chỉ tiêu đặt ra hàng năm trong từng giai đoạn.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Các khoa/ngành cần rà soát, bổ sung các mục tiêu chiến lược, nhóm giải pháp, chi tiết hóa lộ trình triển khai kế hoạch và chỉ số định lượng cụ thể với các chỉ tiêu đặt ra hàng năm, làm cơ sở theo dõi, đo lường, và đánh giá mức độ đáp ứng của quá trình thực hiện các hoạt động thu hút, tuyển dụng, phát triển nguồn lực, ... Đây là cơ sở để điều chỉnh công tác quy hoạch phát triển đội ngũ phù hợp hơn với thực tế trong từng giai đoạn của Khoa/ngành.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5).

2. Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh

Ngành QC có tỷ lệ GV/NH là 1/9 đáp ứng yêu cầu so với quy định của Bộ GD&ĐT (không quá 25 SV/GV đối với khối ngành VII). Ngành gồm có 03 TS (tỷ lệ 33,33%), 06 ThS (tỷ lệ 66,67%).

Học viện có quy định rõ ràng mức chuẩn và quy đổi khối lượng công việc giảng dạy, NCKH và công tác khác dành cho GV tại Quy chế ban hành quy định chế độ làm việc đối với GV của HVBC&TT (Số 928/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 01/3/2018 và bảng mô tả vị trí công việc của GV). Trong đó quy đổi theo giờ chuẩn, khối lượng và thời gian làm việc của từng chức danh cụ thể: GV cao cấp - hạng I (GS, phó GS, TS) giờ chuẩn giảng dạy các môn học đối với GS là 270, NCKH là 950; học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác là 90; giờ chuẩn giảng dạy các môn học đối với phó GS là 270, NCKH là 900, học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác là 110; đối với TS lần lượt là 290, 850 và 210; GV chính (Hạng II): GV có học vị TS: giờ chuẩn giảng dạy các môn học; giờ NCKH và giờ học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác lần lượt là: 280, 700 và 260; GV chưa đạt trình độ TS lần lượt giờ giảng dạy, NCKH, bồi dưỡng và các nhiệm vụ là 280, 700 và 260; GV (hạng III): GV có học vị TS lần lượt là 270, 600 và 360 giờ; GV chưa đạt trình độ TS: 270, 600 và 360 giờ. GV phải thực hiện đủ định mức NCKH,

học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác mới được xem là hoàn thành nhiệm vụ theo quy định.

Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được triển khai thống kê theo định mức hàng năm để theo dõi và đánh giá. Đầu năm học, Khoa căn cứ trên công tác của từng GV và phối hợp với Ban QLĐT để phân công khối lượng giảng dạy, NCKH, và hoạt động khác cho phù hợp để làm căn cứ đánh giá thực hiện công việc vào cuối năm học. Tại chương II về nhiệm vụ của các chức danh GV có nêu rõ nhiệm vụ giảng dạy; nhiệm vụ NCKH và chuyển giao công nghệ; nhiệm vụ tham gia công tác QLĐT, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ; nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ. Mức tiền thanh toán giờ vượt định mức được xác lập trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện. Quá trình giám sát, kiểm tra khối lượng giảng dạy, NCKH, bồi dưỡng và thực hiện các nhiệm vụ khác được phối hợp giữa Ban QLĐT, Ban TCCB, Trung tâm KĐ&ĐBCLĐT, làm căn cứ phân loại CB-GV-NV và xét thi đua khen thưởng hàng năm. Kết quả khảo sát cho thấy CB-GV-NV hài lòng về vị trí công việc và nhiệm vụ được phân công “phù hợp với năng lực” (4,40/5), “công việc phân chia hợp lý (4,40/5).

2. Điểm tồn tại

Hoạt động PVCĐ của GV chưa được đề cập rõ trong quy định của Học viện/ Khoa.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Bổ sung quy định về hoạt động PVCĐ của GV và quy đổi giờ bình quân hàng năm.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

3. Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Điểm mạnh

Học viện có ban hành Đề án vị trí việc làm (Số 6079/KH-HVBCTT ngày 31/12/2020) quy định tiêu chuẩn năng lực, chức năng – nhiệm vụ của từng vị trí, từng nhóm công việc, quy định về tuyển dụng công chức viên chức và thực hiện việc bổ nhiệm, điều chuyển tuân thủ theo tuân theo các Quy định của HVCTQGHCM (số 4503/QĐ-HVCTQG ngày 12/10/2016; số 339/QĐ-HVCTQG ngày 22/01/2019; số 201/QĐ-HVCTQG ngày 22/6/2020).

Thông tin tuyển dụng viên chức, kết quả xét tuyển, và kết quả thi thực hành giảng bài, xét tuyển dụng GV được công khai trên trang web của Học viện, có nêu rõ vị trí và số lượng tuyển dụng; đối tượng và tiêu chuẩn; hình thức tuyển dụng; hồ sơ đăng ký dự tuyển, thời gian, địa điểm nộp hồ sơ; kế hoạch, thời gian dự kiến xét tuyển; tuân thủ theo

quy định Nhà nước (Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018, Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020).

Việc mời GV thỉnh giảng được thực hiện theo Quy chế GV thỉnh giảng (Số 1938/QĐ-HVBCTT-TCCB ngày 12/8/2013). Trong chu kỳ đánh giá, ngành QC thực hiện điều động 01 TS và 01 ThS về khoa hỗ trợ cho hoạt động giảng dạy. Việc bổ nhiệm nhân sự vào vị trí lãnh đạo có Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa đảm bảo tiêu chuẩn theo đúng quy định, phù hợp với yêu cầu và quy hoạch của Học viện/Khoa, được đăng trên trang thông tin điện tử của Học viện.

2. Điểm tồn tại

Đối tượng và tiêu chuẩn thông báo tuyển dụng viên chức qua các năm của Học viện chưa cụ thể các yêu cầu tuyển dụng riêng dành cho các ngành đào tạo.

Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm CB còn sử dụng chung với HVCTQGHCN, sẽ hạn chế về mặt thời gian triển khai so với thực tế yêu cầu.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần điều chỉnh, bổ sung thêm các yêu cầu về tuyển dụng viên chức dành cho các ngành nghề đào tạo để có thể thu hút đội ngũ viên chức đảm bảo yêu cầu và đúng chuyên ngành.

Cần rà soát và ban hành văn bản riêng phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước, của HVCTQGHCN và bối cảnh thực tế của HVBC&TT trong giai đoạn tiếp theo.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

4. Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Điểm mạnh

Học viện có ban hành các văn bản liên quan đến yêu cầu về trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ và tin học, kinh nghiệm công tác, kỹ năng giảng dạy, NCKH, đóng góp cho cộng đồng của CB-GV-NV: Bản mô tả vị trí công việc của GV; Quy định về chế độ làm việc đối với GV (Số 928/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 01/3/2018); Quy chế quản lý hoạt động khoa học (Số 6531/QĐ-HVBCTT ngày 26/12/2018). 100% GV của ngành có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, CNTT theo quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy của Bộ GD&ĐT.

Kết quả đánh giá, phân loại GV được thực hiện theo quy định, dựa trên kết quả phản hồi của NH về quá trình giảng dạy của GV theo học kỳ, hoạt động giảng dạy theo định mức giờ chuẩn giảng dạy, hoạt động NCKH của GV thông qua kết quả số lượng và chất lượng sản phẩm NCKH. Việc thực hiện đánh giá, xếp loại GV trong công tác

giảng dạy và NCKH theo Quy trình đánh giá, phân loại CB-GV-NV và Quy chế thi đua - Khen thưởng của HVCTQGHCM (Số 3370/QĐ-HVCTQG ngày 04/7/2019). GV được đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo 4 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, và không hoàn thành nhiệm vụ. Dựa trên kết quả đánh giá, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Học viện thực hiện bình xét, quyết định xếp loại các danh hiệu thi đua khen thưởng. Trong giai đoạn đánh giá, GV của ngành đều được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ.

2. Điểm tồn tại

Học viện đang thực hiện đánh giá năng lực đội ngũ GV theo tiêu chí phân loại viên chức và danh hiệu thi đua khen thưởng, chưa có tách biệt các tiêu chí đánh giá năng lực, quy trình đánh giá cụ thể và phân loại các mức hoàn thành công việc.

Chưa có phần mềm quản lý dữ liệu giờ dạy, giờ NCKH và các hoạt động khác để có cơ sở đánh giá năng lực của đội ngũ hàng năm, hiện đang thực hiện thủ công excel.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần ban hành quy định về việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV với các tiêu chí cụ thể hơn, bao hàm được được tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy, NCKH và PVCD, có cơ sở theo dõi và phát triển nguồn nhân lực đồng đều hơn.

Cần có phương án đề xuất và sử dụng phần mềm quản lý GV về giờ dạy, NCKH và công tác khác, tiết kiệm thời gian thực hiện thủ công và có thể dễ dàng trích xuất dữ liệu của đơn vị/cá nhân.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3).

5. Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Điểm mạnh

Về công tác đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, định kỳ hằng năm Học viện có ban hành thông báo để các đơn vị, cá nhân có nhu cầu thực hiện phiếu đăng ký các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo. Ban TCCB thực hiện tổng hợp và ban hành kế hoạch chung của Học viện để căn cứ cử CB đi đào tạo, bồi dưỡng; đối với hoạt động đào tạo tại nước ngoài thì thực hiện báo cáo định kỳ, các khóa ngắn hạn/ đào tạo trong nước thì nộp văn bằng/chứng chỉ. Công tác nâng cao trình độ của GV dựa trên kế hoạch đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ CB-GV-NV giai đoạn 2019-2023 và kế hoạch phê duyệt đào tạo bồi dưỡng hàng năm.

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của CB-GV-NV được triển khai thực hiện theo kế hoạch và giám sát bởi Ban TCCB. Trong chu kỳ

đánh giá, ngành đã cử khoảng 83 lượt CB GV, NV tham gia các đợt bồi dưỡng ngắn hạn trong nước/ ngoài nước (bồi dưỡng chuyên môn, tin học nâng cao, cao cấp lý luận chính trị, PPDH, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bồi dưỡng GV cao cấp hạng I, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh, phương pháp nghiên cứu giảng dạy, ...), bồi dưỡng dài hạn trong nước/ngoài nước.

Ngoài việc thực hiện tổng kết và đánh giá nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ GV do Ban TCCB phụ trách, Học viện có thực hiện lấy ý kiến phản hồi của CB, GV về việc cử tham dự các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, kết quả phản hồi cho thấy rằng CB, GV hài lòng kết quả đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn của đội ngũ như: “phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu” (4.0/5), “đào tạo, bồi dưỡng phù hợp chuyên môn, nghiệp vụ” (4.4/5).

2. Điểm tồn tại

Chưa xác định rõ các nội dung/khóa tập huấn hoặc đào tạo (ngắn hạn) cụ thể dành cho GV để nâng cao chất lượng giảng dạy (thiết kế CTDH, KTĐG, xây dựng học liệu, ...), năng lực NCKH và các năng lực hỗ trợ.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần có cơ chế phối hợp giữa Ban TCCB và các khoa/đơn vị có liên quan từng lĩnh vực trong việc lựa chọn các nội dung/khóa tập huấn hoặc đào tạo (ngắn hạn) bám sát với chuyên môn nghiệp vụ và các năng lực hỗ trợ có liên quan đến hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCD.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

6. Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Điểm mạnh

Việc đánh giá kết quả thực hiện công việc của GV được thực hiện dựa trên các văn bản: quy định về chế độ làm việc của GV (Số 928/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 01/3/2018), quy định quản lý hoạt động khoa học, quy chế chi tiêu nội bộ, và bản mô tả vị trí công việc của CB, GV, NV. Các văn bản xác định rõ quy định hạng mức chức danh nghề nghiệp, khối lượng nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, phát triển chuyên môn và các nhiệm vụ khác. Để đánh giá mức độ hoàn thành công việc hàng năm, GV có thực hiện xây dựng kế hoạch công tác vào đầu năm học để cân đối khối lượng công việc và trình lãnh đạo khoa phê duyệt dựa trên quy định mức giờ giảng dạy, NCKH, PVCD; căn cứ kết quả thực hiện công việc để đánh giá, phân loại CB, GV, NV và xét thi đua khen thưởng theo quy trình được công bố rộng rãi, đầy đủ đến toàn thể đội ngũ tại Học viện.

Quy trình đánh giá CB-GV-NV được thực hiện dựa trên văn bản hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét thi đua khen thưởng theo Quy chế thi đua, khen thưởng của HVCTQGHCM. Các kết quả đánh giá phân loại GV/đơn vị hàng năm được giám sát và đánh giá thông qua thực hiện nhiệm vụ thông qua giảng dạy, NCKH theo định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng cụ thể với 4 mức phân loại viên chức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ. Quy trình đánh giá được thực hiện trên cơ sở GV TĐG, cấp uỷ và đồng nghiệp góp ý, Trưởng đơn vị đánh giá và xếp loại cá nhân. Ngoài ra, Học viện có thực hiện bình xét, xếp loại các danh hiệu thi đua khen thưởng dựa trên kết quả đánh giá xếp loại GV hàng năm; có quyết định ban hành và thông báo công khai. Trong chu kỳ đánh giá, ngành QC có 11 lượt GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 31 lượt GV hoàn thành tốt nhiệm vụ, 06 GV hoàn thành nhiệm vụ; 01 lượt GV đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, 30 lượt GV đạt danh hiệu lao động tiên tiến; và 3 lượt GV được khen thưởng bậc cao.

Học viện có thực hiện lấy ý kiến phản hồi của GV về quy chế thi đua – khen thưởng (Thông báo số 2153-CV/HVBC&TT ngày 8/5/2019), kết quả đánh giá và thi đua khen thưởng được phổ biến thông qua Hội nghị CB viên chức của Khoa và Hội nghị công NV chức HVBC&TT hàng năm. Kết quả GV phản hồi hài lòng về “Học viện thực hiện quản trị GV, NV và nghiên cứu viên dựa trên hiệu quả công việc” (4,2/5), “kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)” (4,0/5).

2. Điểm tồn tại

Chưa thể hiện rõ các tiêu chí đánh giá, phân loại rõ ràng đối với năng lực của GV trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Căn cứ trên các quy định chung về công tác thi đua – khen thưởng, Học viện cần rà soát, bổ sung quy trình và tiêu chí đánh giá cụ thể hơn, phân loại rõ ràng đối với năng lực của GV trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

7. Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh

Trong giai đoạn đánh giá, hoạt động NCKH của đội ngũ GV Học viện được thực hiện theo Quy chế quản lý hoạt động khoa học ở HVBC&TT (Số 881/QĐ-HVBC&TT ngày 25/9/2011; Số 6531/QĐ-HVBC&TT ngày 26/12/2018), và Quy định chế độ làm việc đối với GV (Số 2901/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 08/10/2013; số 928/QĐ-HVBC&TT ngày

01/03/2018). Theo đó, hoạt động NCKH gồm các loại hình: Tham gia đề tài/dự án/nhiệm vụ khoa học các cấp; công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong/ngoài nước hoặc trong các hội nghị/hội thảo khoa học; biên soạn giáo trình/sách chuyên khảo; tham gia hội nghị/hội thảo khoa học; tư vấn chuyển giao công nghệ; tham gia các cuộc thi sáng tạo; hướng dẫn NH tham gia NCKH; ... Học viện đã quy định giờ chuẩn NCKH mỗi năm đối với GV cao cấp hạng I gồm các GS là 950 giờ, PGS là 900 giờ, GV có trình độ TS là 850 giờ, đối với GV chính (hạng II) là 700 giờ, đối với GV (hạng III) là 600 giờ. Hoạt động KHCN được quy đổi ra giờ giảng lý thuyết, được quy định tương đối rõ ràng như: bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus được quy đổi tối đa 900 giờ/bài; bài báo trên tạp chí quốc tế ngoài hệ thống ISI/Scopus tối đa 600 giờ/bài; báo cáo khoa học được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình khoa học tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế thuộc hệ thống ISI/Scopus hoặc được bảo trợ bởi các hội/hiệp hội khoa học và công nghệ quốc tế uy tín được tính 900 giờ/bài; sách chuyên khảo, giáo trình, tài liệu giảng dạy được tính 1200 giờ/quyển; chủ trì đề tài cấp Nhà nước 500 giờ/đề tài; chủ trì đề tài cấp Bộ/tỉnh 300 giờ/đề tài; chủ trì đề tài cấp cơ sở 200 giờ/đề tài; hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH 50 giờ/đề tài; ... Để khuyến khích các GV có kết quả hoạt động NCKH xuất sắc, Học viện đã có quy định thưởng cho các cá nhân có bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus tối đa 10 triệu đồng/bài, đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số ISSN tối đa 03 triệu đồng/bài (Theo quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021). Hằng năm, Học viện đều tổ chức HNKH của GV và tổ chức nhiều hội thảo khoa học các cấp. Yêu cầu về NCKH được thể hiện rõ trong năng lực vị trí GV.

Hoạt động NCKH của Học viện/Khoa được giám sát tương đối chặt chẽ. Hằng năm GV chủ động đăng ký các nhiệm vụ KHCN. Hội đồng thẩm định cấp Khoa và cấp Học viện xem xét quyết định. Theo quy định của Học viện, Ban Quản lý khoa học có nhiệm vụ tư vấn giúp lãnh đạo xây dựng kế hoạch KHCN, tổ chức kiểm tra định kỳ tiến độ thực hiện các đề tài/dự án, ... Học viện/Khoa thực hiện tổng kết đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV, từ đó đề ra phương hướng hoạt động NCKH hàng năm. Số lượng và loại hình NCKH của Khoa/ngành QC được thực hiện giám sát, đối sánh với các khoa khác trong Học viện. Ngoài chính sách khen thưởng, Học viện cũng có chế tài xử phạt đối với các chủ trì không hoàn thành nhiệm vụ đã ký với cơ quan phê duyệt đề tài.

Trong giai đoạn đánh giá, đội ngũ GV Khoa Quan hệ công chúng - QC tham gia thực hiện CTĐT QC đã triển khai hoạt động NCKH với nhiều loại hình như triển khai và nghiệm thu 10 đề tài cấp Học viện; đã đăng 45 bài báo trên các tạp chí khoa học trong nước; đã có 05 công bố quốc tế; trình bày 04 tham luận tại các hội thảo trong nước, 05 tham luận tại hội thảo quốc tế.

2. Điểm tồn tại

Quy định chế độ làm việc đối với GV của Học viện (trong đó có liên quan đến NCKH) chưa cập nhật các văn bản mới ban hành của Bộ GD&ĐT (Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ GD&ĐT về chế độ làm việc của GV).

GV của Khoa tham gia vào hoạt động NCKH chưa đồng đều. Học viện chưa có các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh trong NCKH. Việc thực hiện đề tài cấp Bộ, cấp Tỉnh và cấp Nhà nước còn hạn chế (Trong chu kỳ đánh giá chỉ có 1 đề tài được thực hiện) và số lượng công bố Quốc tế còn ít.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần sớm hoàn thiện Quy định chế độ làm việc đối với GV trong đó có quy định về nhiệm vụ NCKH của GV trên cơ sở cập nhật Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GD&ĐT về chế độ làm việc của GV thuộc cơ sở GDĐH.

Học viện/Khoa cần chủ động xây dựng các hướng nghiên cứu, thành lập các nhóm nghiên cứu nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh hợp tác NCKH với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước, tích cực tìm hiểu thị trường KHCN trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án các cấp nhằm tăng số lượng và chất lượng nghiên cứu. Ngoài ra, Học viện cần tập trung nguồn lực đầu tư, có chính sách khuyến khích, thúc đẩy GV của Khoa tham gia các đề tài, dự án các cấp; hỗ trợ tương xứng cho các GV công bố sản phẩm khoa học ngoài nước đồng thời nên tổ chức các khóa tập huấn về công bố quốc tế cho GV của Khoa cũng như của toàn Học viện.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6:

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Học viện có ban Chiến lược phát triển (giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; giai đoạn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050) và chiến lược phát triển của Khoa/ngành, trong đó có xác định rõ mục tiêu và các giải pháp nhằm tuyển dụng, thu hút, phát triển nguồn lực đáp ứng mục tiêu đào tạo, NCKH, và PVCĐ.

Tỷ lệ GV/NH đáp ứng theo yêu cầu so với quy định của Bộ GD&ĐT. Có quy định rõ ràng mức chuẩn và quy đổi khối lượng công việc giảng dạy, loại hình và sản phẩm NCKH và công tác khác dành cho GV theo từng chức danh cụ thể. Kết quả thực hiện nhiệm vụ được thống kê theo định mức hàng năm để theo dõi và đánh giá, phân loại GV vào cuối năm học và điều chỉnh công việc cho phù hợp.

Học viện có ban hành Đề án vị trí việc làm, quy định tiêu chuẩn năng lực, chức năng-nhiệm vụ của từng vị trí, từng nhóm công việc, quy định về tuyển dụng công chức viên chức, và bản mô tả công việc để thực hiện tuyển dụng, lựa chọn GV, bổ nhiệm,

điều chuyển cho phù hợp với quy định. Các thông tin tuyển dụng, kết quả xét tuyển và kết quả thi được công khai trên trang thông tin điện tử của Học viện.

Các tiêu chí về trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, tin học, kinh nghiệm công tác, kỹ năng giảng dạy, NCKH, đóng góp cho cộng đồng tuân thủ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập. Kết quả đánh giá, phân loại GV tuân thủ theo quy định thực hiện nhiệm vụ, kết quả phản hồi của NH và kết quả hoạt động giảng dạy theo định mức hàng năm.

Công tác đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ được thực hiện đăng ký dựa trên nhu cầu của CTĐT vào đầu năm học. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn được tổng hợp, ban hành kế hoạch tổng hợp, thực hiện và giám sát bởi Ban TCCB, có thực hiện lấy ý kiến phản hồi của đội ngũ được cử đi học tập và kết quả đánh giá là hài lòng, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ.

Việc đánh giá kết quả thực hiện công việc của GV tuân thủ theo văn bản hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và bình xét thi đua khen thưởng của HVCTQG HCM; Quy chế công tác thi đua khen thưởng của Học viện; và khối lượng công việc đăng ký vào đầu năm học. Căn cứ kết quả công việc hoàn thành để thực hiện đánh giá, phân loại CB-GV-NV và xét thi đua khen thưởng theo quy định đã công bố rộng rãi, đầy đủ đến toàn thể đội ngũ tại Học viện.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Mục tiêu chiến lược và các nhóm giải pháp phát triển nguồn nhân lực tại Chiến lược phát triển của Khoa/ngành xây dựng vẫn mang tính tổng quát, chưa đặc trưng của nhóm ngành/ngành và chưa có các chỉ tiêu đặt ra hàng năm trong từng giai đoạn để có cơ sở theo dõi, rà soát, và đánh giá định kỳ công tác này.

Hoạt động PVCĐ của GV chưa được đề cập rõ trong quy định của Học viện/Khoa. Các văn bản quy định cho hoạt động NCKH của Học viện chưa cập nhật các văn bản mới ban hành của Bộ GD&ĐT (Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ GD&ĐT về chế độ làm việc của GV).

Đối tượng và tiêu chuẩn thông báo tuyển dụng viên chức qua các năm của Học viện chưa cụ thể các yêu cầu tuyển dụng riêng dành cho các ngành. Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm CB còn sử dụng chung với HVCTQG HCM, sẽ hạn chế về mặt thời gian triển khai so với thực tế yêu cầu.

Học viện đang thực hiện đánh giá năng lực đội ngũ GV theo tiêu chí phân loại viên chức và danh hiệu thi đua khen thưởng, chưa có tách biệt các tiêu chí đánh giá năng lực, quy trình đánh giá cụ thể và phân loại các mức hoàn thành công việc. Chưa có phần mềm quản lý dữ liệu giờ dạy, giờ NCKH và các hoạt động khác.

Chưa xác định rõ các nội dung/khóa tập huấn hoặc đào tạo (ngắn hạn) cụ thể dành cho GV để nâng cao chất lượng giảng dạy (thiết kế CTDH, kiểm tra tra đánh giá, xây dựng học liệu, v.v), năng lực NCKH và các năng lực hỗ trợ.

Chưa thể hiện rõ các tiêu chí đánh giá, phân loại rõ ràng đối với năng lực của GV trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Công bố khoa học còn chưa đồng đều trong đội ngũ GV của Khoa. Học viện chưa có các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh trong NCKH. Trong giai đoạn đánh giá chưa có các đề tài NCKH cấp bộ/tỉnh/nhà nước được thực hiện; số lượng các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus còn hạn chế.

- Khuyến nghị đối với CTĐT

Rà soát, bổ sung các mục tiêu chiến lược, nhóm giải pháp, chi tiết hóa lộ trình triển khai kế hoạch chiến lược và chỉ số định lượng cụ thể để cơ sở theo dõi, đo lường, và đánh giá mức độ đáp ứng của quá trình thực hiện các hoạt động thu hút, tuyển dụng, phát triển nguồn lực, ... Đây là cơ sở để điều chỉnh công tác quy hoạch phát triển đội ngũ phù hợp hơn với thực tế trong từng giai đoạn của Học viện/Khoa.

Cần bổ sung quy định về hoạt động PVCD của GV và quy đổi giờ bình quân hàng năm. Cần rà soát Quy định chế độ làm việc đối với GV trong đó có quy định nhiệm vụ NCKH của GV trên cơ sở cập nhật Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GD&ĐT về chế độ làm việc của GV thuộc cơ sở GDDH.

Điều chỉnh, bổ sung thêm các yêu cầu về tuyển dụng viên chức dành cho các ngành để có thể thu hút đội ngũ viên chức đảm bảo yêu cầu và đúng chuyên ngành. Rà soát và ban hành văn bản riêng phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước, của HVCTQG HCM và bối cảnh thực tế của HVBC&TT trong giai đoạn tiếp theo.

Ban hành quy định về việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV với các tiêu chí cụ thể hơn, bao hàm được được tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy, NCKH và PVCD, có cơ sở theo dõi và phát triển nguồn nhân lực đồng đều hơn. Cần có phương án đề xuất và sử dụng phần mềm quản lý GV về giờ dạy, NCKH và công tác khác, tiết kiệm thời gian thực hiện thủ công và có thể dễ dàng trích xuất dữ liệu của đơn vị/cá nhân khi cần.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Ban TCCB và các khoa/đơn vị có liên quan từng lĩnh vực trong việc lựa chọn các nội dung/khóa tập huấn hoặc đào tạo (ngắn hạn) bám sát với chuyên môn nghiệp vụ và các năng lực hỗ trợ có liên quan đến hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCD.

Căn cứ trên các quy định chung về công tác thi đua – khen thưởng, Học viện cần rà soát, bổ sung quy trình và tiêu chí đánh giá cụ thể hơn, phân loại rõ ràng đối với năng lực của GV trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Học viện/Khoa cần chủ động xây dựng các hướng nghiên cứu, thành lập các nhóm nghiên cứu nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh hợp tác NCKH với các cơ sở nghiên cứu

trong và ngoài nước, tích cực tìm hiểu thị trường KHCN trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án các cấp nhằm tăng số lượng và chất lượng nghiên cứu. Ngoài ra, Học viện cần tập trung nguồn lực đầu tư, có chính sách khuyến khích, thúc đẩy GV của Khoa tham gia các đề tài, dự án các cấp; hỗ trợ tương xứng cho các GV công bố sản phẩm khoa học ngoài nước nên tổ chức các khóa tập huấn về công bố quốc tế cho GV của Khoa cũng như của toàn Học viện.

VII. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

1. Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ NV (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) của Học viện/Khoa được tuân thủ theo Chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2020, tầm nhìn 2030 (Số 2418/QĐ-HVBCTT ngày 08/7/2014), chỉnh sửa và ban hành Chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (Số 770/QĐ-HVBCTT ngày 20/02/2017); bổ sung điều chỉnh Chiến lược phát triển HVBC&TT đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (Số 6528/QĐ-HVBCTT ngày 31/12/2018); Đề án vị trí việc làm (Số 6079/ĐA-HVBCTT ngày 31/12/2020; Tờ trình số 632-TTr/HVBCTT ngày 25/01/2022) của Học viện, trong đó đã đề cập đến chiến lược nguồn nhân lực như đội ngũ CB được chuẩn hóa với cơ cấu hợp lý về vị trí việc làm, trình độ, độ tuổi, trong đó CB quản lý được đào tạo bài bản, được thử thách quan thực tiễn, đội ngũ CB giỏi chuyên môn, tâm huyết với nghề. Trong đề án vị trí việc làm của Học viện, quy định vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ. Hàng năm, Học viện/Khoa đã thực hiện khảo sát tổng hợp nhu cầu về đội ngũ NV, tiến hành phân tích thực trạng đội ngũ NV hỗ trợ triển khai đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ, trên cơ sở đó lập kế hoạch tuyển dụng, lựa chọn đội ngũ NV.

Học viện đã có một số chính sách tuyển dụng và đào tạo bồi dưỡng NV rõ ràng. Học viện đã phân tích tình hình thực tế về phát triển quy mô NH, yêu cầu cải cách hành chính tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng phục vụ để điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ NV hỗ trợ. Trong đó đã quan tâm đến các chính sách ưu đãi như: chính sách về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học; quy định về phụ cấp cho các NV phòng/ ban; quy định về thu nhập tăng thêm.

Tại thời điểm đánh giá, đội ngũ NV hỗ trợ CTĐT ngành QC gồm hai nhóm: nhóm NV hỗ trợ trong Khoa Quan hệ công chúng - QC (01 chuyên viên đảm trách nhiệm vụ văn phòng giúp Khoa giải quyết kịp thời các vấn đề về giảng dạy, về học tập của SV,

quản lý bài thi, cảnh báo học vụ, xét tốt nghiệp, giải đáp thắc mắc của SV) và nhóm NV hỗ trợ ngoài Khoa (14 chuyên viên của các đơn vị chức năng khác chịu trách nhiệm chính trong hỗ trợ các hoạt động của Khoa Quan hệ công chúng – QC theo sự phân công của các đơn vị chủ quản). Ngoài ra còn có 06 GV của Khoa đồng thời đảm trách công tác CVHT, chịu trách nhiệm tư vấn hỗ trợ NH ngành QC.

Qua khảo sát thực tế và kết quả nghiên cứu hồ sơ minh chứng cho thấy đội ngũ NV của Học viện/ Khoa đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ % hài lòng của SV của Khoa về chất lượng phục vụ của các NV phòng chức năng tăng dần: năm 2018 là 46,50%; năm 2019 là 72.10%; năm 2020 là 79.10% và năm 2021 là 88.10%. Ngoài ra, kết quả phỏng vấn NH, GV cho thấy, hầu hết ý kiến hài lòng với tinh thần thái độ phục vụ, giải quyết công việc của NV hỗ trợ.

2. Điểm tồn tại

Học viện chưa có chính sách hiệu quả trong việc thu hút đội ngũ có năng lực cao trong các vị trí cụ thể. Việc phân tích đánh giá nhu cầu đào tạo bồi dưỡng đối với đội ngũ NV chưa được thực hiện một cách bài bản.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần rà soát và đưa ra chính sách hiệu quả trong thu hút đội ngũ CB có nhân lực cao để góp phần thực hiện chiến lược của nhà trường; cần tiến hành khảo sát, tổng hợp, phân tích đánh giá nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của đội ngũ NV một cách bài bản.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

2. Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (Số 2440/QĐ-HVBC TT ngày 10/7/2014), trong đó, quy định cụ thể tiêu chuẩn đối với ngạch nghiên cứu viên, ngạch chuyên viên và tương đương. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều chuyển NV được thực hiện theo Quyết định số 339/QĐ-HVCTQG ngày 22/01/2019 của Giám đốc HVCTQG HCM.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV đều được phân tích trên tình hình thực tế của Học viện và các văn bản quy phạm của Nhà nước, được bàn bạc dân chủ rộng rãi tại các đơn vị trực thuộc trước khi Giám đốc ký ban hành. Học viện cũng đồng thời tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ (NH, GV), tiến hành tổng hợp và phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực để xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức

hàng năm.

Các quy định, quy chế, quy trình về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đều được phổ biến công khai đến toàn thể CB, GV và NV trong Học viện bằng nhiều hình thức như: Bảng thông tin điện tử của nhà Hành chính trung tâm (A1); niêm yết tại Ban Tổ chức – CB; trên website của Học viện; qua hệ thống Email và trên các phương tiện truyền thông khác như báo giấy, báo điện tử. Các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm NV được lưu trữ đầy đủ.

2. Điểm tồn tại

Trong các văn bản quy định, hướng dẫn về công tác tuyển dụng NV của Học viện chưa có nhiều tiêu chí bắt buộc về năng lực của ứng viên; chưa sử dụng các hình thức đánh giá năng lực của ứng viên trong các kỳ tuyển dụng. Trong giai đoạn đánh giá, Học viện vẫn sử dụng Quy định về việc tuyển dụng công chức viên chức, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển đã ban hành năm 2014 nên chưa phù hợp với thực tế của Học viện hiện nay (đang thực hiện Đề án vị trí việc làm số 6079/ĐA-HVBCCTT ngày 31/12/2020) và Nghị định 115/2020 của Chính phủ.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần bổ sung các tiêu chí đánh giá về năng lực, sử dụng các hình thức đánh giá năng lực đối với các ứng viên tham gia thi tuyển, xét tuyển vào các vị trí hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ, để từ đó tuyển chọn được những NV phù hợp. Học viện nên rà soát, điều chỉnh các văn bản về các quy định về việc tuyển dụng công chức viên chức, quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển gắn với Đề án vị trí việc làm số 6079/ĐA-HVBCCTT ngày 31/12/2020 và phù hợp với Nghị định 115/2020 của Chính phủ.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

3. Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và đánh giá

1. Điểm mạnh

Quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV được thể hiện ở Quy chế công tác thi đua, khen thưởng của HVCTQGHCN ban hành theo Quyết định số 3370-QĐ/HVCTQG ngày 04/7/2019; các Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hàng năm của HVCTQGHCN và HVBC&TT; Quy định về đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với CB, công chức, viên chức và người lao động (số 4780/QĐ-HVBCCTT ngày 16/12/2014).

Năng lực của đội ngũ NV được xác định trong Quy chế tuyển dụng công chức, viên chức (Số 2440/QĐ-HVBCCTT ngày 10/7/2014), trong Đề án vị trí việc làm (Số

6079/ĐA-HVBCCTT ngày 31/12/2020) và Hướng dẫn đánh giá xếp loại hàng năm. Theo đó, năng lực gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ gắn với công việc của từng Phòng/Ban/Khoa. Các tiêu chí đánh giá bao gồm: Chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; Ý thức tổ chức kỉ luật, tác phong và lễ lối làm việc; Kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, trách nhiệm. Đối với đội ngũ NV hỗ trợ được phân rõ với từng ngạch bậc, có chức vụ quản lý hoặc không có chức vụ quản lý như: chuyên viên tập sự, chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp có điểm đánh giá mức độ hoàn thành với mỗi tiêu chí có chỉ số đo lường cụ thể, chi tiết, tính trên tổng điểm 100.

Hoạt động đánh giá được thực hiện theo trình tự: NV TĐG theo mẫu phiếu đánh giá thống nhất của Học viện, đồng nghiệp đánh giá tại cuộc họp của các đơn vị, NH đánh giá qua các lần khảo sát ý kiến, cấp trên đánh giá thông qua hội đồng thi đua khen thưởng các cấp. Các quy định này được phổ biến công khai để mọi CB, NV biết và cùng triển khai thực hiện.

Kết quả đánh giá phân loại cuối năm học là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của NV theo Luật Viên chức, để xét danh hiệu thi đua, xét nâng lương và đề nghị các cấp khen thưởng. Kết quả xếp loại còn được Học viện tham chiếu đến mức chi trả 30% thu nhập tăng thêm của CB. Cụ thể, với mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được tính hệ số 2; Hoàn thành tốt nhiệm vụ được tính hệ số 1.5; Hoàn thành nhiệm vụ được tính hệ số 1 (Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện năm 2021). Đây cũng là một trong những động lực để đội ngũ NV của Học viện thực hiện tốt các nhiệm vụ của mình. Hồ sơ minh chứng cho thấy, tỷ lệ NV của Học viện/Khoa được xếp loại từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên trong giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2020 là 100%, còn xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tương ứng từ 2017 đến 2021 là 4,31%; 1,69%; 1,53% , 7,75% và 10,85%. Riêng kết quả xếp loại NV của Khoa thì trong tất cả các năm đều 100% hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Tỷ lệ NV toàn Học viện đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên từ năm 2017 đến năm 2021 tương ứng là 0.88%; 0.87%; 0.82%; 1.65% và 4.62%. Ngành QC có 13 lượt NV hỗ trợ ngành xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 74 lượt NV xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, 02 lượt hoàn thành nhiệm vụ, 04 lượt NV hỗ trợ ngành đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; 80 lượt NV đạt danh hiệu lao động tiên tiến, 02 NV đạt khen thưởng bậc cao.

2. Điểm tồn tại

Trong các văn bản quy định chưa thể hiện chi tiết việc sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ làm căn cứ đánh giá, đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của NV.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần rà soát các văn bản quy định về việc sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ làm căn cứ đánh giá, đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của NV một cách chi tiết hơn.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

4. Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Điểm mạnh

Hàng năm, Khoa và các đơn vị thuộc Học viện đã triển khai thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV phục vụ. Căn cứ vào đề xuất của đơn vị và yêu cầu công việc, Trưởng các Khoa/đơn vị báo cáo Ban TCCB để lên kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trình Giám đốc Học viện phê duyệt. Kết quả phê duyệt của Ban Giám đốc về công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức được gửi tới các đơn vị trong Học viện để triển khai thực hiện tuân thủ quy định của HVCTQGHCM và HVBC&TT.

Trong giai đoạn 2017-2021, đội ngũ NV của Học viện/Khoa được tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm do Học viện tổ chức hoặc cử đi (Lớp cao cấp lý luận chính trị; Lớp Trung cấp lý luận chính trị; Lớp Bồi dưỡng quản lý nhà nước chương trình chuyên viên/chuyên viên chính/chuyên viên cao cấp; khai thác tài nguyên giáo dục mở, ứng cứu sự cố và an toàn hệ thống thông tin, đào tạo kiểm định viên, ...). Ngoài ra, đội ngũ NV tại các đơn vị chức năng còn được Học viện cử đi đào tạo dài hạn trình độ TS, ThS, ĐH văn bằng 2. Đội ngũ NV tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn được HVCTQGHCM hoặc HVBC&TT chi trả, hỗ trợ kinh phí học tập, hoặc/và tuân thủ Quy chế chi tiêu nội bộ (Số 4280/QĐ-HVBC&TT ngày 15/9/2021). Kết quả thống kê cho thấy, trong chu kỳ đánh giá có 140 lượt NV được tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng dài hạn, ngắn hạn.

2. Điểm tồn tại

Việc thực hiện khảo sát nhu cầu và mở các khóa học nâng cao chuyên môn nghiệp vụ chưa thật bài bản. Đánh giá tổng kết về hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng chưa thật sự bài bản. Các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ có liên quan trực tiếp đến chuyên môn mà NV đang đảm nhận còn hạn chế như các khóa tập huấn về chuyển đổi số, về phát triển CTĐT cho NV.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện nên chủ động tổ chức các khóa đào tạo cho NV trên cơ sở khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của NV, chú ý đến các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập

huấn liên quan trực tiếp đến chuyên môn mà NV đang đảm nhận như về chuyển đổi số, về phát triển CTĐT.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

5. Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD

1. Điểm mạnh

Để đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ NV, Học viện đã ban hành các văn bản: Đề án vị trí việc làm; Bản mô tả công việc của vị trí việc làm (Số 6079/ĐA-HVBCTT ngày 31/12/2020); quy định về khen thưởng và công nhận được thể hiện ở Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của HVCTQGHCN; Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hàng năm của HVCTQGHCN và HVBC&TT; Quy định về Đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với CB, công chức, viên chức và người lao động (Số 4780/QĐ-HVBCTT ngày 16/12/2014).

Vào đầu mỗi năm học, Khoa giao nhiệm vụ cụ thể cho mỗi NV trong Bảng phân công nhiệm vụ chi tiết của Khoa và thực hiện theo dõi, giám sát kết quả, đồng thời hỗ trợ giải quyết các tình huống phát sinh. Mỗi NV trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch của cá nhân, triển khai thực hiện đồng thời có trách nhiệm báo cáo tình hình công việc và kết quả thu được.

Việc đánh giá về cơ bản, được thực hiện theo một quy trình chặt chẽ: (1) Học viện gửi công văn hướng dẫn đánh giá, xếp loại, bình xét danh hiệu thi đua tập thể và cá nhân hàng năm tới các đơn vị; (2) các bước tiến hành đánh giá ở các đơn vị: cá nhân TĐG -> các thành viên trong đơn vị đóng góp ý kiến -> quyết định của trường đơn vị; (3) các bước tiến hành đánh giá ở cấp trường: các đơn vị tổng hợp kết quả đánh giá cùng với bản TĐG cá nhân có ý kiến của lãnh đạo đơn vị tới Ban TCCB, trên cơ sở đó Ban TCCB tập hợp báo cáo lên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Học viện để đánh giá và quyết định; (4) Ban TCCB công bố kết quả tới toàn thể các đơn vị trong trường bằng văn bản. Kết quả đánh giá NV từ năm 2017 đến năm 2020 cho thấy hằng năm đều có 100% NV của Học viện được xếp loại từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên, tỷ lệ NV xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 1,53% năm 2019 tăng lên 10,85% năm 2021. Đối với bình xét các danh hiệu thi đua, tỷ lệ NV đạt danh hiệu lao động tiên tiến từ năm 2017 đến năm 2021 từ 95,38% đến 99,18%, trong đó số lượng đạt chiến sĩ thi đua cơ sở lần lượt là 0,88%, 0,87%, 0,82%, 1,65% và 4,62%. Kết quả xếp loại viên chức và danh hiệu thi đua của

NV Khoa từ năm 2017 đến nay đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ và lao động tiên tiến.

Kết quả khảo sát và qua phỏng vấn cho thấy, giai đoạn 2018-2021, NH hài lòng với sự hỗ trợ của đội ngũ NV từ 46,5% đến 88,1% . Ngoài ra tỷ lệ GV hài lòng về đội ngũ CB hỗ trợ khá cao từ 2019 đến nay là 83,30% đến 85,71%. Kết quả đánh giá, phân loại viên chức, người lao động là cơ sở quan trọng để xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cho cá nhân. Hồ sơ bình xét được Nhà trường /Khoa lưu trữ đầy đủ. Trong chu kỳ KĐCL 5 năm gần đây, NV của Khoa/Học viện đã hoàn thành tốt nhiệm vụ và được công nhận đạt từ lao động tiên tiến trở lên. Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng và phỏng vấn cho thấy đội ngũ NV hỗ trợ hài lòng với phương pháp quản trị theo kết quả công việc và các tiêu chí bình xét thi đua khen thưởng, không có trường hợp khiếu nại, tố cáo.

2. Điểm tồn tại

Việc xây dựng, bổ sung tiêu chí giám sát, đánh giá về chất lượng và hiệu quả công việc của NV trong việc cải thiện chất lượng và nâng cao năng lực công tác còn hạn chế.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần nghiên cứu xây dựng bổ sung các tiêu chí giám sát đánh giá về chất lượng và hiệu quả công việc để tăng tính hiệu quả của việc quản trị và đánh giá nhân sự, đồng thời tăng tính chủ động của NV trong việc cải thiện chất lượng và nâng cao năng lực công tác.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7:

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Học viện có quy định về tuyển dụng và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển đều được phân tích trên tình hình thực tế của Học viện được bàn bạc dân chủ rộng rãi tại các đơn vị trực thuộc trước khi Ban Giám đốc ký ban hành, được công bố công khai.

Học viện đã triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên các quy định, Hướng dẫn trên về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. Việc đánh giá NV được thực hiện hằng năm và là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của NV, để xét danh hiệu thi đua, xét nâng lương và đề nghị các cấp khen thưởng. Kết quả xếp loại NV của Khoa trong chu kỳ đánh giá đều 100% hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho NV được Văn phòng trường phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện. Kinh phí để triển khai công tác đào

tạo bồi dưỡng được thực hiện theo kế hoạch phân bổ kinh phí hằng năm. Tổng kinh phí chi cho đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV từ nguồn thu của Trường trong giai đoạn 2017-2021 là 374.540.000 đồng. Trong giai đoạn từ 2017 đến 2021 đã có 140 lượt NV được tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Có 10 người được cử đi đào tạo TS, 9 người được cử đi đào tạo ThS, 121 lượt NV được cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn.

NV được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. NV hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Học viện và các cấp có thẩm quyền.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Chiến lược phát triển của Học viện/Khoa chưa chú trọng đến phát triển đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Quy chế tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển chưa được rà soát cập nhật một cách bài bản, kịp thời; chính sách thu hút đội ngũ NV có năng lực cao về công tác tại trường chưa hiệu quả. Trong các văn bản quy định chưa thể hiện chi tiết việc sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ làm căn cứ đánh giá, đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của NV.

Việc tiến hành tổng kết về tính hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV chưa được thực hiện bài bản để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng. Khảo sát thực tế cho thấy, các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ có liên quan trực tiếp đến chuyên môn hay đặc thù công việc mà NV đang đảm nhận còn hạn chế như các khóa tập huấn về chuyển đổi số, phát triển CTĐT.

- Khuyến nghị đối với CTĐT

Học viện cần cụ thể hơn về chiến lược phát triển nhân lực trong đó có đội ngũ NV hỗ trợ trong các chiến lược, đồng thời tiếp tục rà soát tính phù hợp của các vị trí công việc, điều chuyển, bổ sung, phân bổ hợp lý đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Học viện/Khoa cần phân tích, làm rõ dự báo hằng năm về quy hoạch đội ngũ NV trong quy hoạch phát triển nhân sự tổng thể của Nhà trường để sát với thực tế nhân lực sử dụng.

Học viện nên rà soát, điều chỉnh Quy định về việc tuyển dụng công chức viên chức, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển gắn với Đề án vị trí việc làm và Nghị định 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó cần quan tâm đến các chính sách thu hút đội ngũ NV có năng lực cao. Học viện nên rà soát, bổ sung các văn bản quy định về việc sử dụng thông tin phản hồi của các BLQ làm căn cứ đánh giá cũng như đánh giá chất lượng hoàn thành công việc của NV một cách chi tiết hơn.

Học viện nên tiến hành tổng kết về tính hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV sau khi đã thực hiện để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng đồng thời

cần chú trọng hơn các khóa tập huấn sát với chuyên môn của từng lĩnh vực của NV, chẳng hạn tập huấn chuyển đổi số ứng với các lĩnh vực cụ thể, khóa tập huấn về phát triển CTĐT.

VIII. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

1. Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Điểm mạnh

Trong giai đoạn đánh giá 2017-2021, Học viện đã thực hiện chính sách tuyển sinh theo đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Từ năm 2017, 2018, 2019, Học viện áp dụng 02 phương thức tuyển sinh sau: Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia và xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT; từ năm 2020 và 2021, Học viện áp dụng 03 phương thức tuyển sinh: căn cứ kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia (riêng ngành QC sử dụng cả 3 tổ hợp là D01, D72, D78), xét học bạ THPT và diện xét tuyển thẳng quy định của Bộ GD&ĐT. Đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện được cập nhật.

Chính sách và quy định về tuyển sinh được công bố công khai tại cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, cổng thông tin tuyển sinh của Học viện: Website tuyển sinh, Website của HVBC&TT, Fanpage Khoa QHCC&QC, tờ rơi quảng bá CTĐT, thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện, cuốn “Những điều cần biết về tuyển sinh ĐH” do Bộ GD&ĐT phát hành; các hoạt động quảng bá tuyển sinh khác của Học viện diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú như: Tư vấn trực tiếp tại các ngày hội tư vấn tuyển sinh (AJC open day), tư vấn trực tuyến trên mạng xã hội bằng Livestream; tư vấn tuyển sinh cho học sinh THPT và phụ huynh (tại chỗ, đi đến các tỉnh/thành phố).

Hội đồng tuyển sinh của Học viện được thành lập hàng năm đầy đủ theo quy định để đánh giá tiêu chí và quyết định phương thức chọn SV theo ngành đào tạo.

Việc cập nhật chính sách tuyển sinh hàng năm Học viện giao cho Trung tâm KT&KĐCLĐT khảo sát ý kiến đóng góp của BLQ, các khoa và các phòng ban liên quan phân tích kết quả tuyển sinh, trình Hội đồng tuyển sinh của Học viện xem xét quyết định cải tiến, điều chỉnh bổ sung chính sách tuyển sinh năm sau cho phù hợp. Cơ sở dữ liệu tuyển sinh của Học viện các từ năm 2017 đến năm 2021 được lưu trữ đầy đủ.

2. Điểm tồn tại

Chính sách tuyển sinh chưa có sự góp ý của phụ huynh. Việc phân tích /dự báo báo nhu cầu nhân lực chưa thực sự rõ ràng.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần có sự góp ý của phụ huynh khi cải tiến chính sách tuyển sinh hàng năm. Học viện/Khoa cần phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực rõ ràng hơn. Bên

ạnh đó, Học viện cũng nên mở rộng hơn nữa các mối quan hệ với các đơn vị bên ngoài thông qua các hoạt động NCKH, trao đổi SV, hội nghị, hội thảo nhằm quảng bá hình ảnh Học viện, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Học viện nói chung và của ngành QC nói riêng.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

2. Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Điểm mạnh

Trong chu kỳ đánh giá, Học viện đã xây dựng Đề án và Thông báo tuyển sinh hằng năm có tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được rõ ràng; có quy trình xây dựng phương án xét tuyển và các tiêu chí tuyển sinh gồm 3 bước: (B1) Khoa đào tạo khảo sát, lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động, chuyên gia, cựu SV để tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát và ý kiến đóng góp; đề xuất Hội đồng tuyển sinh Học viện tiêu chí và phương thức tuyển chọn SV theo ngành đào tạo; (B2) Hội đồng Tuyển sinh Học viện sẽ đánh giá tiêu chí và quyết định phương thức tuyển chọn SV theo ngành đào tạo; (B3) Bộ phận Tuyển sinh - Ban QLĐT thực hiện trong công tác tuyển sinh. Tiêu chí, phương pháp tuyển chọn NH vào hệ đào tạo chính quy của ngành đào tạo được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và được xác định, ghi rõ trong Đề án tuyển sinh - công bố công khai hàng năm trên trang website tuyển sinh của Học viện.

Hàng năm, sau mỗi kỳ tuyển sinh, khoa đào tạo sẽ phân tích kết quả tuyển sinh, đánh giá mức độ phù hợp với tiêu chí tuyển sinh (bao gồm: số thí sinh đăng ký vào CTĐT, số trúng tuyển, tỷ lệ cạnh tranh, số nhập học thực tế, điểm tuyển đầu vào/ thang điểm, điểm trung bình của SV được tuyển) nếu chưa phù hợp sẽ đề xuất Hội đồng Tuyển sinh Học viện họp tiến hành rà soát, đánh giá, cải tiến, điều chỉnh tiêu chí và phương thức tuyển chọn thí sinh cho kỳ tuyển sinh tiếp theo (Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh các năm từ 2017-2021 các ngày: 14/02/2017, 06/02/2018, 15/02/2019, 24/04/2020, 2021). Nhờ vậy mà trong chu kỳ đánh giá, số lượng SV nhập học thực tế của ngành QC vẫn được đảm bảo chỉ tiêu (2017: 39/40, 2018: 39/40, 2019: 48/40, 2020:43/40 và 2021: 39/40).

2. Điểm tồn tại

Qua nghiên cứu Hồ sơ minh chứng, cho thấy việc triển khai lấy ý kiến đóng góp của BLQ về phương pháp và tiêu chí tuyển sinh của Học viện nói chung, ngành QC nói riêng chưa thực hiện đầy đủ.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần triển khai lấy ý kiến đóng góp từ các BLQ về phương pháp và tiêu chí tuyển sinh của Học viện nói chung, ngành QC nói riêng đầy đủ hơn.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4)

3. Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành CTĐT ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ của các ngành trong đó có ngành QC (Số 3310/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 15/9/2014; số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017; số 4950/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 26/10/2018 và Số 3911/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020). Các văn bản trên đều quy định rõ khối lượng học tập của SV. Học viện có phân công bộ phận chuyên trách giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của SV và cảnh báo học vụ; các văn bản trên đều được tập hợp trong Sổ tay SV. Tham gia vào hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV là đội ngũ chuyên viên văn phòng khoa, CVHT và các chuyên viên Ban QLĐT, Phòng CTCT&HTSV.

Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá KQHT, rèn luyện của NH được thực hiện bởi nhiều bộ phận khác nhau, qua công cụ là phần mềm Maxman Học viện đã có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện đầy đủ, hiệu quả. Trong chu kỳ đánh giá, qua hệ thống giám sát phù hợp và áp dụng liên tục đã giúp NH có kết quả trong học tập và rèn luyện tiến bộ dần qua các năm học. Tỷ lệ yếu kém và trung bình của SV năm cuối giảm hơn nhiều so với năm thứ nhất, tỷ lệ đạt loại giỏi, xuất sắc cũng tăng dần theo các năm, tỷ lệ SV ngành QC hoàn thành chương trình học đúng tiến độ (4 năm) trong chu kỳ đánh giá: số lượng SV toàn khóa ở HKII năm thứ tư so với số lượng SV hoàn thành CTĐT đúng 4 năm là: năm 2017 (K33) đạt 31/31 (100%), năm 2018 (K34) đạt 31/49 (63,26%), năm 2019 (K35) đạt 19/31 (61,29%), năm 2020 (K36) đạt 12/21 (57,14%), năm 2021 (K37) đạt 22/33 (66,67%). Học viện có hệ thống phần mềm đào tạo Maxman phản hồi về kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện của NH đầy đủ, chính xác, kịp thời và hiệu quả.

Tỉ lệ số SV thuộc diện thôi học thấp: 2,38% (2017); tỉ lệ số SV thuộc diện cảnh báo học vụ cũng giảm nhiều: 2,04% (2020; 2021).

2. Điểm tồn tại

Học viện và Khoa chưa xây dựng quy trình giám sát KQHT, rèn luyện, tỷ lệ học vượt của NH.

Số liệu thống kê cho thấy, trong chu kỳ đánh giá, vẫn còn tình trạng SV bỏ học, học quá thời hạn, tốt nghiệp muộn.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện và Khoa cần xây dựng quy trình giám sát KQHT, rèn luyện, tỷ lệ học vượt của NH.

Cần tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá KQHT, rèn luyện của NH để giảm thiểu tình trạng SV bỏ học, học quá thời hạn, tốt nghiệp muộn.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành các văn bản liên quan đến quy chế, quy định các hoạt động tư vấn và hỗ trợ NH: Quy định đào tạo ĐH hình thức chính quy theo hệ thống tín chỉ (Số 3777/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18/10/2017); chức năng, nhiệm vụ của phòng CTCT&HTSV (Số 4239/QĐ-HVBCCTT ngày 30/9/2019), Học viện đã phân công bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH là đội ngũ chuyên viên văn phòng khoa, CVHT và các chuyên viên Ban QLĐT, Phòng CTCT&HTSV. Ngoài ra, Học viện phân công Khoa đào tạo và Phòng CTCT&HTSV chịu trách nhiệm tư vấn hướng nghiệp và hỗ trợ nghề nghiệp cho SV để tăng cường kiến thức thực tiễn và kỹ năng, nghiệp vụ nhằm nâng cao cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp.

Học viện/ Khoa có kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập, và tăng cường kỹ năng mềm cho SV ngành QC và các ngành khác trong Khoa QHCC&QC và Học viện. Các hoạt động ngoại khóa được tổ chức theo kế hoạch và có báo cáo kết quả thực hiện như: Kế hoạch tổ chức cuộc thi tuyển chọn MC Speak up 2017 (số 37-KH/ĐTĐN tháng 3/2017); Kế hoạch tổ chức tập huấn kỹ năng mềm cho SV năm học 2017-2018 (số 03-KH/ĐTĐN-HVBCCTT ngày 13/9/2017); Kế hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng tháng thanh niên năm 2019 (số 19-KH/ĐTĐN-HVBCCTT ngày 20/02/2019), Kế hoạch tổ chức hoạt động “Tuổi trẻ học viện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2020” (số 09-KH/ĐTĐN-HVBCCTT ngày 14/9/2020); các CLB với đa dạng các lĩnh vực hoạt động: đội Văn nghệ Xung kích, CLB

Thanh niên vận động hiến máu AJC, CLB Võ thuật, CLB Guitar, CLB Bóng rổ, CLB Phục hồi mắt gốc tiếng Anh, ...

Khoa QHCC&QC và Phòng CTCT&HTSV có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho NH như: thực tế môn học, thực tế chính trị - xã hội, kiến tập trong nước/nước ngoài, thực tập, định hướng/cơ hội nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng viết CV, phỏng vấn xin việc, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ và trả lời phỏng vấn xin việc bằng tiếng Anh, các buổi hội thảo, tọa đàm KH về triển vọng nghề nghiệp cho SV ngành QC hoặc lồng ghép nội dung này trong các Hội nghị SV NCKH. Ngoài ra, Khoa QHCC&QC còn chú trọng đến việc liên hệ với các cơ sở kiến tập, thực tập là các cơ quan, doanh nghiệp để giúp SV có cơ hội đến học tập thực tế, học hỏi kinh nghiệm làm việc, tiếp xúc trực tiếp với những NTD trong tương lai, rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết.

Trong chu kỳ đánh giá, Học viện/Khoa đều có báo cáo, phân tích, đánh giá về các hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác. Khảo sát về tình trạng việc làm sau khi tốt nghiệp cho thấy tỷ lệ SV ngành QC có việc làm sau tốt nghiệp tương đối cao (năm 2018, 2019, 2020, 2021 lần lượt là 96.67%, 100%, 88% và 86.66%). Qua phỏng vấn trực tiếp cho thấy, đối tượng là NH và NH tốt nghiệp đều hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Học viện và Khoa QHCC&QC.

2. Điểm tồn tại

Học viện và Khoa chưa có kế hoạch kiểm tra giám sát và đánh giá kết quả hoạt động của đội ngũ CVHT.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện và Khoa cần có kế hoạch định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả của đội ngũ CVHT (hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ NH).

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

5. Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Điểm mạnh

Học viện có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái cho NH và GV thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu (diện tích phòng học là 11,957,9m² trên tổng SV chính quy là 7557 nên diện tích phòng học bình quân là 1,58m²/sv: đáp ứng đủ số lượng phòng học và các yêu cầu khác trong công tác đào tạo của Học viện; Hệ thống phòng làm việc gồm 86 phòng và tòa nhà 11 tầng

đầy đủ phương tiện làm việc hành chính); Thư viện sử dụng tòa nhà 3 tầng có diện tích hơn 3.000 m² bao gồm 10 phòng học, 05 phòng phục vụ với 300 chỗ ngồi. Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động gồm: bàn, ghế, tủ, giá sách, máy số hóa, máy tính, máy photocopy, máy in, ti vi, điều hòa, ... đáp ứng yêu cầu sử dụng của CB, GV và SV. Cảnh quan trong Học viện sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh an toàn.

Học viện ban hành và tuyên truyền Quy định về Văn hóa học đường và quy tắc ứng xử văn hóa (Số 5029/QĐ-HVCTQG ngày 26/10/2017; số 4674/QĐ-HVBCTT ngày 30/9/2022); Quy định về môi trường, giáo dục an toàn lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường (số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017); Nội quy Phòng cháy, chữa cháy, kế hoạch tổ chức tập huấn nghiệp vụ và diễn tập PCCC (Số 4924/KH-HVBCTT-VP năm 2018) trong toàn Học viện, trong các không gian trong khuôn viên Học viện một cách hài hòa và phù hợp.

Qua khảo sát cho thấy, mạng lưới y tế của Học viện, công tác bảo hiểm, công tác khám sức khỏe và truyền thông sức khỏe được thực hiện đảm bảo đúng quy định (Báo cáo Tổng kết năm học của văn phòng học viện, phần của y tế). Công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy được thực hiện hằng năm. Các Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy và chữa cháy các năm 2020, 2019, 2018, 2017 đều có kết luận: Phương tiện đảm bảo cho công tác PCCC, các phòng học thông thoáng, hệ thống điện được lắp đặt đúng kỹ thuật.

Hằng năm SV Học viện trong đó có SV ngành QC được lấy ý kiến đánh giá về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan sư phạm của Học viện và Khoa theo phiếu khảo sát chung của học viện. Kết quả thống kê cho thấy hầu hết SV hài lòng về cảnh quan môi trường của Học viện/Khoa (Báo cáo Tổng kết năm học từ 2017-2018 đến 2020-2021).

2. Điểm tồn tại

Qua khảo sát thực địa tại Học viện cho thấy, không gian tổ chức các hoạt động CLB, sinh hoạt đội nhóm cho SV còn chật hẹp; không gian giải trí cho SV trong khuôn viên Học viện chưa được đầu tư đúng mức; chưa bố trí được không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa CVHT và SV ngành QC và các ngành khác trong Học viện.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần tạo thêm không gian tổ chức cho các hoạt động CLB, sinh hoạt đội nhóm cho SV; đầu tư thêm cho không gian giải trí cho SV trong khuôn viên Học viện; bố trí thêm không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa CVHT và SV ngành QC và các ngành khác.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8:

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Học viện có đề án tuyển sinh bao gồm các chính sách và quy định tuyển sinh cụ thể đối với từng ngành đào tạo. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng được xây dựng căn cứ Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, được cập nhật hằng năm và được công khai trên các phương tiện thông tin, ... có bộ phận chuyên trách và các quy trình/quy định giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH và cảnh báo học vụ, tư vấn việc làm và tư vấn hỗ trợ NH trong học tập, NCKH. Có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ và thôi học của NH.

Hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua và nhiều dịch vụ hỗ trợ khác đã khuyến khích SV phấn đấu học tập, NCKH cũng như tu dưỡng, rèn luyện để đạt được những thành tích tốt trong học tập, NCKH; SV còn được học tập, nghiên cứu, rèn luyện và phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần trong một môi trường cảnh quan, xã hội và tâm lý thuận lợi.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Học viện và Khoa QHCC&QC chưa phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực ngành QC sát với đối tượng mà Khoa đang đào tạo để có những điều chỉnh trong đề án tuyển sinh hằng năm; chưa mở rộng các mối quan hệ với các đơn vị bên ngoài thông qua các hoạt động NCKH, trao đổi SV, hội nghị, hội thảo nhằm quảng bá hình ảnh Học viện, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Học viện nói chung và của ngành QC nói riêng.

Trong chu kỳ đánh giá, Học viện chưa triển khai lấy ý kiến đóng góp từ đội ngũ GV, NV của khoa về phương thức xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh của Học viện nói chung, chuyên ngành nói riêng.

Học viện chỉ thực hiện khảo sát lấy ý kiến của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Học viện, chưa mở rộng phạm vi và đối tượng khảo sát để có kết quả khách quan hơn.

- Khuyến nghị đối với CTĐT

Học viện/Khoa cần tiếp tục phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực ngành QC sát với đối tượng mà Khoa QHCC&QC đang đào tạo để có những điều chỉnh trong đề án tuyển sinh hằng năm. Bên cạnh đó, Học viện cũng nên mở rộng hơn nữa các mối quan hệ với các đơn vị bên ngoài thông qua các hoạt động NCKH, trao đổi SV, hội nghị, hội thảo nhằm quảng bá hình ảnh Học viện, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Học viện nói chung và của ngành QC nói riêng.

Học viện cần triển khai lấy ý kiến đóng góp từ đội ngũ GV, NV của khoa về phương thức xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh của Học viện nói chung, chuyên ngành nói riêng.

Học viện cần tạo thêm không gian tổ chức cho các hoạt động CLB, sinh hoạt đội nhóm cho SV; đầu tư thêm cho không gian giải trí cho SV trong khuôn viên Học viện; bố trí thêm không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa CVHT và SV ngành QC và các ngành khác.

IX. Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

1. Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Điểm mạnh

Học viện/Khoa QHCC&QC có đủ hệ thống phòng làm việc (86 phòng) tại tòa nhà 11 tầng, phòng học (90 phòng học lí thuyết gồm 24 phòng học đến 50 chỗ ngồi, 53 phòng đến 100 chỗ, 07 phòng đến 200 chỗ và 01 hội trường trên 200 chỗ ngồi) và 01 phòng học trực tuyến, 60 phòng làm việc chung cho GS, phó GS, GV cơ hữu; 02 phòng họp trực tuyến; phòng học rộng rãi (trung bình 6,7m²/SV), thoáng mát, có trang thiết bị phù hợp cho hoạt động đào tạo của Học viện nói chung và cho ngành QC nói riêng.

Văn phòng Khoa QHCC&QC gồm 01 phòng làm việc cho Trưởng khoa (có diện tích là 25,9 m²), 01 phòng làm việc cho Phó Trưởng khoa (diện tích 25,9 m²), 01 văn phòng khoa (gồm cả cho đón tiếp NH) có diện tích 51,8 m² tại Tầng 7 Nhà A1 được trang bị đầy đủ các trang thiết bị văn phòng, có kết nối mạng Internet bằng dây và wifi.

Học viện có nội qui sử dụng tài sản, trang thiết bị trong các phòng học và phòng thực hành do Văn phòng theo dõi hiệu quả sử dụng phục vụ cho đào tạo, NCKH và PVCD. Việc bố trí phòng học hợp lí đã đáp ứng tốt yêu cầu sử dụng phòng học cũng như các hoạt động hỗ trợ đào tạo như học nhóm, tự học... Học viện thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi từ GV và NH. Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ GV hài lòng về thiết bị phòng học tăng từ 40,0% năm 2020 lên 71,4% năm 2021; tỉ lệ NH hài lòng về thiết bị phòng học tăng từ 71,1 năm 2020 lên 92,3% năm 2021. Học viện đã tổng hợp và đề xuất kế hoạch duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị cần thiết cho phòng học, phòng thực hành và các phòng chức năng của Khoa phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc (điện, quạt, điều hòa không khí, bảng chống lóa, bàn, ghế, tủ làm việc, máy tính nối mạng, hệ thống chiếu sáng, thông gió, thiết bị an toàn...). Trong phòng học, hội trường có trang bị máy chiếu, hệ thống âm thanh, camera, bàn ghế phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ

cho CTĐT ngành QC. Văn phòng Khoa QHCC&QC được trang bị 15 bàn làm việc, bàn máy tính, 03 máy tính để bàn, 02 máy tính xách tay, 04 máy in, 01 máy ảnh và các tủ đựng tài liệu.

2. Điểm tồn tại

Phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại (Smart Class) còn ít. Một số phòng học đang sử dụng bàn đôi (khó di chuyển khi bố trí lại phòng học để tổ chức các hoạt động dạy học tích cực). Phòng tự học chưa đáp ứng đủ cho nhu cầu của SV vào mùa thi.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần tăng cường số lượng phòng học dạng smart class hướng đến mục tiêu chuyển đổi số trong giáo dục và “Giáo dục 4.0”; cần trang bị bàn đơn cho các phòng học; bố trí phòng học hợp lí hơn cho việc tự học vào mùa thi.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5).

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Điểm mạnh

Học viện/Khoa có thư viện (thư viện điện tử Kipos phiên bản 6.X với 04 module cơ bản: biên mục tài liệu, lưu thông tài liệu, quản lí ấn phẩm và công thông tin điện tử để quản lí toàn bộ các tài liệu in có trong thư viện qua mã vạch và thư viện số Dspace tại địa chỉ truy cập thuvienajc.hcma.vn), phòng đọc tại Trung tâm Thông tin khoa học (Tòa nhà 3 tầng) với diện tích là 3.000m², gồm 10 phòng đọc, 5 phòng phục vụ và 300 chỗ ngồi, có bàn ghế, 48 máy tính tra cứu tiện lợi phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của CTĐT ngành QC.

Thư viện, phòng đọc của Học viện/Khoa có nội qui và hướng dẫn rõ ràng như các qui định về mượn, trả tài liệu, qui định về xử phạt, qui định về việc sử dụng và thời gian mở cửa (từ thứ Hai đến thứ Bảy (phòng mượn chỉ làm việc đến thứ Sáu) Thư viện mở cửa phục vụ bạn đọc từ 7h30 đến 11h30 và 13h00 đến 17h00), được trang bị các trang thiết bị để hoạt động như máy tính để tra cứu thuận tiện, bàn đọc, khu tự học rộng rãi.

Học viện/Khoa có 381 đầu sách/4553 bản học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo; 407 tài liệu số; 142 luận văn, cơ bản bảo đảm qui định về sở hữu trí tuệ và phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo (50 học phần) và NCKH của GV, NH ngành QC. Ngoài ra, Khoa QHCC&QC có Tủ sách riêng với những nguồn tài liệu về các tổ chức QC, truyền thông đại chúng, lí thuyết truyền thông nâng cao, ... với hàng chục đầu luận văn phục vụ GV và NH ngành QC tham khảo trong học tập và NCKH. Vào đầu năm học, Học viện/Khoa hướng dẫn sử dụng Thư viện và cung cấp tài khoản truy cập thư viện cho NH.

Các tài liệu, học liệu (bản điện tử) của Học viện/Khoa tương đối được cập nhật, cơ bản đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH. Hàng năm, Học viện đầu tư cho mua mới học liệu phục vụ đào tạo các ngành của Khoa QHCC&QC, trong đó có ngành QC hàng chục triệu đồng (tính cho giai đoạn đánh giá (2017-2021) là 137,2; 49,9; 78,1; 44,6; 103,4 triệu đồng).

Học viện/Khoa có dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện gồm Sổ theo dõi bạn đọc truyền thống để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Học viện có khảo sát sự hài lòng của độc giả về mức độ phù hợp của Thư viện, kết quả khảo sát có 87,0% NH năm 2018 và 86,5% năm 2021 hài lòng về thư viện và học liệu.

2. Điểm tồn tại

Một số tài liệu, giáo trình đang là “tài liệu lưu hành nội bộ”; việc hướng dẫn NH khai thác thư viện số hiệu quả chưa cao (một số SV khai thác thư viện số chưa hiệu quả).

Công tác mở rộng hợp tác, liên kết với các thư viện trên cả nước và các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản chưa đạt như kì vọng.

Phần mềm quản lý thư viện Kipos của Học viện mới chỉ có 04 module cơ bản, chưa có chức năng thống kê số lượng sách theo ngành, theo năm; chỉ có 01 máy khử từ.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

ĐBCL học liệu thông qua thúc đẩy việc xuất bản tài liệu lưu hành nội bộ và cập nhật tài liệu học tập thường xuyên hơn.

Học viện cần tăng cường việc kết nối nguồn dữ liệu học liệu số với các trường ĐH, tổ chức khác trên cả nước và nâng cao hiệu quả việc khai thác dữ liệu.

Cần đầu tư thêm chức năng thống kê số lượng sách theo ngành, theo năm cho Phần mềm quản lý thư viện Kipos để phục vụ quản lý, báo cáo và KĐCLGD được tiện lợi. Tăng số máy khử từ đủ cho phòng mượn tại mỗi tầng của tòa nhà Thư viện.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

3. Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh

Học viện có 06 phòng thực hành tin học, 03 phòng Lab có trang thiết bị học ngoại ngữ và 10 phòng thực hành kỹ năng nghề nghiệp dùng chung cho các ngành đào tạo của Học viện. Khoa QHCC&QC sử dụng phòng học và phòng các phòng thực hành nghiệp vụ để tổ chức thực hành nghiệp vụ về các phương tiện truyền thông, truyền thông tiếp thị tích hợp (IMC), các dự án marketing, hành vi khách hàng, sản xuất quản cáo cho NH. Do tính chất của ngành học QC, một số tiết học thực hành có thể thực hiện tại lớp

học. Học viện có các phòng chức năng được trang bị đầy đủ âm thanh, ánh sáng, màn hình LED để phục vụ cho NH tổ chức sự kiện, tranh biện, ...

Học viện có Qui định về quản lí, sử dụng các phòng thực hành (ví dụ Quyết định số 368/QĐ-HVBCCTT ngày 11/02/2020), trong đó nêu rõ mục đích, nguyên tắc, nội dung, qui trình sử dụng phòng thực hành cũng như công tác kiểm tra, khen thưởng và xử lí vi phạm. Trang thiết bị trong phòng thực hành của Khoa QHCC&QC được Văn phòng (Bộ phận Thực hành và Hỗ trợ đào tạo) chủ trì việc định kì duy tu, bảo dưỡng và cập nhật/nâng cấp (từ 600 triệu năm 2020 đến hơn 2 tỉ đồng năm 2017) để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và NCKH của ngành QC.

Học viện có NV (thuộc Bộ phận Thực hành và Hỗ trợ đào tạo của Văn phòng Học viện) phụ trách phòng thực hành; có hồ sơ theo dõi, quản lí và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị của phòng thực hành.

Định kì, Học viện và Khoa QHCC&QC thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV và NH về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng thực hành và các trang thiết bị. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết GV và NH hài lòng về trang thiết bị và các dịch vụ của Học viện. Chẳng hạn, năm 2021, 74.7% GV và 89,5 SV hài lòng về CSVC cho thực hành.

2. Điểm tồn tại

Kĩ năng khai thác, sử dụng các trang thiết bị thực hành của một số GV chưa thực sự thành thạo.

Qui định về quản lí, sử dụng các phòng thực hành (Số 368/QĐ-HVBCCTT) chưa có qui trình đăng kí sử dụng các phòng thực hành.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần tăng cường kĩ năng khai thác, sử dụng các trang thiết bị thực hành cho GV thực sự thành thạo nhằm nâng cao hiệu quả rèn nghề cho NH.

Cần bổ sung qui trình đăng kí sử dụng các phòng thực hành vào Qui định về quản lí, sử dụng các phòng thực hành.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Điểm mạnh

Học viện có hệ thống CNTT bao gồm hệ thống 03 máy chủ IBMX3500 M4 có bộ vi xử lí IntelXeonE5-2609 (2.4 GHz, 10M Cache, 4C/4T, Dual LGA 2011) để quản lí CSDL, quản lí các phần mềm quản lí và quản lí công nghệ thông tin SV; 610 máy tính có cài đặt phần mềm và được nối mạng, gồm cả 06 phòng thực hành máy tính dùng chung, 99

máy chiếu projectors (Khoa QHCC&QC được trang bị riêng 04 máy tính để bàn, 03 máy tính xách tay) dùng cho văn phòng phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH.

Hệ thống CNTT của Học viện hoạt động ổn định, an toàn (Học viện sử dụng 02 hệ đường truyền internet Leased Line do FPT cung cấp có tốc độ 6Mbps truyền đi quốc tế, 300Mbps truyền trong nước phục vụ công tác quản lý và 04 kênh FTTH do FPT và VNPT cung cấp có tốc độ 100Mbps/kênh) để hỗ trợ các hoạt động quản lý, đào tạo và NCKH; có các biện pháp bảo vệ an toàn, an ninh dữ liệu như hệ thống tường lửa (2 thiết bị Palo alto PA-500) cho hệ thống mạng LAN, phần mềm diệt virus bản quyền cho các máy chủ, chia VLAN mạng nội bộ, phân vùng wifi kèm đặt mật khẩu truy cập, ...

Công tác tin học hoá các hoạt động quản lý của Học viện đã bước đầu được chú trọng, như sử dụng 06 phần mềm quản lý các lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Học viện. Ngoài ra, Học viện còn sử dụng Microsoft Teams để giảng dạy, KTĐG và quản lý việc dạy học trực tuyến (có Quy định về công tác tổ chức kì thi học phần theo hình thức trực tuyến dành cho SV ĐH chính qui tập trung gồm 12 trang; Hướng dẫn coi thi trực tuyến trên phần mềm Microsoft Teams gồm 04 trang và Hướng dẫn thi trực tuyến trên phần mềm Microsoft Teams gồm 04 trang).

Hệ thống CNTT của Học viện/Khoa được định kì sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật thông qua việc kí kết các hợp đồng kinh tế hạ tầng mạng, cung cấp bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp, sửa chữa hệ thống CNTT hàng năm để hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo và NCKH. Trong thời gian Đoàn chuyên gia ĐGN làm việc, tốc độ wifi tại phòng làm việc của Đoàn ổn định, đáp ứng yêu cầu công việc.

Học viện đã lấy ý kiến phản hồi của NH về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ của hệ thống CNTT. Kết quả cho thấy mức độ hài lòng của NH về hệ thống CNTT tăng từ 71,1% năm 2020 đến 92,3% năm 2021.

2. Điểm tồn tại

Chưa có phần mềm quản lý tương tác giữa GV và NH trong dạy-học trực tuyến (việc quản lý, giám sát đánh giá online chưa thực sự hiệu quả); chưa có phòng studio để sản xuất học liệu e-learning riêng (đang dùng chung với phòng thực hành nghề).

Chưa có phần mềm quản lý minh chứng phục vụ công tác KĐCLGD; việc số hóa minh chứng/văn bản còn hạn chế.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần phát triển phần mềm quản lý giảng dạy trực tuyến để quản lý, giám sát tương tác giữa dạy và học, KTĐG trực tuyến; trang bị phòng studio để sản xuất học liệu e-learning. Tăng cường tin học hóa (ứng dụng CNTT) trong quản lý và đào tạo, đặc biệt hoàn thiện phần mềm quản lý tổng thể (Single Sign on) để việc sử dụng, quản lý được thuận tiện.

Cần phát triển phần mềm quản lí minh chứng phục vụ công tác kiểm định; tăng cường việc số hóa minh chứng/văn bản.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

5. Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Điểm mạnh

Học viện áp dụng qui định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe theo Nghị định 80/2017/NĐ-CP và Thông tư 38/2019/TT-BLĐTBXH (chưa có qui định riêng); có các qui định, nội qui về an ninh, an toàn, trật tự, phòng chống cháy nổ được bố trí trong khuôn viên, giảng đường, phòng thực hành, ... để toàn thể CB, GV, NV, NH biết và thực hiện. Học viện có kí túc xá (độc lập), khu thể thao, căng-in (xã hội hóa), trạm y tế (04 phòng, có phòng lưu bệnh nhân trong vòng 12 giờ) rộng rãi, thoáng mát, sạch sẽ, tiện dụng. Cảnh quan môi trường thoáng đãng (5,6ha), xanh, sạch, đẹp: khuôn viên Học viện thiết kế như công viên với 497 cây xanh các loại (360 cây bóng mát, 137 cây cảnh), 241 chậu cảnh, 04 bể cảnh và khoảng 2.576m² thảm cỏ xanh.

Các qui định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai thực hiện như môi trường sinh thái và môi trường học tập, công tác y tế học đường, công tác đảm bảo an toàn cho NH, vệ sinh an toàn thực phẩm; phối hợp với Cảnh sát PCCC tập huấn cho CB, GV và NH về kiến thức, pháp luật PCCC; thường xuyên tự kiểm tra, phát hiện và khắc phục những sơ hở, thiếu sót về PCCC, triển khai các hoạt động liên quan đến phòng chống cháy nổ trong khuôn viên Học viện. Để việc di chuyển và sinh hoạt thuận lợi cho mọi đối tượng, Học viện có hệ thống lối đi thân thiện, có độ dốc ít dành cho người khuyết tật.

Học viện đã thực hiện lấy ý kiến phản hồi của GV và NH định kì về môi trường, sức khỏe và an toàn với tỉ lệ hài lòng khá cao (kết quả khảo sát năm 2021 cho thấy có 85,4% NV, 85,7 GV và 96,2 SV hài lòng về môi trường tâm lí, xã hội; 91,2 SV hài lòng về môi trường cảnh quan sư phạm).

2. Điểm tồn tại

Học viện chưa cụ thể hóa qui định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn. Chưa có phân loại rác thải ban đầu (thùng đựng rác thải tái chế, thùng đựng rác thải hữu cơ, thùng đựng chai/lọ thủy tinh, thùng đựng pin).

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần cụ thể hóa Nghị định 80/2017/NĐ-CP và Thông tư 38/2019/TT-BLĐTBXH thành qui định riêng của Học viện về tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn. Cần

trang bị dụng cụ (thùng đựng) để phân loại rác thải ban đầu để giảm tải cho các bãi rác/nhà máy xử lý, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9:

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT

Có đủ hệ thống phòng làm việc (86 phòng), phòng học (90 phòng) và phòng học trực tuyến (01), phòng thực hành tin học (06), phòng lab học tiếng (03), phòng chức năng và phòng làm việc dùng chung cho GS, phó GS, GV cơ hữu (60); hệ thống CNTT, Kí túc xá, thư viện, căng-tin, khu thể thao phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ; thư viện số và thư viện điện tử có đủ tài liệu học tập. Công tác tin học hoá việc quản lý trường học và an toàn dữ liệu bước đầu được chú trọng. Tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Kết quả khảo sát sự hài lòng về mức độ phù hợp của CSVC, chất lượng phục vụ, về môi trường, sức khỏe và an toàn đạt cao.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại (Smart Class) của Học viện còn ít. Việc hợp tác, liên kết với các thư viện của cơ sở giáo dục khác và các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản chưa đạt như kì vọng; phần mềm quản lý thư viện Kipos chưa có chức năng thống kê số lượng sách theo ngành, theo năm; đang sử dụng nhiều tài liệu nội bộ (chưa xuất bản). Kỹ năng khai thác, sử dụng các trang thiết bị thực hành của một số GV chưa thực sự thành thạo. Chưa có phần mềm quản lý tương tác giữa GV và NH trong dạy-học trực tuyến, việc sản xuất học liệu e-learning còn hạn chế; chưa có phần mềm quản lý minh chứng phục vụ công tác kiểm định.

- Khuyến nghị đối với CTĐT

Tăng số lượng phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại (Smart Class). Tăng cường việc kết nối nguồn dữ liệu học liệu số với các trường ĐH khác và nâng cao hiệu quả việc khai thác dữ liệu số; đầu tư thêm chức năng thống kê số lượng tài liệu theo ngành, theo năm cho phần mềm quản lý thư viện Kipos; rà soát ĐCHP thường xuyên hơn để bổ sung, cập nhật tài liệu học tập; tăng số máy khử từ. Tăng cường kỹ năng khai thác, sử dụng các trang thiết bị thực hành cho GV. Phân tích kết quả khảo sát sự hài lòng của GV, NH về mức độ phù hợp của phòng thực hành một cách hiệu quả hơn. Đầu tư phần mềm quản lý tương tác giữa GV và NH trong dạy-học trực tuyến, tăng cường sản xuất học liệu e-learning; phát triển phần mềm quản lý minh chứng phục vụ công tác kiểm định.

X. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

1. Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Điểm mạnh

Học viện có hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện lấy ý kiến của các BLQ trong quá trình thiết kế và phát triển CTDH: Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào tạo; Quy trình xây dựng và đánh giá CTĐT; Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ; xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các BLQ làm căn cứ để xây dựng, điều chỉnh cải tiến CTDH. Học viện đã thành lập Trung tâm KT&KĐCLĐT (số 876/QĐ-HVCT-HVQG ngày 26/4/2012) làm đầu mối triển khai hoạt động khảo sát phản hồi ý kiến của các BLQ về chất lượng đào tạo.

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ của ngành QC được thu thập, xử lý và sử dụng để phát triển CTDH. Ngoài ra, Khoa cũng sử dụng phiếu khảo sát ý kiến NTD, cựu SV và SV về số tín chỉ cần thiết và hợp lý của các HP. Kết quả khảo sát các NTD năm 2019 cho thấy 100% NTD hài lòng ở mức trung bình 4,15/5 với các tiêu chí kiến thức chuyên ngành; kỹ năng chuyên ngành; kỹ năng chung và phẩm chất cá nhân và năng lực tự chủ.

Trên cơ sở sử dụng kết quả phản hồi của các BLQ, Học viện đã triển khai sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, cập nhật CTĐT vào các năm 2016, 2018, 2020 (Số 745/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 22/02/2016; số 4972/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 26/10/2018; số 3916/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020).

2. Điểm tồn tại

Chưa quan tâm đến việc lấy ý kiến của các nhà khoa học về CTĐT; số lượng trường trong nước chọn để đối sánh CTĐT chỉ 01 trường (đối sánh với CTĐT ngành QC của Trường ĐH Kinh tế- Tài chính TP Hồ Chí Minh).

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng:

Học viện cần chú trọng đến việc lấy ý kiến của các nhà khoa học về CTĐT; Lựa chọn thêm một số cơ sở giáo dục trong và ngoài nước để đối sánh CTĐT nhằm phục vụ tốt hơn cho việc thiết kế và phát triển CTDH.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

2. Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh

Học viện đã xây dựng qui trình thiết kế và phát triển về xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT. Quy trình năm 2018 gồm 9 bước và có cải tiến quy trình năm 2020 gồm

có 10 bước: từ bước Đề xuất đánh giá/ cập nhật CTĐT; Lập kế hoạch đánh giá/cập nhật CTĐT; Lấy ý kiến các BLQ; ... cho đến phê duyệt và ban hành CTĐT; Việc rà soát, cập nhật điều chỉnh CTĐT thực hiện định kỳ 2 năm/lần theo các quy định của Bộ GD&ĐT. Trong chu kỳ đánh giá, Khoa đã thực hiện 02 lần sửa đổi bổ sung CTĐT.

Học viện đã lập các kế hoạch điều chỉnh CTĐT theo hệ thống tín chỉ. Trên cơ sở đó, Học viện đã xem xét, đánh giá hoạt động rà soát, điều chỉnh CTDH và cải tiến cách thức thực hiện bằng cách lấy ý kiến của các GV, NTD, chuyên gia, SV, cựu SV và ý kiến phản hồi của các SV về các môn học sau mỗi cuối học kỳ, SV cuối khóa sau khi học xong chương trình thông qua các biểu mẫu khảo sát về các khâu của CTDH.

Căn cứ vào ý kiến đóng góp của các BLQ, qua các buổi tọa đàm, các hội thảo khoa học và phân tích kết quả khảo sát về CTDH, Học viện đã chỉnh sửa CTDH, tổ chức nghiệm thu và ban hành theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và các văn bản hướng dẫn của Học viện.

2. Điểm tồn tại:

Việc khảo sát ý kiến về thiết kế và phát triển CTDH trong Học viện còn hạn chế về đối tượng, chỉ thực hiện khảo sát đối với các GV cơ hữu, chưa lấy ý kiến của GV kiêm nhiệm và GV hợp đồng. Kết quả khảo sát mang tính thống kê chưa có những đánh giá cụ thể chi tiết.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng:

Học viện mở rộng đối tượng lấy ý kiến khảo sát của tất cả các GV tham gia giảng dạy các môn học về quy trình thiết kế và phát triển CTDH, không phân biệt GV kiêm nhiệm hay GV Hợp đồng. Cần tổ chức phân tích, đánh giá các dữ liệu thu thập được sau khảo sát để có căn cứ đề xuất các phương pháp cải tiến phù hợp, phục vụ tốt hơn cho việc cải tiến CTDH.

4. Những điểm chưa rõ: Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

3. Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành văn bản quy định về quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT và thường xuyên rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT, CDR, phương pháp KTĐG KQHT của SV (Số 2643/QĐ-HVBCTT ngày 29/4/2020) và các văn bản hướng dẫn thiết kế phương pháp KTĐG học phần (Số 2647/HD-HVBCTT ngày 09/7/2020); Hướng dẫn xây dựng CDR CTĐT (Số 5621 ngày 10/11/2019); Quy định về đào tạo ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ (Số 3777/QĐ-HVBCTT ngày 18/10/2017); Quy định xây dựng, rà

soát và cập nhật ngân hàng đề thi (Số 2648/QĐ-HVBCTT ngày 09/7/2020).

Học viện đã quy định rõ các nhiệm vụ liên quan đến việc rà soát, đánh giá quá trình dạy học, đánh giá KQHT của SV như: Qui trình ra đề thi, quản lí và in sao đề thi, trong đó có các yêu cầu cụ thể về đề thi phải bao quát chương trình môn học, phải đánh giá được mức độ đạt mục tiêu và CĐR của các học phần; đề thi phải có kết cấu câu hỏi hợp lý giữa các câu hỏi và đảm bảo tính đồng đều và độ khó giữa các đề thi, tương thích với lượng thời gian làm bài quy định đối với học phần đó.

Học viện đã ban hành các văn bản quy định và hướng dẫn thiết kế và sử dụng PPDH đáp ứng CĐR (HD số 2663/HD-HVBCTT ngày 9/7/2020); Hướng dẫn thiết kế phương pháp KTĐG học phần (HD số 2674/HD-HVBCTT ngày 9/7/2020); Xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi (QĐ số 2648/QĐ-HVBCTT ngày 9/7/2020).

Học viện đã triển khai rà soát việc dạy và học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR, việc sử dụng các PPGD và học tập, KTĐG SV thông qua việc tổ chức Hội nghị đào tạo vào cuối năm học (BC tổng kết các năm học); định kì thực hiện khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV; các hoạt động dự giờ lên lớp của Khoa/bộ môn (Biên bản họp dự giờ GV của Khoa; Kết quả theo dõi kiểm tra việc giảng dạy của BQLĐT 2017-2021). Tỷ lệ hài lòng của SV ngành QC về phương pháp KTĐG tăng sau mỗi năm, 54,17% năm 2018; 73,6% Năm 2019; 76,3% năm 2020 và 88,6% năm 2021.

2. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi về các phương pháp KTĐG hoạt động giảng dạy của các nhà khoa học, các chuyên gia giáo dục còn hạn chế.

Trong báo cáo chưa thấy rõ việc Khoa có thực hiện việc phân tích kết quả KTĐG để làm căn cứ đề xuất cải tiến phương pháp KTĐG KQHT của NH.

Khoa chưa chỉ ra báo cáo cụ thể về việc lập các kế hoạch cải tiến trên cơ sở tổng hợp ý kiến phản hồi của các BLQ.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng:

Học viện cần có quy định, quy trình làm rõ việc phân tích các phổ điểm sau mỗi đợt thi kết thúc học phần. Khoa QHCC-&QC cần nghiên cứu để từng bước cải tiến, áp dụng các hình thức KTĐG tiên tiến hơn, đảm bảo các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá KQHT của NH tương thích với CĐR

Khoa và các đơn vị cần có báo cáo cụ thể về việc thực hiện các kế hoạch cải tiến trên cơ sở tổng hợp ý kiến phản hồi của các BLQ.

4. Những điểm chưa rõ: Không có.

5. Đánh giá mức độ đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3).

4. Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Điểm mạnh

Học viện ban hành Quy chế quản lý hoạt động NCKH trong đó qui định đầy đủ về quản lý hoạt động NCKH; hoạt động NCKH; hoạt động khai thác, trao đổi, phổ biến thông tin khoa học; hoạt động phục vụ khoa học (Số 881/QĐ-HVBCTT ngày 25/9/2011). Học viện cũng đã ban hành Quy định về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong hoạt động Khọc học và công nghệ (Số 5061/QĐ-HVBCTT ngày 27/12/2017) hướng dẫn và chính sách thúc đẩy hoạt động NCKH trong GV và SV. Ngành QC có một số đề tài NCKH gắn kết với hoạt động dạy như: Kỹ năng giao tiếp và phát ngôn với báo chí; Viết lời QC; Vận động hành lang trong quan hệ công chúng (Thống kê các đề tài NCKH của GV, SV ngành QC. Thống kê các công trình khoa học được sử dụng làm tài liệu bắt buộc, tham khảo trong ĐCHP). Trong tổng số 42 đề tài NCKH, có 15 đề tài điển hình được sử dụng trong dạy và học SV ngành QC giai đoạn 2017- 2022.

Các kết quả NCKH được áp dụng trong nội dung giảng dạy của một số CTDH, đặc biệt với các đề tài khá thực tiễn gắn kết với chuyên môn ngành học: Sản xuất sản phẩm truyền thông; Tác động của QC trong xã hội- những vấn đề lý luận cơ bản; Ngôn ngữ truyền thông; ... Một số báo cáo tổng kết đề tài NCKH các cấp được GV đưa vào danh mục tài liệu tham khảo trong các ĐCCT môn học như: Nhập môn QC, PR doanh nghiệp...). Bên cạnh đó GV còn tạo điều kiện, hỗ trợ SV tham gia cộng tác với GV trong NCKH.

Học viện đã tổ chức nhiều hình thức để phổ biến và hướng dẫn cách thức cập nhật cách thức áp dụng kết quả NCKH. Khoa cũng tổ chức các hội thảo chia sẻ các kết quả NCKH vào thực tiễn vào công tác giảng dạy (Biên bản tọa đàm, hội thảo xây dựng CTĐT).

2. Điểm tồn tại

Các đề tài NCKH định hướng giáo trình chỉ có 01 đề tài cấp cơ sở năm 2019 được xuất bản thành giáo trình và không có ở các năm 2020, 2021, 2022; có 03 sách tham khảo trên tổng số 42 đề tài NCKH của Khoa QHCC&QC.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng:

Tăng cường đầu tư vào các đề tài định hướng giáo trình, xuất bản giáo trình sau khi nghiệm thu đề tài NCKH.

Học viện cần quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao năng lực NCKH của GV để họ có thể chủ trì, tham gia NCKH các đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước gắn liền với việc giảng dạy và xuất bản giáo trình.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

5. Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh

Học viện có văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ thông qua định kì khảo sát ý kiến các BLQ, các quy định thực hiện báo cáo định kì về CSVC, thư viện, kiểm kê, kiểm tra trang thiết bị, nội quy sử dụng trang thiết bị (Số 4239/QĐ-HVBCTT quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của phòng công tác SV; số 3901/QQĐ-HVBCTT quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào tạo). Căn cứ các văn bản nêu trên, Học viện có kế hoạch thực hiện việc cải thiện chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.

Học viện thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ thông qua các báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát SV cuối khóa về chất lượng đào tạo, kết quả khảo sát GV, CB nghiên cứu về CSVC của Học viện và nắm bắt nhu cầu của SV (sổ tay ghi chép ý kiến SV hàng tháng); Mức độ hài lòng của GV tăng dần qua các năm. Cụ thể, năm 2019, tỷ lệ hài lòng của GV về CSVC là 54,8%; năm 2020 là 80% và năm 2021 là 84,62%. Kết quả khảo sát SV cuối khóa năm học 2021 cho thấy, tỷ lệ SV hài lòng các tiêu chí về CSVC đạt 4,2/5 trở lên (Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát GV, SV, NV từ năm 2017-2021).

Thông qua việc kiểm kê và đánh giá lại tài sản cố định hàng năm về các trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động giảng dạy và kết quả các khảo sát ý kiến đóng góp của CB, GV, Học viện đã thực hiện cải tiến chất lượng một số dịch vụ hỗ trợ: nâng cấp phần mềm QLĐT; hợp đồng thuê riêng kênh kết nối Internet; nâng cấp các thiết bị CNTT (Máy tính, ổ cứng); mua phần mềm: chấm thi, dạy học; thi trắc nghiệm; quản lý tài sản; quản lý thư viện; học tiếng Anh, ...); triển khai 12 gói thầu nâng cấp toàn bộ thư viện; lắp đặt hệ thống điều hòa tại tất cả các phòng học; thanh lý và thay thế trang thiết bị cũ; lắp đặt thêm hệ thống Wifi; bổ sung giáo trình tài liệu tham khảo; cải thiện hệ thống âm thanh tại các phòng học; ...

2. Điểm tồn tại

Nội dung trong phiếu khảo sát sự hài lòng của SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa được rà soát, cập nhật điều chỉnh hàng năm (các mẫu phiếu khảo sát trong chu kỳ đánh giá gần như không có thay đổi về nội dung trong bảng hỏi). Phiếu khảo sát sử dụng chung cho toàn trường nên một số nội dung chưa thể hiện được tính chuyên biệt, cụ thể của ngành.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng:

Học viện cần định kỳ rà soát, cập nhật nội dung trong phiếu khảo sát sự hài lòng của SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích để từ đó đánh giá sát hơn các nhu cầu của NH (Ví dụ: khảo sát về thái độ của CB, GV khi tiếp xúc với SV; Chất lượng vệ sinh tại căng tin khu ký túc xá; ... Nội dung của Phiếu khảo sát cần có những nội dung chuyên biệt cho từng ngành để giúp Học viện đưa ra những cải tiến thiết thực với từng ngành.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào tạo (Số 612/QĐ-HVBCTT ngày 20/02/2020). Học viện đã thành lập Trung tâm KT&ĐBCLĐT với chức năng nhiệm vụ cụ thể là đơn vị đầu mối phối hợp với các Khoa đào tạo, các Phòng, Ban chức năng tổ chức lấy ý kiến phản hồi các BLQ.

Cơ chế phản hồi của các BLQ đã được thiết lập và thực hiện đánh giá thông qua các qui trình khảo sát ý kiến các BLQ với các nội dung: sự hài lòng của SV cuối khóa học; ý kiến phản hồi từ SV đối với hoạt động giảng dạy của GV; ý kiến SV về CSVC; ... Quy trình thực hiện theo các bước: Lập kế hoạch khảo sát các BLQ; Ban Giám đốc phê duyệt; Gửi thông báo đến các khoa; Gửi thông báo khảo sát/phiếu khảo sát đến các BLQ theo Kế hoạch đã ban hành; Phân tích dữ liệu, viết báo cáo kết quả khảo sát và phản hồi tới các BLQ; Thực hiện cải tiến chất lượng đào tạo và hỗ trợ đào tạo.

2. Điểm tồn tại

Học viện chưa có văn bản chính thức quy định về việc giám sát và đánh giá các hoạt động thu thập ý kiến phản hồi từ các BLQ để các đơn vị lập kế hoạch cải tiến quy trình cũng như nội dung khảo sát.

Học viện chưa xem xét, đánh giá, tìm hiểu ý kiến SV về nội dung và số câu hỏi trong các mẫu phiếu khảo sát về CTĐT, CDR, CSVC, công tác dạy học, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích và NCKH.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng:

Học viện cần có giải pháp tăng cường thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ bên ngoài. Tăng cường giám sát việc thực hiện kế hoạch cải tiến của các đơn vị nhằm bảo đảm tính hiệu quả trong các hoạt động cải tiến chất lượng.

Cần xem xét, đánh giá, tìm hiểu ý kiến SV về nội dung và số câu hỏi trong các mẫu phiếu khảo sát về CTĐT, CDR, CSVC, hoạt động dạy - học, chất lượng các dịch

vụ hỗ trợ và tiện ích và NCKH.

Nên định kỳ rà soát mẫu phiếu khảo sát cho phù hợp với các yêu cầu hoạt động giảng dạy để cải tiến chất lượng đào tạo của Học viện.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10:

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Học viện có hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện lấy ý kiến của các BLQ trong quá trình thiết kế và phát triển CTDH. Học viện có quy trình xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT, có các bước thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và phản hồi từ các BLQ, có các quy định về quản lý quá trình dạy và học, đánh giá KQHT của NH đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR. Khoa QHCC&QC có đề tài NCKH được vận dụng có hiệu quả trong hoạt động và giảng dạy.

Các đơn vị của Học viện có sự phối hợp triển khai các đợt khảo sát và có báo cáo đánh giá mức độ đáp ứng của các hoạt động hỗ trợ dịch vụ và tiện ích đối với NH. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ và có hệ thống các đơn vị thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ.

Việc rà soát, cập nhật điều chỉnh CTĐT thực hiện định kỳ 2 năm/lần theo các quy định của Bộ GD&ĐT. Việc thiết kế và phát triển CTDH đã được cải tiến sau khi rà soát.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Chưa quan tâm đến việc lấy ý kiến của các nhà khoa học về CTĐT; số lượng trường trong nước chọn để đối sánh CTĐT chỉ 01 trường (đối sánh với CTĐT ngành QC của Trường ĐH Kinh tế- Tài chính TP Hồ Chí Minh)

Việc khảo sát ý kiến về thiết kế và phát triển CTDH còn hạn chế về đối tượng, chỉ thực hiện khảo sát đối với các GV cơ hữu, chưa lấy ý kiến của GV kiêm nhiệm và GV hợp đồng.

Kết quả khảo sát mang tính thống kê chưa có những phân tích, đánh giá cụ thể chi tiết các nội dung khảo sát.

Việc lấy ý kiến phản hồi về các phương pháp KTĐG hoạt động giảng dạy của các nhà khoa học, các chuyên gia giáo dục còn hạn chế.

Trong báo cáo chưa thấy nêu việc Khoa có thực hiện việc phân tích phổ điểm để làm căn cứ cải tiến phương pháp KTĐG KQHT của NH.

Khoa chưa chỉ ra báo cáo cụ thể về việc lập các kế hoạch cải tiến trên cơ sở tổng hợp ý kiến phản hồi của các BLQ.

Các đề tài NCKH định hướng giáo trình chỉ có 01 đề tài cấp cơ sở năm 2019 và không có ở các năm 2020, 2021, 2022.

Nội dung trong phiếu khảo sát sự hài lòng của SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa được rà soát, cập nhật điều chỉnh hàng năm.

Phiếu khảo sát sử dụng chung cho toàn trường nên một số nội dung chưa thể hiện được tính đặc thù, cụ thể của ngành.

Học viện chưa có văn bản chính thức về việc giám sát và đánh giá các hoạt động thu thập ý kiến phản hồi từ các BLQ để cải tiến quy trình cũng như nội dung khảo sát.

Học viện chưa xem xét, đánh giá, tìm hiểu ý kiến SV về nội dung và số câu hỏi trong các mẫu phiếu khảo sát về CTĐT, CDR, CSVC, công tác dạy học, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.

- Khuyến nghị đối với CTĐT

Khoa QHCC-QC cần mở rộng đối tượng khảo sát để tăng số lượng NTD góp ý về CTĐT nhằm thu thập dữ liệu một cách có hệ thống, đa dạng phục vụ tốt hơn cho việc thiết kế và phát triển CTDH.

Học viện cần có quy định, quy trình làm rõ việc phân tích các phổ điểm sau mỗi đợt thi kết thúc học phần. Khoa QHCC-QC cần nghiên cứu để từng bước cải tiến, áp dụng các hình thức KTĐG tiên tiến hơn, đảm bảo đánh giá tốt hơn năng lực NH.

Tăng cường đầu tư vào các đề tài định hướng giáo trình, xuất bản giáo trình sau khi nghiệm thu đề tài NCKH góp phần nâng cao hiệu quả của việc dạy và học.

Khoa và các đơn vị chức năng cần có kế hoạch thu thập ý kiến phản hồi từ các BLQ đối với các hoạt động riêng với mẫu phiếu khảo sát đầy đủ thông tin chuyên sâu phục vụ việc cải tiến chất lượng cho đơn vị mình. Báo cáo KQKS của các đơn vị cần có nội dung phân tích những điểm tồn tại cho từng hoạt động và đề xuất kế hoạch cải tiến cụ thể để lãnh đạo Học viện xem xét phê duyệt đưa vào kế hoạch chung.

Học viện cần định kỳ rà soát, cập nhật nội dung trong phiếu khảo sát sự hài lòng của SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích để từ đó đánh giá sát hơn các nhu cầu của NH. Cần xem xét, đánh giá, tìm hiểu ý kiến SV về nội dung và số câu hỏi trong các mẫu phiếu khảo sát về CTĐT, CDR, CSVC, hoạt động dạy - học, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích và NCKH.

Học viện cần có giải pháp tăng cường thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ bên ngoài; Tăng cường giám sát việc thực hiện kế hoạch cải tiến của các đơn vị nhằm bảo đảm tính hiệu quả trong các hoạt động cải tiến chất lượng.

XI. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

1. Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV ngành học được Học viện giao cho Ban QLĐT là

đơn vị chủ trì thực hiện, Khoa QHCC&QC là đơn vị phối hợp. Việc quản lý KQHT, theo dõi số SV thôi học và tốt nghiệp được thực hiện qua phần mềm QLĐT. Cuối mỗi học kỳ, Ban QLĐT đều thống kê và có quyết định danh sách các SV thuộc diện cảnh báo học vụ để gửi về Khoa. Công tác xét tốt nghiệp được Học viện tổ chức chặt chẽ, đúng quy chế. Mỗi năm, Học viện tổ chức xét tốt nghiệp 02 lần. Danh sách SV thôi học và tốt nghiệp được xác lập, cập nhật hằng năm và đều được gửi đến các khoa để theo dõi. Khảo sát thực tế nhận thấy, Học viện lưu trữ đầy đủ quyết định cho SV thôi học, nghỉ học có thời hạn và tốt nghiệp. Kết quả thống kê của Học viện cho thấy, tỉ lệ SV thôi học của các khóa tuyển sinh năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 tương ứng là 12,5%, 21,42%, 0,0%, 2,04%, 0,0% (trung bình là 6,8%); tỉ lệ SVTN đúng hạn của các khóa từ 2014-2018 đến khóa 2017-2021 tương ứng là 70,8%, 63,0%, 57,1%, 68,8% (trung bình 65,0%). Không có SV nào tốt nghiệp trước hạn.

Tình hình SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn đã được Khoa/Học viện đánh giá, phân tích thông qua các cuộc họp chuyên đề về đào tạo hoặc tổng kết học kỳ/năm học. Hằng năm Khoa đều có cuộc họp thảo luận về phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp hỗ trợ NH thuộc diện cảnh báo học vụ và còn nợ chưa tốt nghiệp (Biên bản họp Khoa ngày 29/6/2020). Khoa đã có một số cuộc họp thảo luận về tình trạng thôi học, chậm tốt nghiệp của SV và nhận thấy, tỉ lệ SVTN đúng hạn thấp là do SV không đạt CDR về tin học và ngoại ngữ và còn nợ một số HP; SV thôi học chủ yếu ở năm thứ hai với nhiều lý do khác nhau như đi du học, chuyển trường, hoàn cảnh gia đình hoặc KQHT kém. CVHT là đầu mối gặp gỡ SV có KQHT kém để tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất biện pháp giúp đỡ (tư vấn tâm lý, trao đổi trực tiếp với gia đình, ...). CVHT đã có vấn cho SV lập kế hoạch học tập phù hợp với năng lực và hoàn cảnh.

Khoa đã thực hiện đối sánh tỉ lệ SV thôi học, tỉ lệ SVTN đúng hạn của ngành học giữa các khóa, đối sánh với SV của 06 ngành khác trong Học viện như ngành Xuất bản, Kinh tế chính trị, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, ... để cải tiến chất lượng.

2. Điểm tồn tại

Học viện chưa có hướng dẫn chi tiết và phần mềm QLĐT chưa tiện ích để thực hiện thống kê, xác lập tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình nên có một vài số liệu còn chưa thật chính xác. Tỉ lệ SVTN đúng hạn còn thấp. Hiệu quả của việc đối sánh tỉ lệ SV thôi học và tỉ lệ SVTN của ngành học với SV các ngành khác trong Học viện và với SV cùng ngành của các trường ĐH khác trong nước chưa hiệu quả như số liệu đối sánh còn ít, chưa khai thác hết giá trị của những số liệu thống kê do Ban QLĐT xác lập.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Khoa cần quan tâm hơn đến công tác hướng nghiệp thông qua công tác truyền thông tuyển sinh, thông qua các hoạt động giới thiệu sâu về ngành học cho SV ngay từ

năm thứ nhất (mời các nhà lãnh đạo quản lý, các nhà khoa học đến giao lưu với NH...) để khơi dậy và hun đúc lòng yêu nghề cho SV. Các CVHT cần gần gũi và sâu sát hơn với SV để nắm bắt kịp thời hoàn cảnh, tâm tư, nguyện vọng của SV. Ban QLĐT cần hoàn thiện quy trình xác lập số liệu về tình trạng SV thôi học và tốt nghiệp theo khóa đào tạo của tất cả các CTĐT ĐH.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

2. Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh

Ban QLĐT là đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý KQHT, tổ chức xét tốt nghiệp và quản lý hồ sơ cấp bằng tốt nghiệp của SV. Quy chế đào tạo và phần mềm QLĐT là công cụ chính để giám sát, thống kê tình hình tốt nghiệp và xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khóa đào tạo. Theo quy chế đào tạo của Học viện thì thời gian đào tạo chuẩn của ngành học là 04 năm, thời gian tối đa là 06 năm. Kết quả thống kê cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khóa 2014-2018 đến khóa 2017-2021 tương ứng là 4,05 năm, 4,4 năm, 4,4 năm, 4,2 năm (bình quân là 4,4 năm).

Khảo sát thực tế nhận thấy, kết quả xét tốt nghiệp đều được gửi đến Khoa để thông báo đến các lớp SV và SV có thể truy cập thông tin qua tài khoản cá nhân được cấp. Đoàn thanh niên, CVHT và ban cán sự lớp đều có các cuộc họp định kỳ hằng tháng để nắm bắt tình hình học tập của SV để tư vấn cho SV lập kế hoạch học tập phù hợp, hỗ trợ mọi mặt khi SV có nhu cầu (Biên bản họp lớp ngày 17/03/2020). Khoa đã họp phân tích nguyên nhân tình trạng chậm tốt nghiệp và đề xuất giải pháp khắc phục (Biên bản họp Khoa ngày 19/10/2021). Nguyên nhân chủ yếu của việc tốt nghiệp chậm là SV chưa đạt CĐR về ngoại ngữ, tin học hoặc còn nợ một số HP chuyên môn. Một số giải pháp Học viện/Khoa đã thực hiện để nâng cao tỉ lệ SVTN đúng hạn là: Giám sát chặt chẽ KQHT của SV và thông báo kịp thời để SV có kế hoạch học trả nợ những học phần chưa đạt, thông báo những SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp kèm lý do cụ thể, tổ chức các lớp học bổ sung/ôn tập cho SV có nhu cầu học trả nợ hoặc cải thiện điểm (Số 3748/QĐ-HVBCTT ngày 21/9/2020 về việc mở lớp Bồi dưỡng CĐR Tiếng Anh trình độ B2). Từ năm 2020, Học viện đã điều chỉnh CĐR ngoại ngữ từ B2 xuống B1 để phù hợp với chất lượng thực tế của SV. Hoạt động CVHT được đẩy mạnh như hằng tháng Khoa đều có cuộc họp giữa CVHT với ban cán sự các lớp, cuộc họp phản ánh tình hình SV do Ban QLĐT chủ trì.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa SV đã được đối sánh với SV các khóa tương ứng của một số ngành trong Học viện như ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh

tế chính trị, Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước. Minh chứng và phỏng vấn cho thấy, Học viện/Khoa đã có những cuộc họp trao đổi thảo luận, đánh giá về tình hình tốt nghiệp của SV và hiệu quả của những giải pháp đã thực hiện để tăng số SVTN đúng hạn.

2. Điểm tồn tại

Thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa SV khá cao nhưng Khoa chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả. Khoa chưa thực sự tích cực tìm kiếm thông tin để đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành học với SV cùng ngành của một số trường ĐH trong nước để cải tiến chất lượng.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Ban QLĐT cần hoàn thiện quy trình và phương pháp tính thời gian tốt nghiệp trung bình của SV theo khóa đào tạo của tất cả các CTĐT ĐH và sau ĐH. Khoa/CVHT cần giám sát chặt chẽ hơn KQHT của SV, gần gũi, quan tâm tư vấn giúp đỡ đối với những SV có KQHT kém để giảm thời gian tốt nghiệp trung bình của SV (chú ý quan tâm hơn đến các SV chậm tốt nghiệp). Cần nâng cao hiệu quả hoạt động đối sánh tình hình tốt nghiệp trước và đúng hạn của SV với SV của tất cả các CTĐT trong Học viện và với SV cùng ngành của nhiều trường ĐH khác trong nước. Nên cải tiến quy trình xét tốt nghiệp đối với SV đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian đào tạo chuẩn theo hướng không yêu cầu SV phải làm đơn xin xét tốt nghiệp mà Ban QLĐT sẽ chiết xuất kết quả từ phần mềm QLĐT.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

3. Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh

Học viện giao cho Trung tâm KT&KĐCLĐT là đơn vị chủ trì việc khảo sát tình trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp (Số 4237/QĐ-HVBC&TT ngày 30/9/2019). Theo đó, Trung tâm có nhiệm vụ cụ thể là xây dựng cơ sở dữ liệu SVTN, khảo sát thống kê việc làm của SV sau tốt nghiệp và lập báo cáo kết quả khảo sát hằng năm. Trước năm 2020, Khoa trực tiếp thực hiện khảo sát và lập báo cáo kết quả chuyển về Trung tâm KT&KĐCLĐT. Kể từ năm 2020 trở lại đây thì nhiệm vụ này được chuyển cho Trung tâm KT&KĐCLĐT thực hiện. Hình thức khảo sát được thực hiện là gửi email, gọi điện thoại, gửi phiếu điều tra. Hồ sơ minh chứng cho thấy, Học viện có khá đầy đủ dữ liệu khảo sát về tình trạng SVTN hằng năm và hằng năm đều có báo cáo gửi Bộ GD&ĐT theo đúng quy định (báo cáo ngày 25/01/2022). Tình hình việc làm của SV còn được công bố trên trang thông tin điện tử của Học viện (mục ba công khai). Kết quả thống kê

tình trạng việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp của các khóa tốt nghiệp vào các năm 2017, 2018, 2019, 2020 như sau: Trung bình tỉ lệ SV phản hồi là 96,5%, trung bình tỉ lệ SV có việc làm là 90,5%, trung bình tỉ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo là 62,5% và có việc làm liên quan đến ngành đào tạo là 13,8%, trung bình tỉ lệ làm việc trong khu vực Nhà nước là 5,8% và tự tạo việc làm là 10,3%.

Đoàn ĐGN đã khảo sát độc lập đối với tốt nghiệp năm 2020 và năm 2021 với kết quả như sau:

NỘI DUNG KHẢO SÁT	KẾT QUẢ
Số lượng tốt nghiệp năm 2020, 2021	54SV
Số lượng SV phản hồi	18 SV
Đã có việc làm	94,44%
Có việc làm phù hợp với ngành đào tạo	82,35%
Có việc làm trong 06 tháng	94,12%
LV trong khu vực nhà nước	5,88%
LV ở khu vực ngoài nhà nước	64,71%
LV ở khu vực có yếu tố nước ngoài	17,64%
Tự khởi nghiệp	11,76%
Thu nhập dưới 5 triệu/tháng	5,88%
Thu nhập từ 5 - 7 triệu/tháng	17,65%
Thu nhập từ 7 - 10 triệu/tháng	17,65%
Thu nhập trên 10 triệu/tháng	64,7%

Học viện đã đối sánh tình trạng việc làm của SV ngành học sau tốt nghiệp (tốt nghiệp các năm 2019, 2020 với SV 14 ngành học của Học viện (báo cáo kết quả khảo sát tình trạng việc làm của SVTN năm 2020 vào tháng 01/2022. Tình hình việc làm của SVTN năm 2020 cũng đã được đối sánh với SV nhóm ngành VII của Trường ĐH Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Khảo sát thực tế cho thấy, Khoa đã có một số buổi họp, tọa đàm tư vấn hướng nghiệp cho SV để phân tích nguyên nhân tỉ lệ SV có việc làm đúng ngành không cao và

đề xuất một số giải pháp khắc phục. Trên thực tế, một số giải pháp đã được thực hiện như mở rộng các cơ sở hợp tác trong việc gửi SV đến thực tập thực tế với 130 cơ quan doanh nghiệp (Biên bản ghi nhớ ngày 17/07/2020 với công ty cổ phần Appota), tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao kỹ năng mềm cho SV (do Đoàn thanh niên Học viện chủ trì), thu thập thông tin tuyển dụng để công bố trên trang thông tin điện tử của Học viện (chuyên mục SV khởi nghiệp), tổ chức các buổi tọa đàm hướng nghiệp cho SV... Công tác hướng nghiệp đã được triển khai ngay từ năm thứ nhất để SV hiểu rõ về ngành nghề đào tạo, tạo động lực học tập tốt hơn. Học viện đã quan tâm trang bị cho SV kỹ năng mềm để thuận lợi trong quá trình xin việc (kế hoạch tập huấn kỹ năng mềm năm học 2018-2019 ngày 20/09/2018).

2. Điểm tồn tại

Khoa chưa thường niên đối sánh tình trạng việc làm của SV ngành học với SV các ngành khác của Học viện và số lượng đối sánh với SV cùng ngành của các trường ĐH khác trong nước còn khá ít. Khoa chưa phân tích sâu sắc về tình trạng việc làm của SV và chưa có tổng kết đánh giá về chất lượng hiệu quả, độ tin cậy của các số liệu khảo sát.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Khoa cần tăng cường phát triển mối quan hệ hợp tác với các cơ quan trong lĩnh vực đào tạo và NCKH, chú trọng phát triển cả về quy mô lẫn phạm vi (không chỉ trên địa bàn Hà Nội như hiện nay). Sau khi có kết quả khảo sát, Khoa cần nghiên cứu và phân tích dữ liệu kỹ càng hơn để tìm biện pháp cải tiến, trong đó có chú ý đến khu vực làm việc của SVTN. Cần rà soát, hoàn thiện hướng dẫn về hoạt động đối sánh, so chuẩn trong công tác ĐBCL, trong đó có đối sánh về tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

4. Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh

Học viện giao cho Ban Quản lý khoa học là đơn vị chịu trách nhiệm quản lý hoạt động NCKH của SV và các Khoa là đơn vị phối hợp thực hiện. Việc quản lý và tổ chức hoạt động NCKH của SV được thực hiện theo Quy chế Quản lý hoạt động khoa học của Học viện; Quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ và theo thông tư 19/2012/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Khảo sát thực tế cho thấy, loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV được xác định gồm chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài/dự án NCKH SV, thực hiện triển khai các tiến bộ Khoa học và Công nghệ vào thực tiễn, tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học.

Theo quy định của Học viện, mỗi lớp SV năm thứ hai và năm thứ ba được đề xuất 01 đề tài NCKH SV cấp Học viện. Việc giao cho SV thực hiện các đề tài NCKH SV cấp Học viện được thực hiện theo một quy trình tương đối chặt chẽ nhưng vẫn khuyến khích được SV tham gia thực hiện từ khâu thông báo đăng ký, phê duyệt cho đến khâu nghiệm thu thanh lý đề tài. SV được đăng ký làm chủ nhiệm đề tài phải là SV từ năm thứ hai trở đi, có ít nhất một học kỳ đạt học lực loại khá trở lên, có GV hướng dẫn. Tiêu chuẩn và quyền lợi của GV hướng dẫn cũng được quy định rõ ràng và có quy định giám sát tiến độ thực hiện (Biên bản kiểm tra tiến độ NCKH của SV ngày 16/07/2020). Ban Quản lý khoa học lưu trữ khá đầy đủ các quyết định phê duyệt đề tài NCKH SV cấp Học viện, hồ sơ các đề tài đã được nghiệm thu và thanh lý. Hằng năm, Học viện đều xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH của SV (Số 5877/KH-HVBCTT ngày 28/12/2020). Ngoài ra, Học viện còn chi kinh phí cho hoạt động hội nghị, hội thảo khoa học do SV tổ chức và hằng năm đều tổ chức Hội nghị Khoa học SV cấp Học viện.

Kết quả thống kê của Khoa cho thấy, trong chu kỳ đánh giá, SV của ngành học đã chủ trì thực hiện 01 đề tài NCKH SV cấp cơ sở với sự tham gia của 05 SV. Tổng kinh phí chi cho hoạt động NCKH của SV toàn Học viện tăng từ 140 triệu đồng năm 2016 lên 638 triệu đồng năm 2019. Năm 2020, Học viện đã dự trù cấp 979 triệu đồng cho hoạt động NCKH của SV (trung bình chi 5 triệu đồng/đề tài). Trong giai đoạn đánh giá, Học viện đã chi khoảng 10 triệu đồng cho hoạt động NCKH của SV thuộc ngành đào tạo.

Minh chứng cho thấy, Khoa đã đối sánh kết quả NCKH của SV ngành học với SV của các ngành học khác của Học viện như ngành Kinh tế chính trị, Xuất bản, ...

2. Điểm tồn tại

Quy định về loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV chưa đa dạng (mới chỉ quan tâm đến việc chủ trì/tham gia đề tài NCKH SV, tham gia các hội nghị hội thảo) và quy định mỗi lớp SV từ năm thứ hai trở lên được đăng ký 01 đề tài NCKH SV cấp Học viện là hơi ít. Chi thưởng cho SV có thành tích xuất sắc trong NCKH ở mức 500.000đ là thấp nên khó khuyến khích được SV tích cực tham gia (Số 1366/QĐ-HVBCTT ngày 11/3/2021). Khoa chưa định kỳ đối sánh kết quả NCKH của SV ngành học với SV nhiều ngành khác trong Học viện và đối sánh với SV cùng ngành của các trường ĐH khác trong cả nước. Kết quả NCKH của SV còn khá ít, mới chỉ có 01 đề tài NCKH SV cấp Học viện.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện nên có hướng dẫn chi tiết hơn về số lượng và các loại hình NCKH của SV như ngoài các loại hình đã quy định nên bổ sung thêm các loại hình khác như tham gia đề tài NCKH của GV, thực hiện các dự án, công bố kết quả nghiên cứu, tham gia các cuộc thi ý tưởng sáng tạo, tham dự các cuộc thi NCKH SV các cấp, ... Cần có giải

pháp mạnh để tạo dựng được phong trào NCKH trong SV nhất là với đặc thù của ngành học là thuận lợi cho hoạt động này. Nên điều chỉnh quy định về số lượng đề tài NCKH SV hằng năm theo hướng mở rộng và tăng mức thưởng với những đề tài có kết quả xuất sắc để khuyến khích được các lớp, các ngành có phong trào NCKH tốt. Định kỳ nên tổ chức các cuộc thi ý tưởng sáng tạo và khởi nghiệp trong SV ở cấp Khoa/Học viện. Cần quan tâm hơn đến hoạt động đối sánh kết quả NCKH của SV ngành học với SV các ngành đào tạo khác của Học viện và với SV cùng ngành của các trường ĐH khác trong nước làm cơ sở cho những cải tiến để thúc đẩy hoạt động NCKH trong SV.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 3).

5. Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Điểm mạnh

Trung tâm KT&KĐCLGD được thành lập vào năm 2012 có nhiệm vụ chủ trì thực hiện hoạt động khảo sát sự hài lòng của các BLQ và các ban/khoa là đơn vị phối hợp thực hiện (Số 4237/QĐ-HVBC TT ngày 30/9/2019). Để khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ, Học viện đã ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào tạo (Số 3901/QĐ-HVBC TT ngày 31/8/2019). Có 05 hình thức khảo sát: Khảo sát ý kiến của các BLQ về CTĐT; khảo sát ý kiến của SV về chất lượng giảng dạy học phần; khảo sát GV, NV và SV năm cuối, cựu SV, NTD về chất lượng đào tạo, khảo sát tình trạng việc làm của SVTN, ... Phương pháp khảo sát tương đối đa dạng gồm khảo sát online qua phần mềm QLĐT, Google form, gửi phiếu khảo sát qua email, gửi phiếu khảo sát trực tiếp, gọi điện thoại. Kết quả mỗi đợt khảo sát đều được tổng hợp báo cáo lãnh đạo Học viện và gửi đến các đơn vị có liên quan để nghiên cứu xây dựng biện pháp cải tiến chất lượng. Ngoài việc khảo sát qua phiếu hỏi, Học viện còn thường niên tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo Học viện với SV để lắng nghe và giải quyết kịp thời những đề xuất của SV.

Học viện đã khảo sát sự hài lòng của SV về nội dung của CTĐT, về PPGD và phương pháp KTĐG, về hoạt động hỗ trợ NH; khảo sát cựu NH về CTĐT, về hoạt động hỗ trợ đào tạo và tư vấn hỗ trợ việc làm; khảo sát sự hài lòng của GV về các chính sách và CSVC phục vụ cho công tác đào tạo và NCKH của GV; khảo sát sự hài lòng của NTD về nội dung CTĐT; đã khảo sát mức độ hài lòng của SV năm cuối về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng ngoại ngữ và tin học, ...

Mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập và đối sánh sau mỗi đợt khảo sát như: Mức độ hài lòng của SV về PPGD trong các năm 2017 đến năm 2021 tương ứng là 38,0%, 33,3%, 74,9%, 89,5%, 89,9%, hài lòng về đội ngũ hỗ trợ đào tạo là 48,1%,

39,6%, 62,5%, 79,5% và 87,7%, mức độ hài lòng của cựu NH khảo sát năm 2020, 2021 về hoạt động tư vấn hỗ trợ việc làm là 84,0% và 88,9%; mức độ hài lòng của GV về CSVC phục vụ đào tạo và NCKH trong các năm 2019, 2020, 2021 là 53,0%, 65,7%, 80,0%. Nhìn chung, mức độ hài lòng của SV về một số lĩnh vực khảo sát có xu hướng tăng dần thể hiện Học viện đã có nhiều cải tiến để nâng cao chất lượng.

2. Điểm tồn tại

Hồ sơ minh chứng chưa thể hiện rõ việc Khoa đã phân tích kỹ càng kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ, chưa thường niên đối sánh kết quả khảo sát với các CTĐT khác ở trong và ngoài Học viện để xây dựng các biện pháp cải tiến chất lượng. Mức độ hài lòng của SV năm cuối (báo cáo ngày 15/10/2020) về một số mặt còn thấp như về khả năng tư duy phản biện (52,2%), về khả năng ngoại ngữ (60,9%), về khả năng tham gia hoạt động NCKH (65,2%). Chưa thường niên khảo sát mức độ hài lòng của NTD, của GV về chất lượng SVTN. Chưa tổ chức các hội nghị chuyên đề về công tác khảo sát sự hài lòng của các BLQ để đánh giá về chất lượng, hiệu quả, độ tin cậy của công cụ và phương pháp khảo sát.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trung tâm KT&KĐCLĐT cần cập nhật điều chỉnh bộ phiếu khảo sát để phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo trong mỗi năm học như bổ sung phần nêu các điểm hạn chế lớn của CTĐT trong phiếu khảo sát SV năm cuối. Cần đa dạng hình thức khảo sát mức độ hài lòng của NTD và của GV về chất lượng SV sau tốt nghiệp (như ngoài các hình thức đã thực hiện cần tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo); và khảo sát theo khóa SVTN để có thêm cơ sở dữ liệu phục vụ đánh giá mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Học viện/Khoa cần định kỳ tổ chức tổng kết đánh giá kết quả tác động của hoạt động khảo sát sự hài lòng của các BLQ đến việc nâng cao chất lượng SVTN (như đánh giá độ tin cậy của kết quả khảo sát, đánh giá hiệu quả của phương pháp khảo sát, đánh giá tính hợp lý và khoa học của các phiếu khảo sát, đánh giá sự hợp lý của thời điểm tiến hành khảo sát trong năm, đánh giá mức độ cải tiến sau mỗi lần khảo sát, ...).

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11:

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT

Tỷ lệ SV thôi học, tỉ lệ SVTN đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và cập nhật hằng năm. Tỷ lệ SV thôi học thấp trung bình là 6,8%. Kết quả thống kê tỉ lệ SV thôi học, tỉ lệ SVTN đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình đã được Khoa phân tích, đối sánh với các CTĐT khác trong Học viện để cải tiến chất lượng. Công tác hỗ trợ, tư vấn hướng nghiệp giúp SV tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp được

quan tâm thông qua kết nối với các cơ sở ngoài Học viện để gửi SV đi tham quan/ thực tập, tìm kiếm và cập nhật thông tin tuyển dụng để thông báo cho SV. Tỷ lệ SVTN có việc làm cao. Công tác NCKH của SV được quan tâm thông qua việc ban hành chính sách khuyến khích và cấp kinh phí để thực hiện đề tài NCKH SV cấp cơ sở. Hoạt động khảo sát sự hài lòng của các BLQ được triển khai định kỳ hàng năm, có cải tiến về quy trình, phương thức khảo sát, công cụ khảo sát và kết quả khảo sát đã được Khoa và các đơn vị sử dụng tương đối hiệu quả để cải tiến chất lượng.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT

Học viện chưa có văn bản quy định chi tiết về công tác giám sát, thống kê tình hình SV thôi học, SVTN của các CTĐT theo khóa học. Tỷ lệ SVTN đúng hạn còn thấp. Chất lượng NCKH của SV không cao. Công tác đối sánh tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SVTN đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình, tình trạng việc làm của SV, kết quả NCKH của SV với SV cùng ngành của các trường ĐH khác còn hạn chế. Việc khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng SVTN có được thực hiện nhưng chưa bài bản.

3. Khuyến nghị đối với CTĐT

Học viện cần ban hành quy định chi tiết về công tác giám sát, thống kê, phân tích đối sánh tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và tính thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khóa đào tạo và hoàn thiện phần mềm QLĐT để thuận lợi cho các đơn vị triển khai thực hiện. Khoa cần đặc biệt quan tâm đến các giải pháp để giảm số SVTN chậm và đẩy mạnh phong trào NCKH trong SV. Đổi mới chính sách khuyến khích SV tham gia NCKH như tăng số lượng đề tài và tăng kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu. Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá năng lực SVTN để từ đó thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của NTD, GV, cựu NH về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, trách nhiệm xã hội của SV sau tốt nghiệp làm cơ sở triển khai đánh giá mức độ đạt được CĐR của CTĐT.

Phần III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Đoàn ĐGN đã bỏ phiếu thống nhất kết quả đánh giá mức đạt của CTĐT ngành Quảng cáo như sau:

- Số tiêu chí đạt mức 4 trở lên: 44 tiêu chí, đạt 88%;
- Số tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu: 11 tiêu chuẩn, đạt 100%;
- Đã có 13 khóa sinh viên tốt nghiệp.

Chiếu theo khoản 1 (Đã có ít nhất một khóa sinh viên tốt nghiệp tại thời điểm hoàn thành báo cáo tự đánh giá) và khoản 4 (chương trình đào tạo có ít nhất 80% số tiêu chí đạt yêu cầu, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu theo kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục) Điều 23 của Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 19/11/2013 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp thì CTĐT ngành Quảng cáo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền giai đoạn 2017 - 2022 đủ điều kiện xét công nhận đạt đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Kiến nghị

Đề nghị Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh tiến hành các thủ tục tiếp theo để xét công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cho CTĐT ngành Quảng cáo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

**PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI
TRUNG TÂM KĐCLGD**



Trần Đình Quang



Bùi Duy Cam

Phần IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Giới thiệu tóm tắt về Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo

Phụ lục 2. Tóm tắt kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

Phụ lục 3. Quyết định thành lập Đoàn đánh giá ngoài

Phụ lục 4. Lịch trình đánh giá ngoài

Phụ lục 5. Công văn phản hồi của CSGD có chương trình đào tạo được đánh giá về dự thảo báo cáo đánh giá ngoài

Phụ lục 1.

Giới thiệu tóm tắt về Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo

1. Giới thiệu tóm tắt về Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh được thành lập ngày 16 tháng 01 năm 1962 theo Nghị quyết số 36 NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa II. Ngày 20/11/1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 406 - HĐBT công nhận trường là trường Đại học. Từ thời điểm này, Học viện vừa là một trường Đảng trực thuộc Ban Bí thư Trung ương, đồng thời là trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Các hoạt động chuyên môn của Học viện đều được thực hiện theo quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Luật Giáo dục. Năm 2015, Học viện được Thủ tướng chính phủ phê duyệt là trường Đại học trọng điểm của mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền có sứ mệnh “NCKH, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.”

Tầm nhìn của HVBC&TT đến năm 2050: “trở thành cơ sở hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông. Học viện không ngừng phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới... Học viện phấn đấu trở thành:

Trường đại học là lựa chọn số một của sinh viên trong các ngành học thuộc lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông

Trung tâm nghiên cứu trong lĩnh vực tư vấn chính sách, công tác tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông hàng đầu, nơi tập hợp đội ngũ chuyên gia đầu ngành có tầm ảnh hưởng trong nước và khu vực.

Trường đại học vận hành theo các tiêu chuẩn quốc tế, có tầm ảnh hưởng về báo chí và truyền thông ở khu vực Đông Nam Á trước năm 2030; cơ sở đào tạo và nghiên cứu báo chí và truyền thông có uy tín ở châu Á - Thái Bình Dương trước năm 2050.

Các giá trị cốt lõi mà Học viện Báo chí và Tuyên truyền cam kết bao gồm: *Đoàn kết, Dân chủ, Đổi mới, Chất lượng và Cống hiến.*

Triết lý giáo dục của Học viện Báo chí và Tuyên truyền theo triết lý giáo dục của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Học để làm việc, làm người, làm CB. Học để phụng sự Đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại”¹

Cơ cấu tổ chức và đội ngũ CB, GV, NV của HVBC&TT:

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.6, tr.208.

Cơ cấu tổ chức của Học viện Báo chí và Tuyên truyền bao gồm: Đảng ủy – Hội đồng Trường - Ban Giám đốc –Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các Khoa, và các đơn vị chức năng - Bộ môn. Học viện hiện nay có 29 đơn vị trực thuộc gồm: 16 khoa đào tạo (Khoa Triết học, Khoa Kinh tế chính trị, Khoa Chủ nghĩa xã hội khoa học, Khoa Lịch sử Đảng, Khoa Xây dựng Đảng, Khoa Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Tuyên truyền, Khoa Chính trị học, Khoa Nhà nước - Pháp luật, Khoa Báo chí, Khoa Phát thanh - Truyền hình, Khoa Quan hệ quốc tế, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo, Khoa Xã hội học và Phát triển, Khoa Xuất bản, Khoa Ngoại ngữ và Khoa Giáo dục đại cương và Nghiệp vụ sư phạm); 06 ban (Ban QLĐT, Ban Quản lý Khoa học, Ban TCCB bộ, Ban Hợp tác Quốc tế, Ban Thanh Tra, và Ban Kế hoạch- Tài chính); 01 Văn phòng (Văn phòng Học viện); 02 phòng (Phòng Quản trị và Quản lý KTX, Phòng Công tác chính trị và Hỗ trợ sinh viên,), 03 trung tâm (Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo, Trung tâm thông tin Khoa học và Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học), 01 viện (Viện Báo chí), 1 tạp chí (Tạp chí Lý luận chính trị & truyền thông).

Tính đến tháng 3/2022, Học viện có tổng số 386 cán bộ GV, NV, trong đó có 28 Phó GS, 103 Tiến sĩ, 205 Thạc sĩ, 35 cử nhân; có 20 ngành đào tạo trình độ đại học, 12 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 6 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Giới thiệu về Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo

Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được thành lập theo Quyết định số 300/QĐ-HVBCCTT ngày 09 tháng 05 năm 2006 của Học viện. Khoa được thành lập trên cơ sở tổ bộ môn “Quan hệ công chúng và Quảng cáo với nhiệm vụ chủ yếu là đào tạo ngành cử nhân Quan hệ công chúng (mã số 7320108), ngành Quảng cáo từ năm 2008 (mã số 7320110).

Từ ngày thành lập đến nay, Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo không ngừng được củng cố và phát triển, từng bước đóng góp các thành quả của mình vào sự thành công chung trong sự nghiệp đào tạo và nghiên cứu khoa học phục vụ sản xuất của toàn Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Hiện nay, Khoa có 02 tổ bộ môn gồm tổ bộ môn Quan hệ công chúng; Quảng cáo - Marketing và 01 Văn phòng khoa. Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo đã xây dựng được đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên có năng lực và trình độ cao về chuyên môn, có khả năng sử dụng ngoại ngữ thành thạo (đặc biệt là tiếng Anh), có thể ứng dụng tốt công nghệ kỹ thuật và có kinh nghiệm tác nghiệp thực tế trong lĩnh vực quản lý truyền thông, quan hệ công chúng và quảng cáo – marketing chuyên nghiệp. Khoa có tổng số 15 cán bộ và giảng viên cơ hữu, trong đó có 01 PGS.TS, 04 TS, 03 nghiên cứu sinh, 07 thạc sĩ. 100% cán bộ giảng dạy trong Khoa có trình độ trên đại học và tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ của Khoa là trên 33,3 %. Khoa đã xây dựng được đội ngũ giảng viên trẻ, nhiệt huyết, có năng lực và trình độ cao về chuyên môn, sử dụng nhiều ngoại ngữ, ứng dụng tốt công nghệ kỹ thuật và có kinh nghiệm tác nghiệp thực tế trong lĩnh vực báo chí, quản lý

truyền thông, quan hệ công chúng và quảng cáo – marketing chuyên nghiệp. Nhiều người trong số này được đào tạo bài bản ở nước ngoài như Anh, Mỹ, Úc, Đài Loan, ...

Phụ lục 2. Tóm tắt kết quả Tự đánh giá chương trình đào tạo

CTĐT ngành Quảng cáo do Khoa Quan hệ công chúng và Quảng cáo. Khoa và Học viện đã thực hiện TĐG theo thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT và công văn 2085/QLCL-KĐCLGD của Bộ GD&ĐT.

1. Quá trình thực hiện TĐG từ tháng 7/2021 đến tháng 10/2022. Nội dung chính của Báo cáo TĐG CTĐT Quảng cáo được thực hiện theo 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, CĐR, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung và phương pháp tiếp cận trong dạy-học; tiêu chuẩn 5 về đánh giá KQHT của NH; tiêu chuẩn 6 và 7 hướng đến việc TĐG về đội ngũ CB, GV, nghiên cứu viên và đội ngũ NV; tiêu chuẩn 8 mô tả công tác tuyển sinh và hỗ trợ NH; tiêu chuẩn 9 tập trung đánh giá CSVC, trang thiết bị và môi trường học thuật; tiêu chuẩn 10 mô tả các quy trình nâng cao chất lượng CTĐT; tiêu chuẩn 11 đánh giá về kết quả đầu ra.

2. Mục đích, quy trình, phương pháp và công cụ TĐG CTĐT

Mục tiêu của việc TĐG: thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình về các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường. Trên cơ sở các kết quả đánh giá, Trường/Khoa nhận dạng những điểm mạnh để phát huy, điểm yếu cần khắc phục, từ đó đề ra các biện pháp và lập kế hoạch điều chỉnh nhằm cải thiện hơn nữa chất lượng đào tạo; thực hiện mục tiêu đào tạo nhân lực ngành Ngôn ngữ Anh chất lượng tốt, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động.

Báo cáo TĐG còn là cơ sở cho công tác ĐGN CTĐT, hướng tới mục tiêu kiểm định chất lượng CTĐT, khẳng định mong muốn và cam kết của Trường với NH, với xã hội, với thị trường lao động. Dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, Trường đã trình bày hiện trạng các điều kiện ĐBCL, chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH... cũng như các vấn đề liên quan khác; từ đó tiến hành điều chỉnh nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Phạm vi TĐG bao gồm toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động hỗ trợ khác cho CTĐT ngành ĐTH giai đoạn 2017-2022.

Công cụ TĐG là bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT quy định tại Thông tư số 04/2016/TT- BGDĐT cùng các công văn Số 1669/QLCL-KĐCLGD và Số 2085/QLCL-KĐCLGD của giáo dục ĐH của Bộ GD&ĐT.

Hội đồng TĐG được thành lập theo Quyết định số 6871/QĐ-HVBCTT ngày 01/12/2021, với 23 thành viên. Hội đồng có Ban thư kí gồm 17 thành viên và 6 nhóm công tác chuyên trách.

Quy trình TĐG: thực hiện theo các bước như hướng dẫn tại công văn số 2085 và 774/QLCL -KĐCLGD của Bộ GD&ĐT. Đối với mỗi tiêu chí, nội dung đánh giá bao gồm: phần mô tả thực trạng phân tích, giải thích, so sánh nêu ra những nhận định đánh giá, chỉ ra điểm

mạnh, điểm yếu; từ đó, lên kế hoạch hành động nhằm phát huy điểm mạnh, khắc phục hạn chế để cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; cuối cùng là phần TĐG theo từng tiêu chí.

Báo cáo TĐG do Ban thư kí mà chủ yếu là các CB, GV của Khoa Ngoại ngữ triển khai thực hiện với sự hỗ trợ cung cấp minh chứng từ các đơn vị chức năng của Trường. Từng nhóm tiến hành họp và phân công nhiệm vụ nghiên cứu các tiêu chuẩn, tiêu chí, văn bản hướng dẫn; xác định minh chứng cần có; phân tích minh chứng để từ đó xác định cách viết Báo cáo và tiến hành viết báo cáo. Báo cáo TĐG có sự tham gia đánh giá, đóng góp ý kiến của các phòng ban chức năng, các nhóm người học và cựu NH, các doanh nghiệp và tổ chức sử dụng lao động.

Báo cáo cũng đề xuất kế hoạch, biện pháp khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh; định hướng trọng tâm phát triển và cải tiến chất lượng CTĐT trong giai đoạn tiếp theo.

3. Kết quả TĐG có thể tóm tắt như sau:

- Số tiêu chí đạt từ mức 4 trở lên: 50 (100%);
 - + Số tiêu chí đạt mức 2: 0
 - + Số tiêu chí đạt mức 3: 0
 - + Số tiêu chí đạt mức 4: 02
 - + Số tiêu chí đạt mức 5: 48
 - + Số tiêu chí đạt mức 6: 0
 - + Số tiêu chí đạt mức 7: 0
- Số tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá từ mức đạt trở lên: 11;
- Số tiêu chuẩn có mức đánh giá trung bình đạt từ mức 4 trở lên: 11 (100%);
- Tỷ lệ số tiêu chí đạt (mức 4 trở lên): 100% (50 tiêu chí);
- Điểm trung bình chung: 4,93.

Phụ lục 3. Quyết định thành lập Đoàn đánh giá ngoài

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
GIÁO DỤC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *526*/QĐ-KĐCLV

Nghệ An, ngày 30 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh danh sách Đoàn chuyên gia Đánh giá ngoài
03 chương trình đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
- TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

Căn cứ Thông tư số 61/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện thành lập và giải thể, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 4589/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-BGDĐT ngày 17/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cấp phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-KĐCLĐHV ngày 30/10/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh ban hành Quy định đối với kiểm định viên thực hiện đánh giá ngoài cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo;

Căn cứ Công văn số 3997-CV/HVBCTT ngày 30/9/2022 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc phân hời thông báo thay đổi thành viên Đoàn đánh giá ngoài 03 chương trình đào tạo của Nhà trường;

Theo đề nghị của Trường Phòng Đánh giá và Công nhận chất lượng giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh danh sách các Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài 03 chương trình đào tạo trình độ đại học của Học viện Báo chí và Tuyên truyền tại các Quyết định số 515, 516, 517/QĐ-KĐCLV ngày 25/8/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất

lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh về việc thành lập Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài 03 chương trình đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Các phòng chức năng, các ông, bà có tên tại Điều 1, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ml*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục QLCL-Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh (để b/c);
- Lưu: HC-DV, ĐGCN.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐOÀN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO QUẢNG CÁO
CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

*(Kèm theo Quyết định số: 526/QĐ-KĐCLV ngày 30 tháng 9 năm 2022
 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)*

TT	Họ và tên	Số thẻ/Chứng chỉ kiểm định viên	Chức vụ trong Đoàn
I	Chuyên gia		
1	PGS.TS. Bùi Duy Cam	2017.01.244	Trưởng đoàn
2	TS. Phan Hùng Thư	2017.01.323	Thư ký
3	TS. Trần Đình Quang	2017.01.313	Thành viên thường trực
4	TS. Đào Hải	2016.01.159	Thành viên
5	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	2014.02.066	Thành viên
6	TS. Trần Ái Cẩm	2016.01.146	Thành viên
7	PGS.TS. Nguyễn Thị Nhị	2017.01.301	Thành viên
II	Giám sát		
8	ThS. Nguyễn Thị Minh	KĐV-VNU0701	Giám sát viên

Ấn định danh sách gồm 08 người.

Phụ lục 4. Lịch trình Đánh giá ngoài

KẾ HOẠCH
KHẢO SÁT CHÍNH THỨC Học viện BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

1. CN Ngôn ngữ Anh

2. CN Quảng cáo

3. CN Xuất bản – Chuyên ngành Biên tập xuất bản

Thời gian: từ ngày 21/10/2022 đến ngày 25/10/2022

Địa điểm: Học viện Báo chí tuyên truyền

Số 36, đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Thời gian	Nội dung	Đối tượng, thành phần, địa điểm làm việc		
		NN ANH	QUẢNG CÁO	XB-CN BTXB
Ngày làm việc thứ nhất (Thứ Sáu, ngày 21 tháng 10 năm 2022)				
8:00 - 8:30	Họp đoàn, Trưởng đoàn phân công nhiệm vụ cho các thành viên	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)		
8:30 – 10:30	Đoàn làm việc nội bộ			
10:30 - 12:00	Khai mạc Khảo sát chính thức (Có chương trình chi tiết kèm theo)	<ul style="list-style-type: none"> - Đoàn chuyên gia ĐGN; - Đại diện Lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD - Trường ĐH Vinh; - Lãnh đạo Học viện; - Lãnh đạo Khoa có CTĐT được đánh giá; - Các Hội đồng Tự đánh giá; - Cán bộ, giảng viên, sinh viên các ngành có CTĐT được đánh giá (do Nhà trường điều động). <p style="text-align: center;">(Hội trường)</p>		
12:00 - 13:30	Nghỉ trưa			
13:30 -14:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các mảng của CTĐT: Đào tạo, Khảo thí; CTSV, ĐBCL, TTrGD; NCKH, Tài chính, Tuyển sinh, Hợp tác doanh nghiệp, Quản trị, Thư viện, CNTT...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn) (Cán bộ Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)		
14:00 - 17:00	Quan sát thực tế văn phòng bộ môn; phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng	Nhóm 1		

	máy tính và phòng tư liệu các khoa phụ trách 03 CTĐT.	Nhóm 2		
	Quan sát thực tế thư viện, y tế, phòng làm việc các phòng, ban chức năng liên quan, khuôn viên nhà trường và cơ sở vật chất khác.			
17:00 - 17:30	- Đoàn làm việc nội bộ; - Cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên tự do tiếp xúc với Đoàn (nếu có nhu cầu)	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)		
Ngày làm việc thứ hai (Thứ Bảy, ngày 22 tháng 10 năm 2022)				
8:00 – 11:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các mảng: Đào tạo, Khảo thí; CTSV, ĐBCL, TTrGD; NCKH, Tài chính, Tuyển sinh, Hợp tác doanh nghiệp, Quản trị, Thư viện, CNTT...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn) (Cán bộ Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)		
11:00 – 12:00	Đoàn làm việc nội bộ (Họp đoàn)	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)		
12:00 - 13:30	Nghỉ trưa			
		NN ANH	QUẢNG CÁO	XB-CN BTXB
13:30 - 14:30	Phòng vấn nhóm Phụ trách chuyên môn (Trưởng/ phó Khoa, trưởng/ phó Bộ môn phụ trách chuyên môn CTĐT được đánh giá)	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3
14:30 -14:45	Đoàn hội ý chuyên môn	Phòng hội ý		
14:45 - 15:45	Phòng vấn nhóm Cán bộ hỗ trợ và cán bộ Đoàn thể của cả 03 CTĐT	Phòng PV 03		
15:45 - 16:00	Đoàn hội ý chuyên môn	Phòng hội ý		
16:00 - 17:00	Phòng vấn nhóm Giảng viên	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3
17:00 - 17:30	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)		
Ngày làm việc thứ ba (Chủ Nhật ngày 23 tháng 10 năm 2022)				
8:00 - 8:15	Đoàn làm việc nội bộ			
8:15 - 9:15	Phòng vấn nhóm Nhà sử dụng lao động theo từng CTĐT	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3
9:15 - 9:30	Đoàn hội ý chuyên môn	Phòng hội ý		

9:30 - 10:30	Phỏng vấn nhóm Cựu sinh viên	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3
10:30 - 10:45	Đoàn hội ý chuyên môn	Phòng hội ý		
10:45 - 11:45	Phỏng vấn nhóm Sinh viên	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3
8:00 - 12:00	<i>Phỏng vấn qua điện thoại tình hình SV tốt nghiệp năm 2020 và 2021</i>	<i>Các phòng PV có lắp điện thoại</i>		
12:00 – 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>			
13:30 - 16:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các mảng của CTĐT: Đào tạo, Khảo thí; CTSV, ĐBCL, TTrGD; NCKH, Tài chính, Tuyển sinh, Hợp tác doanh nghiệp, Quản trị, Thư viện, CNTT...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn) <i>(Cán bộ Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)</i>		
16:00 - 17:30	Đoàn làm việc nội bộ (Họp đoàn)	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)		
<i>Ngày làm việc thứ 4 (Thứ 2, ngày 24 tháng 10 năm 2022)</i>				
8:00 - 10:00	Các thành viên trình bày báo cáo kết quả đánh giá theo công việc được phân công	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)		
	Thảo luận về những điểm cần làm rõ trong kết quả đánh giá của các thành viên			
10:00 - 11:30	Đoàn làm việc với Lãnh đạo Học viện và Lãnh đạo Khoa có CTĐT được đánh giá	<ul style="list-style-type: none"> - Đoàn chuyên gia ĐGN; - Lãnh đạo Học viện; - Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá; - Hội đồng tự đánh giá. <i>(Phòng họp)</i>		
11:30 - 12:00	Đoàn làm việc nội bộ	Phòng làm việc của Đoàn		
12:00 - 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>			
13:30 - 15:30	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành viên chuẩn bị slide báo cáo sơ bộ kết quả đánh giá các tiêu chuẩn được phân công; - Trưởng đoàn tổng hợp báo cáo kết quả đánh giá sơ bộ; - Thư kí tổng hợp Dự thảo Biên bản kết thúc đợt khảo sát chính thức. 	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)		

15:30 - 17:00	Các thành viên hoàn thiện báo cáo kết quả đánh giá theo Phụ lục 14, 15.	
17:00 - 17:30	- Đoàn làm việc nội bộ; - Cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên tự do tiếp xúc với Đoàn (<i>nếu có nhu cầu</i>)	
Ngày làm việc thứ năm (Thứ Ba ngày 25 tháng 10 năm 2022)		
8:00 - 8:30	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN (<i>Phòng làm việc của Đoàn</i>)
8:30 - 11:30	Bế mạc đợt khảo sát chính thức (<i>có chương trình chi tiết kèm theo</i>)	- Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài; - Đại diện lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; - Lãnh đạo Học viện; - Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá;
11:30 - 12:00	Kí biên bản hoàn thành đợt khảo sát chính thức giữa Đoàn ĐGN, Học viện BC&TT và Trung tâm KĐCLGD-Trường ĐHV.	- Các Hội đồng Tự đánh giá; - Đại diện các đơn vị trong Học viện; - Đại diện cán bộ, giảng viên, sinh viên các ngành có CTĐT được đánh giá. (<i>Hội trường</i>)

Phụ lục 5.

Công văn phản hồi của CSGD có CTĐT được đánh giá về dự thảo báo cáo ĐGN

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số: 6157/ CV-HVBC TT
v/v phản hồi về dự thảo báo cáo
đánh giá ngoài cấp CTĐT

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2022

Kính gửi: - Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Vinh;
- Đoàn Đánh giá ngoài 03 Chương trình đào tạo các ngành Ngôn ngữ Anh; Quảng Cáo; Xuất bản - Biên tập xuất bản

Căn cứ trên công văn số 548/KĐCLV của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Vinh ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc gửi dự thảo Báo cáo đánh giá ngoài 03 chương trình đào tạo các ngành Ngôn ngữ Anh, Quảng Cáo, Xuất bản - Biên tập xuất bản, Nhà trường có ý kiến phản hồi như sau:

Đoàn chuyên gia đã triển khai các hoạt động đánh giá ngoài đúng qui trình, đảm bảo tính chính xác, khách quan, trung thực, công bằng, độc lập và dựa vào các minh chứng cụ thể của Nhà trường.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài (trong 03 Dự thảo Báo cáo Đánh giá ngoài) của 03 chương trình đào tạo nêu trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT, TTKT&ĐBCLĐT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]

Trần Thanh Giang